

BÁO CÁO HOÀN THÀNH DỰ ÁN

**Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên
thiên nhiên bền vững
(Việt Nam)**

Tháng 12/2025

GE
JR
26-005

Mục lục

Danh mục từ viết tắt.....	iv
I. Thông tin cơ bản về Dự án.....	1
1. Quốc gia	1
2. Tiêu đề.....	1
3. Thời gian:	1
4. Bối cảnh.....	1
5. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.....	2
6. Cơ quan thực hiện	3
7. Tỉnh mục tiêu	3
II. Kết quả thực hiện Dự án.....	5
1. Kết quả thực hiện Dự án	5
1,1. Đầu vào phía Nhật Bản	5
1.1.1. Chuyên gia Nhật Bản	5
1.1.2. Trang thiết bị.....	6
1.1.3. Tập huấn.....	8
1.1.4. Chi phí hoạt động.....	14
1,2. Đầu vào phía Việt Nam.....	16
1.2.1. Bố trí nhân sự cơ quan đối tác	16
1.2.2. Văn phòng dự án.....	16
1.2.3. Chi phí hoạt động của cơ quan đối tác.....	17
1.3. Hoạt động.....	18
1.3.1. Hoạt động trong Đầu ra 1.....	18
1.3.2. Hoạt động trong Đầu ra 2.....	19
1.3.3. Hoạt động trong Đầu ra 3.....	20
1.3.4. Hoạt động trong Đầu ra 4.....	21
1.3.5. Hoạt động trong Đầu ra 5.....	29
1.3.6. Hoạt động trong Đầu ra 6.....	30
2. Thành quả của Dự án	44
2.1. Đầu ra và chỉ số.....	44
2.2. Chỉ số Mục tiêu cụ thể	50
3. Quá trình chỉnh sửa Ma trận thiết kế Dự án.....	51
4. Khác.....	56
4.1. Đóng góp về môi trường và xã hội (nếu có).....	56
4.2. Đóng góp về giới/xây dựng hòa bình/giảm nghèo (nếu có)	56
III. Kết quả đánh giá chung	57
1. Kết quả đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá DAC	57
1.1. Tính phù hợp	57
1.1.1. Phù hợp với chính sách của Chính phủ Việt Nam.....	57
1.1.2. Phù hợp với chính sách của Chính phủ Nhật Bản	60
1.1.3. Phù hợp với nhu cầu của khu vực và đối tượng mục tiêu tại Việt Nam..	60
1.2. Tính nhất quán	61
1.2.1. Phối hợp với các chương trình và tổ chức Nhật Bản.....	61

1.2.2. Phối hợp với các chương trình, nhà tài trợ khác.....	61
1.3. Tính hiệu quả.....	62
1.3.1. Mức độ thực hiện mục tiêu cụ thể của Dự án.....	62
1.4. Tính hiệu lực	62
1.4.1. Chi phí.....	62
1.4.2. Thời gian thực hiện	62
1.4.3. Quy trình thực hiện đầu ra dự án	63
1.5. Tác động.....	63
1.5.1. Khả năng thực hiện Mục tiêu tổng quát.....	63
1.6. Tính bền vững	63
1.6.1. Tính bền vững về chính sách và thể chế.....	63
1.6.2. Tính bền vững về kỹ thuật	63
1.6.3. Tính bền vững về tài chính	64
2. Yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và kết quả	66
2.1. Rủi ro, vấn đề và giải pháp được xem xét kỹ lưỡng trong các giai đoạn lập kế hoạch (Giả định quan trọng về Đầu ra).....	66
2.2. Rủi ro, vấn đề và giải pháp được xem xét kỹ lưỡng trong giai đoạn đầu thực hiện dự án	66
2.3. Quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện	66
3. Đánh giá kết quả quản lý rủi ro dự án.....	66
4. Bài học kinh nghiệm	67
5. Hiệu quả tổng thể	69
6. Tính bổ sung.....	69
IV. Thực hiện mục tiêu tổng quát sau khi hoàn thành dự án	70
1. Khả năng thực hiện Mục tiêu tổng quát.....	70
2. Kế hoạch hoạt động và cấu trúc thực hiện của phía Việt Nam để thực hiện mục tiêu tổng quát.....	70
3. Khuyến nghị cho phía Việt Nam.....	71
4. Kế hoạch theo dõi từ thời điểm kết thúc dự án đến thời điểm đánh giá hậu kỳ ..	71
PHỤ LỤC	72
Phụ lục 1. Biên bản thảo luận (R/D)	73
Phụ lục 2. Biên bản cuộc họp (M/M).....	73
Phụ lục 3. Ma trận thiết kế dự án (PDM).....	73
Phụ lục 4. Kế hoạch hoạt động tổng thể	73
Phụ lục 5. Kế hoạch hoạt động năm.....	73
Phụ lục 6. Báo cáo tiến độ 6 tháng 1 lần (từ 1-8)	73
Phụ lục 7. Ảnh hoạt động	74
Phụ lục 8. Danh sách tập huấn tại Nhật Bản.....	80
Phụ lục 9. Danh sách các lớp tập huấn trong nước	82
Phụ lục 10. Danh mục báo cáo của dự án	107

Danh mục bảng

Bảng 1. Tư vấn ngắn hạn tại Việt Nam (tính đến ngày 31/1/2025).....	6
Bảng 2. Tư vấn ngắn hạn tại Nhật Bản (tính đến ngày 31/1/2025)	6
Bảng 3. Trang thiết bị, hàng hóa mua sắm và bàn giao cho phía Việt nam	7
Bảng 4. Tập huấn TDDBR.....	9
Bảng 5. Tập huấn về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.....	13
Bảng 6. Chi phí hoạt động của Văn phòng chuyên gia.....	14
Bảng 7. Chi phí hoạt động của nhóm chuyên gia ngắn hạn.....	15
Bảng 8. Vốn đối ứng	17
Bảng 9. Kết quả tập huấn TDDBR và số lượng máy tính bảng trang bị	23
Bảng 10. Chương trình Hội nghị TDDBR ngày 25/09/2024.....	25
Bảng 11. Danh sách lớp tập huấn về QLRBV	33
Bảng 12. Nội dung tập huấn lập PAQLRBV	33
Bảng 13. Danh mục hoạt động QLRBV do Dự án hỗ trợ thực hiện.....	35
Bảng 14. Nguyên liệu đầu vào làm phân compost	39
Bảng 15. Kết quả thực nghiệm ươm cây.....	40
Bảng 16. Kết quả thực nghiệm trồng quế	42
Bảng 17. Kết quả thực nghiệm trồng sắn.....	42
Bảng 18. Tóm tắt báo cáo đánh giá về TDDBR	46

Danh mục hình

Hình 1. Bản đồ các tỉnh mục tiêu.....	4
Hình 2. Tóm tắt đầu vào chính từ phía Nhật Bản	5
Hình 3. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 1	18
Hình 4. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 2.....	19
Hình 5. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 3.....	20
Hình 6. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 4.....	21
Hình 7. Tổng quan về Hệ thống theo dõi diễn biến rừng	22
Hình 8. Hệ thống tài liệu trực tuyến.....	26
Hình 9. Ứng dụng Web phát hiện mất rừng.....	27
Hình 10. Ảnh chụp màn hình trang thông tin nhà phát triển của SEPAL đề cập đến sự phối hợp với Dự án trong phát triển các chức năng của SEPAL	28
Hình 11. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 5	29
Hình 12. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 6.....	30
Hình 13. Bản đồ vùng trồng quế xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	38

Danh mục từ viết tắt

BTTN&ĐDSH	Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học
BUR	Báo cáo cập nhật hai năm một lần
BQLDA	Ban Quản lý Dự án
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
FAO	Tổ chức Nông lương Liên hiệp quốc
FCPF	Quỹ đối tác các-bon lâm nghiệp
FORMIS	Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp
CKL	Cục Kiểm lâm
FRMS	Hệ thống theo dõi diễn biến rừng
FSC	Hội đồng quản lý rừng
GCF	Quỹ khí hậu xanh
GIZ	Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức
GEE	Google Earth Engine
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
BCĐ	Ban chỉ đạo
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
JIFPRO	Trung tâm Hợp tác và Xúc tiến Lâm nghiệp Quốc tế Nhật Bản
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
PDM	Ma trận thiết kế dự án
PEFC	Chương trình Chứng nhận Chứng chỉ Rừng
REDD+	Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, và vai trò của bảo tồn trữ lượng các-bon rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng và tăng cường trữ lượng các-bon rừng ở các nước đang phát triển
R/D	Biên bản thảo luận
SEPAL	Hệ thống quan sát trái đất, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để theo dõi hiện trạng sử dụng đất
PTLNBV	Phát triển lâm nghiệp bền vững
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
SNRM2	Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững
UEBT	Liên minh Thương mại Sinh học có Đạo đức
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc
UNFCCC	Công ước khung Liên hiệp quốc về Biến đổi khí hậu

USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VFCS	Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia
VFCO	Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững

I. Thông tin cơ bản về Dự án

1. Quốc gia

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2. Tiêu đề

Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

3. Thời gian:

12/5/2021– 31/12/2025

4. Bối cảnh

Việt Nam được ghi nhận là một trong những nước có đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của thế giới, với hệ sinh thái rừng, địa hình và khí hậu đa dạng dọc theo trục Bắc-Nam dài và hẹp. Tỷ lệ che phủ rừng ở Việt Nam giảm xuống còn 27% vào năm 1990 do tài nguyên đất bị suy thoái sau giai đoạn chiến tranh kéo dài, chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang canh tác nông nghiệp, phát triển hạ tầng quy mô lớn và khai thác gỗ quá mức, bất hợp pháp. Tuy nhiên, tỷ lệ che phủ rừng đã phục hồi lên 42% vào năm 2020 nhờ các chương trình trồng rừng mới quy mô lớn, chính sách bảo vệ, trồng lại rừng của Chính phủ, cùng hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế. Hơn nữa, kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp gỗ đã tăng đều và trở thành một nguồn đóng góp ngoại tệ quan trọng.

Dù vậy, lĩnh vực bảo vệ rừng và môi trường tự nhiên vẫn còn gặp nhiều thách thức. Diện tích rừng tăng lên phần lớn là do mở rộng diện tích rừng trồng, chủ yếu là rừng trồng các loài cây mọc nhanh như Keo, trong khi rừng tự nhiên tiếp tục bị suy thoái. Ngoài ra, khoảng 30% dân số, phần lớn là người dân tộc thiểu số, phụ thuộc vào lâm sản ngoài gỗ từ rừng và bị ảnh hưởng về sinh kế khi tài nguyên thiên nhiên suy thoái. Hơn nữa, ngành công nghiệp gỗ vẫn phụ thuộc vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ khoảng 120 quốc gia trên thế giới, do đó, chính phủ cần có sớm có giải pháp nâng cao chất lượng và đảm bảo nguồn cung gỗ trong nước. Tính hợp pháp của gỗ là chủ đề được nhiều bên quan tâm do sự đa dạng về quốc gia và chủng loại gỗ nhập khẩu cũng như bởi hệ thống chứng chỉ rừng trong nước của Việt Nam mới chỉ bắt đầu được thiết lập. Đây sẽ là vấn đề ảnh hưởng đến khả năng mở rộng xuất khẩu sang thị trường châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản và một số quốc gia khác, vốn là thị trường chính của ngành gỗ Việt Nam.

Trọng tâm chính sách của ngành lâm nghiệp không chỉ là bảo vệ, phục hồi rừng tự nhiên và hỗ trợ sinh kế cho người dân sống phụ thuộc vào rừng - vốn đã được thực hiện trong thời gian qua, mà còn là sử dụng hiệu quả và nâng cao giá trị của rừng trồng, cũng như khai thác các chức năng đa dạng của rừng.

Trong bối cảnh đó, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã hỗ trợ Chính phủ sửa đổi Luật Lâm nghiệp - văn bản pháp lý nền tảng về chính sách lâm nghiệp, trong khuôn khổ Dự án Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (2015-2021) (sau đây gọi là “SNRM1”), cũng là tiền thân của Dự án này. Ở cấp tỉnh, SNRM1 đã tổ chức hoạt động theo phương thức đa tầng, bao gồm phối hợp với khu vực tư nhân, nhằm (1) hỗ trợ xây dựng, sửa đổi và thực hiện thí điểm Kế hoạch Hành động REDD+, (2) sử dụng, thúc đẩy hệ thống TDDBR cấp tỉnh, và (3) xây dựng, thực hiện kế hoạch quản lý hợp tác với người dân địa phương tại Khu Dự trữ Sinh quyển Lang Biang.

Vào thời điểm rà soát sửa đổi Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp (giai đoạn 2006-2020) và Chương trình Phát triển Lâm nghiệp Bền vững (giai đoạn 2016-2020) để triển khai Chiến lược theo Luật Lâm nghiệp sửa đổi (một trong những kết quả của SNRM1), Chính phủ Việt Nam đã đề nghị Chính phủ Nhật Bản tăng cường hợp tác kỹ thuật, hỗ trợ điều chỉnh, thực hiện các văn bản chính sách trong ngành lâm nghiệp. Quá trình thực thi luật, quy định trong thực tế còn tồn tại nhiều bất cập. Do đó, Dự án SNRM2 đã hỗ trợ thực hiện đồng bộ các giải pháp ưu tiên cao nhất của Chính phủ và địa phương. Cụ thể, các chuyên gia dài hạn, ngắn hạn của Dự án đã hỗ trợ hoàn thiện chính sách ở cấp trung ương, là cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý rừng bền vững (QLRBV) theo các tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng hệ thống chứng chỉ rừng. Dự án đã phối hợp với chuyên gia ngắn hạn triển khai xây dựng, triển khai phương án QLRBV trên hiện trường tại các tỉnh tham gia. Dự án cũng đã hỗ trợ tiếp cận nguồn tài trợ bên ngoài thuộc Chương trình chi trả dựa trên kết quả Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng, bảo vệ rừng và tăng cường trữ lượng carbon rừng (sau đây gọi tắt là “REDD+”) thuộc Quỹ Khí hậu Xanh (GCF).

5. Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể

Mục tiêu tổng quát

Tăng cường năng lực quốc gia để phát huy tối đa lợi ích từ các hệ sinh thái rừng thông qua việc thúc đẩy quản lý rừng bền vững, REDD+ và bảo tồn đa dạng sinh học góp phần nâng cao sinh kế cho người dân địa phương và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Mục tiêu cụ thể:

Tăng cường năng lực cho cơ quan trung ương, chính quyền địa phương và các chủ rừng để thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế thông qua hỗ trợ rà soát, xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách cũng như các biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Hỗ trợ rà soát, đánh giá, xây dựng và hoàn thiện chính sách về lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học nhằm thực thi Luật Lâm nghiệp và Luật đa dạng sinh học;

- Tăng cường, nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương và các chủ rừng để thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế;

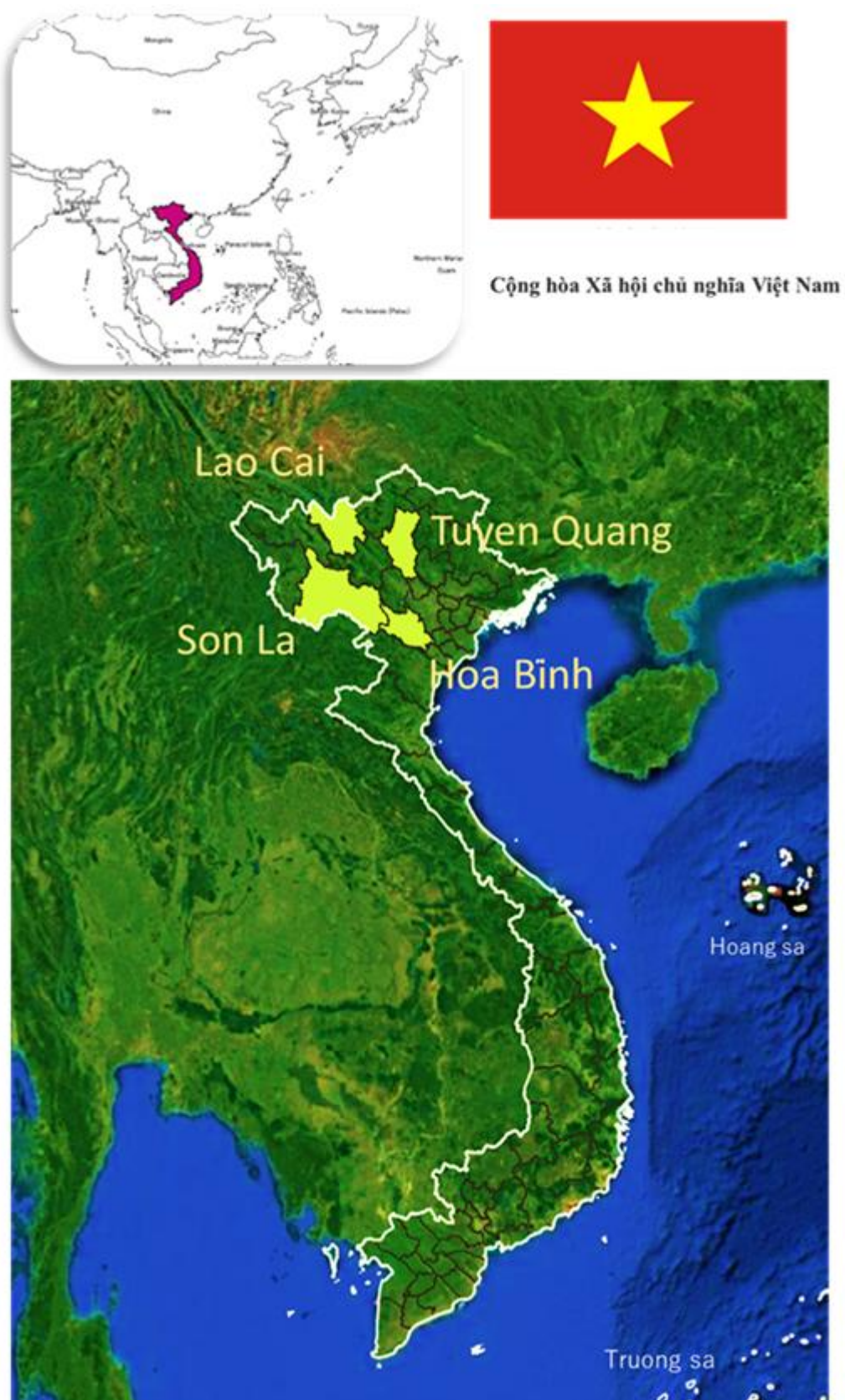
- Hỗ trợ rà soát, xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách, biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần nâng cao đời sống cho cộng đồng địa phương trong vùng dự án.

6. Cơ quan thực hiện

Cơ quan thực hiện là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bộ Tài nguyên và Môi trường (Tổng cục Môi trường và Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học) tham gia với vai trò là đối tác hợp tác; và 04 tỉnh Hoà Bình, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang.

7. Tỉnh mục tiêu

Các tỉnh mục tiêu của Dự án là Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang. Địa điểm các tỉnh mục tiêu được trình bày tại Hình 1.



Hình 1. Bản đồ các tỉnh mục tiêu

II. Kết quả thực hiện Dự án

1. Kết quả thực hiện Dự án

1.1. Đầu vào phía Nhật Bản

Hình 2 tóm tắt các đầu vào chính từ phía Nhật Bản.

Đầu vào	Năm NTCVN	2021				2022				2023				2024				2025			
		I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
Chuyên gia																					
Cố vấn trưởng	KH																				
	TT																				
Chuyên gia QLRBV	KH																				
	TT																				
Chuyên gia ĐDSH / ĐPV hành chính	KH																				
	TT																				
Tư vấn về QLRBV và TDDBR	KH																				
	TT																				
Cán bộ/tư vấn trong nước	KH																				
	TT																				
Trang thiết bị																					
Ô tô (cho Lào Cai và Tuyên Quang)	KH																				
	TT																				
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, ...)	KH																				
	TT																				
Trang thiết bị khác (nếu cần)	KH																				
	TT																				
Tập huấn tại Nhật Bản																					
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																				
	TT																				
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																					
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																				
	TT																				

Hình 2. Tóm tắt đầu vào chính từ phía Nhật Bản

Từng đầu vào được trình bày chi tiết như dưới đây.

1.1.1. Chuyên gia Nhật Bản

Phía Nhật Bản phái cử cả chuyên gia dài hạn và chuyên gia ngắn hạn để thực hiện Dự án này. Các chuyên gia dài hạn thực hiện điều phối chung và tập trung vào Đầu ra 1, 2, 3, 5 và 6, trong khi chuyên gia ngắn hạn thực hiện một phần Đầu ra 3, 6 và toàn bộ Đầu ra 4.

Ngoài 03 chuyên gia dài hạn, 08 chuyên gia ngắn hạn trong 07 lĩnh vực đã được phái cử sang làm việc trong 22 chuyến công tác, với tổng thời gian 537 ngày (tính đến ngày 31/1/2025). Một chuyên gia ngắn hạn về hệ thống TDDBR cư trú tại Hà Nội và tham gia thực hiện Dự án trong 243 ngày.

Các vị trí chuyên gia dài hạn bao gồm:

1. Cố vấn trưởng: 5/2021-12/2025
2. Chuyên gia QLRBV: 6/2021-6/2023
3. Chuyên gia ĐDSH / ĐPV hành chính: 11/2021-5/ 2025

Tư vấn ngắn hạn bao gồm:

Bảng 1. Tư vấn ngắn hạn tại Việt Nam (tính đến ngày 31/1/2025)

STT	Chuyên gia ngắn hạn	Người	Chuyến công tác	Ngày	Tháng
1	Trưởng nhóm/TDDBR	1	7	93	3,09
2	Phó Trưởng nhóm/Phối hợp nhà tài trợ	1	3	27	0,89
3	Hệ thống TDDBR	1	0	243	8,1
4	Quản lý rừng bền vững 1	1	3	70	2,34
5	Quản lý rừng bền vững 2	1	1	20	0,67
6	Quản lý rừng bền vững 3	1	4	47	1,58
7	Quản lý tập huấn	2	4	37	1,24
	Tổng	8	22	537	17,91

Bảng 2. Tư vấn ngắn hạn tại Nhật Bản (tính đến ngày 31/1/2025)

STT	Chuyên gia ngắn hạn	Người	Ngày	Tháng
1	Trưởng nhóm/TDDBR	1	44	2,22
2	Phó Trưởng nhóm/Phối hợp nhà tài trợ	1	52,2	2,61
3	Hệ thống TDDBR	1	0	0
4	Quản lý rừng bền vững 1	1	43,1	2,16
5	Quản lý rừng bền vững 2	1	46	2,3
6	Quản lý rừng bền vững 3	1	25	1,25
7	Quản lý tập huấn	2	16,8	0,84
	Tổng	8	227,1	11,38

Ngoài ra, Dự án bố trí 1 điều phối viên cấp tỉnh làm việc ở từng tỉnh mục tiêu để điều phối hoạt động dự án trên hiện trường. Đến cuối tháng 3/2025, tất cả điều phối viên cấp tỉnh đã kết thúc hợp đồng lao động và Dự án đã đóng văn phòng tại tất cả 4 tỉnh.

1.1.2. Trang thiết bị

Trang thiết bị cần thiết để thực hiện hoạt động của dự án đã được mua sắm trong giai đoạn đầu như thể hiện trong

Bảng 3.

Bảng 3. Trang thiết bị, hàng hóa mua sắm và bàn giao cho phía Việt nam

Hạng mục	Mã sản phẩm	Đơn vị mua	Số lượng
Hà Nội			
Máy in	Canon IR C3020	Chuyên gia ngắn hạn	1
Máy chiếu	Epson EB-X51	Chuyên gia ngắn hạn	1
Laptop	Lenovo Thinkbook 15-IIL	Chuyên gia ngắn hạn	3
Laptop phục vụ TDDBR	Lenovo Thinkpad	Chuyên gia ngắn hạn	1
Máy chủ dữ liệu TDDBR	HPE DL580 Gen10 CTO	Chuyên gia ngắn hạn	1
Máy tính để bàn	Dell Vostro 3681 + Dell E2318H	VPCG	1
Máy tính để bàn	Dell Vostro 3681 + Dell E2318H	VPCG	1
Máy tính để bàn	Dell Vostro 3681 + Dell E2318H	VPCG	1
Máy tính để bàn	Dell Vostro 3681 + Dell E2318H	VPCG	1
Laptop	Dell Vostro 3500	VPCG	1
Máy chiếu	EPSON EB-2265U	VPCG	1
Máy in	Ricoh MP3055SP	VPCG	1
Hòa Bình			
Laptop	Dell Vostro 3400	VPCG	1
Laptop	Dell Inspiron 15 5510 (OWT8R1)	VPCG	1
Máy chiếu	BENQ MX535	VPCG	1
Máy in	Canon MF2bbdn	VPCG	1
Sơn La			
Laptop	Dell Vostro 5402 V4I5003W	VPCG	1
Laptop	Dell Vostro 3400 70253899	VPCG	1
Laptop	Dell Vostro V3510B P112F002BBL	VPCG	1
Máy chiếu	Sony VPL-EX430	VPCG	1
Máy in	Canon MF443Dw	VPCG	1
Tuyên Quang			
Laptop	Dell Vostro 3400	VPCG	1
Laptop	HP Pavilion 15-eg2089TU	VPCG	1
Máy in	Canon MF443Dw	VPCG	1
Máy chiếu	Epson EB-X39	VPCG	1

Hạng mục	Mã sản phẩm	Đơn vị mua	Số lượng
Ô tô	Toyota Highlander XLE AWD	VPCG	1
Lào Cai			
Laptop	HP Pavilion x360 Convertible	VPCG	1
Laptop	Dell Vostro 3400	VPCG	1
Máy in	Canon i-SENSYS MF443dw	VPCG	1
Máy chiếu	Viewsonic PA503XB	VPCG	1
Ô tô	Toyota Highlander XLE AWD	VPCG	1

1.1.3. Tập huấn

Dự án hỗ trợ tổ chức tập huấn trong và ngoài nước (tại Nhật Bản).

1.1.3.1. Tập huấn tại Nhật Bản

Tổng cộng 14 cán bộ đã được cử tham gia các khóa tập huấn tại Nhật Bản về (a) quản lý rừng dựa trên hệ thống theo dõi bằng ảnh vệ tinh, (b) xây dựng chính sách về quản lý rừng bền vững, (c) quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, (d) sử dụng bền vững tài nguyên rừng và (e) ứng dụng viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng. Danh sách các khóa tập huấn tại Nhật Bản được trình bày trong phụ lục của báo cáo này.

1.1.3.2. Tập huấn trong nước

Dự án đã tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ các cấp và người dân về nhiều chủ đề khác nhau như tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi diễn biến rừng và quản lý rừng bền vững. Tổng cộng, 3.458 lượt học viên, bao gồm 1.707 lượt cán bộ (chiếm 49%) và 1.751 lượt người dân (chiếm 51%), đã được tập huấn. Kết quả này bao gồm 1.067 lượt học viên là nữ giới (chiếm 31%) và 2.088 lượt học viên là người dân tộc thiểu số (chiếm 60%). Danh sách các khóa tập huấn trong nước được trình bày trong phụ lục của báo cáo này.

Trong năm đầu tiên và đầu năm thứ hai của dự án, do ảnh hưởng của dịch virus corona chủng mới (COVID-19), Hà Nội (địa điểm đặt văn phòng Dự án) nhiều lần triển khai giãn cách xã hội. Người dân bị hạn chế di chuyển trong và ra ngoài thành phố cũng tổ chức họp hay sự kiện đông người. Nhóm tư vấn ngắn hạn cũng không thể bay sang làm việc tại Việt Nam. Hoạt động tập huấn phần lớn được tổ chức trực tuyến trong giai đoạn này. Từ năm 2022 trở đi, Chính phủ đã nới lỏng quy định liên quan đến COVID-19 và dự án có thể bắt đầu tổ chức trực tiếp các hoạt động tập huấn trong nước.

Bảng 4 trình bày thông tin về tập huấn TDDBR (Đầu ra 4) và quản lý rừng bền vững (Đầu ra 6), cũng là 2 lĩnh vực nâng cao năng lực trọng tâm của dự án.

Tập huấn TDDBR

Bảng 4. Tập huấn TDDBR

Nội dung	Ngày	Địa điểm	Đối tượng
Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Lào Cai	20-22/7/2022	CCKL tỉnh Lào Cai	40
Tập huấn ToT lần 1 về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Tuyên Quang	27-29/7/2022	CCKL tỉnh Tuyên Quang	25
Tập huấn ToT cho Cục Kiểm lâm và CCKL vùng	13-15/4/2022	CCKL tỉnh Hòa Bình	27
Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Sơn La	3-5/8/2022	Thảo Nguyên resort, Mộc Châu, Sơn La	32
Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Hòa Bình	10-12/8/2022	CCKL tỉnh Hòa Bình	25
Tập huấn ToT lần 2 về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Tuyên Quang	24-25/8/2022	CCKL tỉnh Tuyên Quang	25
Tập huấn ToT về hệ thống TDDBR	28-30/9/2022	Khách sạn Sen, Hà Nội	23
Hỗ trợ tổ chức tập huấn về Ứng dụng FRMS Desktop 4.0	14-16/12/2022	Khách sạn Bắc Kinh, Nghệ An	35
Phối hợp với FAO tập huấn FRMS 4.0 tại tỉnh Lào Cai	24-25/3/2023	Khách sạn Ngôi Sao, Lào Cai	70
Phối hợp với FAO tập huấn FRMS 4.0 tại tỉnh Đà Lạt	15-16/6/2023	Khách sạn River Prince, Đà Lạt, Lâm Đồng	75
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Lào Cai	5-7/7/2023	CCKL tỉnh Lào Cai	25
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Tuyên Quang	18-20/7/2023	CCKL tỉnh Tuyên Quang	29
Tập huấn thiết bị di động FRMS phục vụ quản lý rừng và TDDBR tại huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	2/8/2023	BQL rừng đặc dụng Tân Trào/huyện Sơn Dương	25

Nội dung	Ngày	Địa điểm	Đối tượng
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Sơn La	8-10/8/2023	Khách sạn Galaxy Grand, tỉnh Sơn La	25
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Hòa Bình	22-24/8/2023	CCKL tỉnh Hòa Bình	25
Tập huấn TOT cấp trung ương và cấp vùng về FRMS 4.0 trong TDDBR tại Hà Nội	29/9/2023	Khách sạn CWD, Hà Nội	18
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Tuyên Quang	22-25/5/2024	CCKL tỉnh Tuyên Quang	25
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Lào Cai	28-31/5/2024	CCKL tỉnh Lào Cai	25
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	3-4/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình	16
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	5-6/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Na Hang	24
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	10-11/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Chiêm Hóa	17
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	12-13/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Hàm Yên	20
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	17-18/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	20
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	19-20/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Sơn Dương	18
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Lào cai, tỉnh Lào Cai	25-26/6/2024	Hạt kiểm lâm thành Phố Lào Cai	22

Nội dung	Ngày	Địa điểm	Đối tượng
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	27-28/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bát Xát	17
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	1-2/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bắc Hà	21
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	3-4/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bảo Yên	22
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	8-9/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Văn Bàn	29
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Hòa Bình	17-19/7/2024	CCKL tỉnh Hòa Bình	25
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	25-26/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Tân Lạc	25
Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1-2/8/2024	Hạt kiểm lâm huyện Lạc Thủy	25
Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Sơn La	7-9/8/2024	CCKL tỉnh Sơn La	25
Tập huấn tại chỗ lần 1 về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	19-20/8/2024	CCKL tỉnh Sơn La	22
Tập huấn tại chỗ lần 2 về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	21-22/8/2024	CCKL tỉnh Sơn La	23
Tập huấn vận hành FRMS 4.0 và Flycam (Hà Nội)	18-20/9/2024	Vườn quốc gia Ba Vì, Hà Nội	42
Hội thảo tổng kết về TDDBR tại Hà Nội	25/9/2024	Khách sạn La Thành, Hà Nội	71
Tập huấn vận hành FRMS 4.0 và Flycam (Hà Nội)	3-5/10/2024	Khách sạn Duy Tân, Thành phố Huế	44
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Thái Nguyên	10-11/10/2024	CCKL tỉnh Thái Nguyên	60

Nội dung	Ngày	Địa điểm	Đối tượng
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Bắc Giang	16-17/10/2024	Trung Tâm Thương Mại Thở Thao Lam Sơn, Bắc Giang	40
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Phú Yên	21-22/10/2024	CCKL tỉnh Phú Yên	30
Tập huấn sử dụng thiết bị Flycam trong TDDBR rừng tại Lào Cai	24-25/10/2024	CCKL tỉnh Lào Cai	25
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Khánh Hòa	24-25/10/2024	CCKL tỉnh Khánh Hòa	30
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Yên Bái	14-15/11/2024	CCKL tỉnh Yên Bái	35
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Kiên Giang	21-22/11/2024	CCKL tỉnh Kiên Giang	35
Tập huấn về tích hợp bản đồ quy hoạch rừng với FRMS	21-23/11/2024	CCKL Đà Nẵng	21
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Lâm Đồng	25-26/11/2024	Hội Nông Dân tỉnh Lâm Đồng	35
Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Hà Tĩnh	28-29/11/2024	CCKL tỉnh Hà Tĩnh	35
Tổng lượt người tham gia			1.388

Nhằm nâng cao độ chính xác trong TDDBR và chất lượng dữ liệu báo cáo, Dự án đã hỗ trợ cải tiến, nâng cấp và tập huấn về TDDBR. Hệ thống TDDBR bao gồm cơ sở dữ liệu trung tâm, ứng dụng máy tính để bàn, ứng dụng Web, ứng dụng di động và hệ thống cảnh báo sớm về mất rừng, được Cục kiểm lâm vận hành.

Tập huấn về quản lý rừng bền vững

Nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững, Dự án tổ chức tập huấn về xây dựng phương án QLRBV cho các chủ rừng và cán bộ cơ quan quản lý ngành lâm nghiệp. Trước khi tập huấn, Dự án chuẩn bị tài liệu hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV, tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo để tìm hiểu thực trạng quản lý rừng và kiến thức của chủ rừng tại mỗi tỉnh. Dựa trên kết quả đánh giá, nội dung đào tạo đã được điều chỉnh để đảm bảo người tham gia có thể nắm bắt tài liệu.

Trong quá trình xây dựng phương án QLRBV cho 4 chủ rừng mục tiêu, Dự án hỗ trợ chủ rừng và cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp lập bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ diện tích rừng có giá trị bảo tồn cao và bản đồ quản lý rừng. Ngoài ra, trong Đầu ra 2 (Thúc đẩy vận hành hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững), Dự án đã tổ chức tập huấn

về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS) tại tỉnh Tuyên Quang.

Bảng 5. Tập huấn về xây dựng phương án quản lý rừng bền vững

Nội dung	Ngày	Địa điểm	Số lượng người tham gia
Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Hòa Bình	24/12/2021	Hòa Bình	13
Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Tuyên Quang	25/12/2021	Tuyên Quang	24
Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Lào Cai	29/12/2021	Lào Cai	30
Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Sơn La	5/1/2022	Trực tuyến	12
Tập huấn về QLRBV và chứng chỉ rừng theo VFCS	10-12/8/2022	Tuyên Quang	29
Tổng lượt người tham gia			108

Trong quá trình thực hiện các phương án QLRBV, dự án đã tổ chức nhiều lớp tập huấn trong nhiều chủ đề cho cán bộ quản lý và người dân, như trình bày trong danh sách các lớp tập huấn trong nước kèm theo báo cáo này.

1.1.4. Chi phí hoạt động

Bảng 6 trình bày tóm tắt chi phí hoạt động của văn phòng chuyên gia.

Bảng 6. Chi phí hoạt động của Văn phòng chuyên gia

(ĐVT: VNĐ)

Chi phí hoạt động/năm	2021	2022	2023	2024	2025 (Đến 30/11)	Tổng
Chi khác	4.526.169.780	4.266.113.766	4.795.282.917	4.843.439.359	953.942.875	19.384.948.697
Chi đi công tác (Máy bay)	0	23.147.000	311.478.000	2.267.000	0	336.892.000
Chi đi công tác (Ô tô)	39.442.667	299.383.473	287.019.798	221.022.215	49.118.139	895.986.292
Chi phí thuê tư vấn	5.942.884.446	1.050.187.960	935.373.500	665.145.000	392.756.400	8.986.347.306
Tổng	10.508.496.893	5.638.832.199	6.329.154.215	5.731.873.574	1.395.817.414	29.604.174.295

Ngân sách hoạt động ban đầu được phân bổ cho Văn phòng chuyên gia là 121.650.000 Yên Nhật, tương đương 20.609.639.000 VNĐ tính đến thời điểm hiện tại. Tổng chi thực tế của Văn phòng chuyên gia tính đến cuối tháng 11/2025 là 29.604.174.295 VNĐ, cao hơn khoảng 9 tỷ VNĐ so với kế hoạch ban đầu. Dự án đã được bổ sung ngân sách để chi trả chi phí phát sinh so với dự toán ban đầu.

Với nhóm chuyên gia ngắn hạn, chi phí hoạt động chung và chi phí hợp đồng thầu phụ được trình bày trong

Bảng 7 (tính đến ngày 31/1/2025).

Bảng 7. Chi phí hoạt động của nhóm chuyên gia ngắn hạn

(ĐVT: Nghìn Yên)

Danh mục	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Tổng
Chi phí vận hành chung				
Chi phí tuyển dụng đặc biệt	3.480	8.166	13.950	25.596
Chi phí phương tiện đi lại	218	474	1.825	2.517
Chi phí hội nghị, hội thảo	1.032	4.617	9.614	15.263
Chi phí văn phòng	4.409	4.659	9.004	18.072
Chi phí đi lại	18	370	939	1.327
Chi phí trang thiết bị	0	0	0	0
Chi phí chuẩn bị tài liệu	1	30	21	52
Chi khác	3.169	348	9.454	12.971
Cộng	12.327	18.664	44.807	75.798
Phí hợp đồng thầu phụ	42.417	4.717	0	47.134
Chi phí trang thiết bị	7.201	0	0	7.201
Chi phí cách ly tạm thời tại Việt Nam	0	1.385	0	1.385
Chi phí cách ly tạm thời tại Nhật Bản	186	1.087	0	1.273
Tổng	62.131	25.853	44.807	132.791

1.2. Đầu vào phía Việt Nam

1.2.1. Bố trí nhân sự cơ quan đối tác

(1) Ban quản lý dự án (BQLDA) trung ương

Ban quản lý dự án (BQLDA) trung ương được thành lập thuộc Ban quản lý các dự án lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) theo Quyết định số 3318/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/7/2021 của Bộ NN&PTNT, bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Điều phối viên và 8 cán bộ khác.

BQLDA trung ương là đối tác chính của Văn phòng chuyên gia, có trách nhiệm quản lý chung cũng như trao đổi thông tin, điều phối hoạt động với BQLDA các tỉnh.

(2) Ban quản lý dự án cấp tỉnh

Ban quản lý dự án (BQLDA) cấp tỉnh được thành lập tại bốn tỉnh tham gia dự án, bao gồm Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang. BQLDA tỉnh đóng vai trò triển khai và quản lý các hoạt động của Dự án cùng với chuyên gia Nhật Bản, và tiếp tục duy trì, nhân rộng các hoạt động sau khi Dự án kết thúc.

Thành viên của BQLDA tỉnh là cán bộ Sở NN&PTNT(nay là Sở NN&MT), Chi cục kiểm lâm và Hạt kiểm lâm. Mỗi BQLDA tỉnh có từ 8 đến 15 thành viên, bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Điều phối viên, Kế toán và các thành viên khác.

BQLDA tỉnh được thành lập tại:

1. Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 (tỉnh Hòa Bình)
2. Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 (tỉnh Sơn La)
3. Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 1/6/2021 (tỉnh Lào Cai)
4. Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 8/7/2021 (tỉnh Tuyên Quang)

1.2.2. Văn phòng dự án

Văn phòng dự án được triển khai tại mỗi địa phương tham gia (Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang). Văn phòng dự án tại 3 tỉnh: Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang được đặt tại Chi cục Kiểm lâm trong khi văn phòng dự án tại Hòa Bình nằm trong khuôn viên Sở NN&PTNT. Tương tự như giai đoạn trước, chuyên gia dài hạn được bố trí văn phòng làm việc tại Ban quản lý các dự án lâm nghiệp trong khi chuyên gia ngắn hạn bố trí văn phòng riêng tại Hà Nội. .

1.2.3. Chi phí hoạt động của cơ quan đối tác

Chi phí vốn đối ứng theo kế hoạch và thực tế giải ngân được trình bày tại Bảng 8. Tỷ lệ giải ngân tổng thể đạt 83%.

Bảng 8. Vốn đối ứng

ĐVT: (Triệu đồng)

Đơn vị	Vốn đối ứng (Kế hoạch)	Vốn đối ứng (Thực tế)	Tỷ lệ giải ngân (%)
BQLDA Trung ương	10.000	8.517	85%
BQLDA tỉnh Hòa Bình	5.000	3.431	69%
BQLDA tỉnh Sơn La	3.000	2.678	89%
BQLDA tỉnh Lào Cai	3.500	3.111	89%
BQLDA tỉnh Tuyên Quang	3.500	3.040	87%
Tổng	25.000	20.777	83%

(Nguồn: Quyết định số 2187/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/5/2021)

1.3. Hoạt động

Kế hoạch hoạt động và kết quả thực hiện theo báo cáo tiến độ lần thứ 6 được trình bày như dưới đây (dòng màu xám là kế hoạch, dòng màu nâu nhạt là thực tế triển khai)

1.3.1. Hoạt động trong Đầu ra 1

Hoạt động		Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
	Tiểu hoạt động	NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam			
HỢP PHẦN 1																										
[Đầu ra 1] Các chính sách và giải pháp chính về lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (2017) được cập nhật và/hoặc thực hiện.																										
1-1 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.																										
1-1-1 Hỗ trợ xây dựng các chỉ số giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								
1-1-2 Hỗ trợ giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								
1-2 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.																										
1-2-1 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								
1-2-2 Hỗ trợ giám sát, đánh giá các dự án đầu tư thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								
1-2-3 Hỗ trợ giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và tác động của Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								
1-3 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực lâm nghiệp.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN		
		TT																								

Hình 3. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 1

Các hoạt động trong Đầu ra 1 được phối hợp thực hiện với Tổng cục Lâm nghiệp/Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm bao gồm:

Hoạt động 1-1

- Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trong Hoạt động 1-1-1 (Bộ chỉ số được phê duyệt tại Quyết định số 1382/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ NN&PTNT).
- Hỗ trợ theo dõi tiến độ thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trong Hoạt động 1-1-2.
- Xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trong Hoạt động 1-1-2 (Sổ tay tạm thời được ban hành tại Quyết định số 52/QĐ-TCLN-KHTC ngày 31/3/2023 của Tổng cục Lâm nghiệp).
- Tổng hợp dữ liệu nền và đánh giá bước đầu tình hình triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trong Hoạt động 1-1-2.

Hoạt động 1-2

- Rà soát Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, bao gồm tình hình triển khai Chương trình, trong Hoạt động 1-2-1 và 1-2-3.

- Rà soát Nghị định về chính sách đầu tư thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, bao gồm rà soát các dự án/chương trình đầu tư trong Hoạt động 1-2-1 và 1-2-2.
- Hỗ trợ giám sát, đánh giá các dự án đầu tư thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trong Hoạt động 1-2-2.
- Xây dựng nghiên cứu khả thi và đánh giá tác động Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trong Hoạt động 1-2-3.

Hoạt động 1-3

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý lâm nghiệp, chuẩn bị cho đánh giá 5 năm kết quả thực hiện Luật Lâm nghiệp trong Hoạt động 1-3.
- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 01/2019/NĐ-CP về kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trong Hoạt động 1-3.
- Tổng hợp, rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư, dự án thành phần thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030 trong Hoạt động 1-3.
- In sách về quyền và nghĩa vụ của chủ rừng trong Hoạt động 1-3.

1.3.2. Hoạt động trong Đầu ra 2

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
		NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam			
	[Đầu ra 2] Hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng và áp dụng.																									
	2-1 Hỗ trợ thúc đẩy vận hành hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế.																									
	2-1-1 Hỗ trợ xây dựng, điều chỉnh, cập nhật các văn bản pháp lý, chính sách, kỹ thuật để vận hành hệ thống cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc gia.	KH																				Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	TCLN			
		TT																								
	2-1-2 Hỗ trợ xây dựng năng lực các bên liên quan để vận hành hệ thống cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc gia.	KH																				Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	TCLN			
		TT																								

Hình 4. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 2

Các hoạt động trong Đầu ra 2 được phối hợp thực hiện với Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (VFCO) bao gồm:

- Hỗ trợ 02 chuyên gia tư vấn rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 1288/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng trong Hoạt động 2-1.
- Xây dựng 08 tài liệu hướng dẫn/tiêu chuẩn kỹ thuật về QLRBV trong Hoạt động 2-1-1.
- Đánh giá nhu cầu đào tạo về chứng chỉ QLR và Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) trong Hoạt động 2-1-2.
- Lập kế hoạch, chuẩn bị tổ chức tập huấn về quản lý rừng và chứng chỉ CoC theo hệ thống VFCS/PEFC trong Hoạt động 2-1-2.

- Tổ chức khóa tập huấn về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS), với sự tham gia của 29 học viên trong Hoạt động 2-1-2.

1.3.3. Hoạt động trong Đầu ra 3

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
		NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam			
[Đầu ra 3] Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+, bao gồm cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài, được thúc đẩy.																										
3-1 Hỗ trợ thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+, bao gồm hỗ trợ tiếp cận nguồn chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) và các nguồn tài chính khác.		KH																					Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	TCLN		
		TT																								

Hình 5. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 3

Các hoạt động trong Đầu ra 3 (Hoạt động 3-1) được phối hợp thực hiện với Tổng cục Lâm nghiệp/Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm bao gồm:

- Chuẩn bị và nộp đề xuất ý tưởng
- Chuẩn bị và nộp đề xuất chi trả
- Chuẩn bị và nộp các báo cáo ĐBAT, bao gồm Đánh giá môi trường và xã hội (ĐGMTXH), Khung quản lý môi trường-xã hội (Khung QLMTXH), Đánh giá giới (ĐGG), Kế hoạch hành động giới (KHHĐG), Khung lập kế hoạch hành động vì người dân tộc thiểu số (Khung KHHĐ DTTS), Kế hoạch tham vấn bên liên quan (KHTVBLQ)
- Thúc đẩy ban hành thư không phản đối của Bộ Tài chính
- Phản hồi ý kiến trong quá trình đánh giá kỹ thuật của GCF

GCF bắt đầu Chương trình thí điểm chi trả dựa trên kết quả REDD+ vào tháng 10/2017. Giai đoạn này có tổng ngân sách 500 triệu USD, dành cho các quốc gia nộp đề nghị chi trả trong giai đoạn 2017-2022. Tuy nhiên, nguồn ngân sách cho giai đoạn thí điểm đã được giải ngân hết vào cuối năm 2020 cho 8 đề xuất của 8 quốc gia, bao gồm Brazil, Ecuador, Chile, Paraguay, Indonesia, Columbia, Argentina và Costa Rica. Số tiền chi trả cho mỗi quốc gia theo chương trình thí điểm dao động từ 18,6 triệu USD đến 103,8 triệu USD. Do phải chuẩn bị và trình báo cáo kết quả REDD+ lên UNFCCC, Việt Nam không kịp gửi đề xuất chi trả để tham gia giai đoạn thí điểm này (Việt Nam nộp báo cáo kết quả REDD+ cho UNFCCC vào tháng 4/2021 và UNFCCC hoàn thành đánh giá kỹ thuật vào tháng 9/2022).

Vào năm 2020, Hội đồng quản lý Quỹ GCF đã yêu cầu Ban Thư ký Quỹ GCF nghiên cứu, đề xuất Chương trình chi trả dựa trên kết quả REDD+ trong những năm tiếp theo; tuy nhiên, phải đến năm 2023, Hội đồng quản lý Quỹ GCF mới yêu cầu và bắt đầu thảo luận về thiết kế giai đoạn tiếp theo của Chương trình.

Cùng với Lào, PNG và Uganda, Việt Nam là quốc gia đã nộp đề xuất ý tưởng tham gia chương trình này của GCF nhưng chưa được chi trả do GCF đã giải ngân hết nguồn

vốn ban đầu (500 triệu USD). GCF gần đây bắt đầu tiếp nhận đề xuất chi trả từ 4 quốc gia nói trên để xem xét phê duyệt.

Đề xuất chi trả của Việt Nam đã được JICA chính thức gửi GCF vào tháng 4/2025. Theo đó, Việt Nam đề nghị chi trả cho một phần kết quả REDD+ năm 2014 trên phạm vi cả nước. Lượng giảm phát thải theo đề xuất ban đầu gửi lên GCF là 18.720.000 tCO₂e / 56.799.260 tCO₂e giảm phát thải thuần năm 2014. Dựa trên kết quả đánh giá (đạt 36/48 điểm, tức 75%), lượng kết quả sẽ được xem xét chi trả là 14.040.000 tCO₂e. GCF cộng thêm 2,5% tiền chi trả cho các lợi ích phi carbon và số tiền chi trả dự kiến (theo đơn giá 5 USD/tCO₂e) là 71.955.000 USD. Nguồn kinh phí này sẽ được sử dụng để thực hiện Dự án sử dụng tiền chi trả REDD+ trong thời gian tới.

1.3.4. Hoạt động trong Đầu ra 4

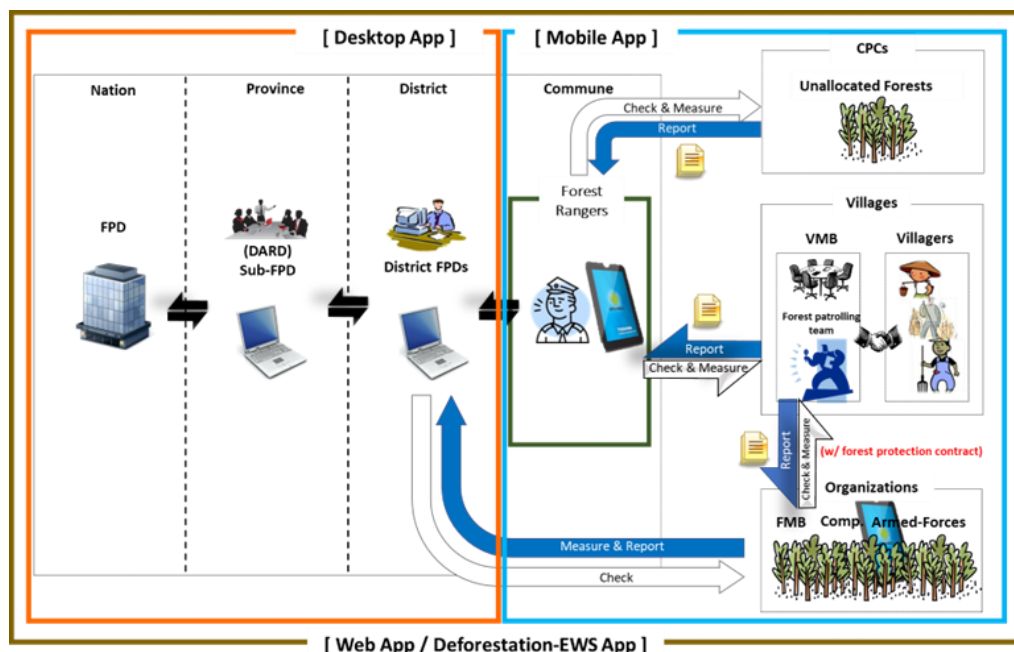
Hoạt động	Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
		NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam		
[Đầu ra 4] Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến được tăng cường áp dụng.																									
4-1 Hỗ trợ cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.	KH																								
	TT																								
4-2 Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho các cơ quan cấp trung ương và địa phương.	KH																								
	TT																								

Hình 6. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 4

Hoạt động 4-1. Hỗ trợ cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến rừng

Dự án đã hỗ trợ cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến rừng (FRMS) của Cục Kiểm lâm. Hệ thống FRMS giúp cập nhật hiệu quả dữ liệu TDDBR tại Việt Nam và ban đầu được phát triển với sự hỗ trợ của dự án FORMIS-II (2013 – 2018) ¹ trong chương trình hỗ trợ phát triển chính thức của Phần Lan cùng hợp tác với JICA. Hệ thống bao gồm Cơ sở dữ liệu (FRMS Database), Ứng dụng máy tính (FRMS Desktop), Ứng dụng Web (FRMS Web), Ứng dụng Di động (FRMS Mobile) và Ứng dụng Cảnh báo sớm biến động rừng (FRMS Warning). Trong số các ứng dụng này, JICA đã phát triển Ứng dụng Di động và Ứng dụng Cảnh báo sớm biến động rừng từ giai đoạn một (Hình 7). Tuy nhiên, các thông số, chỉ số TDDBR trong hệ thống FORMIS-II không phù hợp với quy định mới (Thông tư 26/2017/TT-BNN-PTNT). Sau khi Dự án FORMIS-II kết thúc vào năm 2018, quá trình vận hành trên thực tế theo báo cáo của lực lượng kiểm lâm trên toàn quốc bộc lộ nhiều thiếu sót, hạn chế và hệ thống cần được nâng cấp để mang lại hiệu quả lớn hơn.

¹ Dự án FORMIS: Dự phát triển Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp (FORMIS) Dự án phát triển Hệ thống thông tin quản lý để tổng hợp thông tin trong ngành lâm nghiệp. Cấu phần TDDBR là một phần của hệ thống thông tin này.



Hình 7. Tổng quan về Hệ thống theo dõi diễn biến rừng

Nhu cầu nâng cấp cải tiến FRMS được đề xuất dựa trên kết quả đánh giá của Cục kiểm lâm, với sự hỗ trợ của FAO. Dựa trên kết quả đánh giá, Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN) đã yêu cầu hỗ trợ 121 hạng mục nâng cấp, cải tiến FRMS (Văn bản số 1062/TCLN-KL ngày 09/08/2021 của TCLN). Dự án đã hỗ trợ thực hiện 62 hạng mục quan trọng và cần thiết để vận hành Hệ thống Văn bản số 1082/DALN-QLTV&XDDA ngày 11/10/2021 của Ban QLDA Lâm nghiệp). Các nội dung về nâng cấp, cải tiến được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định mới nhất về TDDBR (Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT). FRMS sau nâng cấp, cải tiến (FRMS 4.0) đã được bàn giao cho CKL ngày 28/03/2022. Tuy nhiên, CCKL các tỉnh đề xuất cần phải bổ sung các chức năng khác của phần mềm cũng như cần bảo trì hệ thống nhằm đảm bảo vận hành hiệu quả. Các hoạt động nâng cấp bổ sung và bảo trì hệ thống đã được thực hiện và hoàn thành vào ngày 31/12/2024, cùng với các hoạt động về nâng cao năng lực.

Hoạt động 4-2 Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho các cơ quan cấp trung ương và địa phương

Theo quy định, FRMS là một hệ thống theo dõi diễn biến rừng cả về diện tích và trữ lượng với mức độ hiệu quả cao hơn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, báo cáo dữ liệu từ thực địa khi phù hợp và bao gồm một chuỗi các quy trình đến khi dữ liệu được tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia, sau khi các địa phương đã ra quyết định công bố hiện trạng rừng hàng năm. Hoạt động nâng cao năng lực vận hành hệ thống cần bao gồm tăng cường kỹ năng vận hành đối với từng chức năng, từng hợp phần đối với từng cấp quản lý trong hệ thống kiểm lâm, ví dụ như tập huấn về FRMS Mobile và FRMS Warning cho cấp huyện và cấp xã, tập huấn về FRMS Desktop và FRMS Web cho cấp huyện, cấp tỉnh và cấp vùng, FRMS Database và quản trị hệ thống cho cấp trung ương, và lồng ghép FRMS Warning cho tất cả các cấp. Do ảnh hưởng của đại dịch (COVID-19) cũng như theo tiến độ của Hoạt động 4-1, hoạt động nâng cao năng lực đã được bắt đầu từ

năm 2022. Kết quả của hoạt động tập huấn nâng cao năng lực được trình bày trong Bảng 9, mục tập huấn trong nước (Đầu ra 4: TDDBR).

Chương trình tập huấn cho từng cấp được thiết kế và thực hiện riêng theo cấu trúc hình kim tự tháp phù hợp với cơ cấu tổ chức của ngành kiểm lâm. Chương trình được xây dựng căn cứ vào vai trò của từng cấp từ trung ương đến vùng, tỉnh, huyện (và xã).

Bảng 9. Kết quả tập huấn TDDBR và số lượng máy tính bảng trang bị

STT	Đối tượng	Số lớp tập huấn (lượt)	Số lượng học viên TGV (nữ học viên)*	Số lượng học viên thực hành (nữ học viên)*	Trang bị máy tính bảng/điện thoại thông minh
1	Cục KL và CCKL Vùng	3	68 (8 nữ)	0 (0 nữ)	22
2	CCKL tỉnh Hòa Bình	5	75 (4 nữ)	50 (6 nữ)	70
3	CCKL tỉnh Sơn La	5	82 (23 nữ)	45 (6 nữ)	70
4	CCKL tỉnh Lào Cai	8	90 (2 nữ)	111 (4 nữ)	137
5	CCKL tỉnh Tuyên Quang	11	104 (18 nữ)	140 (16 nữ)	141

* Số lượng học viên cộng dồn

Đối với các kiểm lâm viên ở cấp trung ương và cấp vùng, chương trình tập huấn nhấn mạnh vào việc tăng cường năng lực giám sát các hoạt động của các CCKL tỉnh, và dành thời lượng nhiều hơn về các khía cạnh quản lý. Tại bốn tỉnh mục tiêu của Dự án, tập huấn tập trung vào việc nâng cao các kỹ năng TDDBR ở cấp thực địa kết hợp với nội dung hướng các học viên đến việc trở thành người hướng dẫn kỹ thuật ở tỉnh của họ (mỗi tỉnh có 25 người hướng dẫn). Ngoài ra, nhằm thúc đẩy việc vận hành FRMS tại các tỉnh, các khóa đào tạo cũng được tổ chức cho Kiểm lâm và bảo vệ rừng tại cấp xã, tập trung vào các hoạt động nhằm giúp FRMS được triển khai vững chắc hơn. Cụ thể, tại bốn tỉnh mục tiêu của Dự án, việc triển khai FRMS được thúc đẩy chủ yếu bởi các thành viên Tổ chuyên trách về TDDBR do từng tỉnh thành lập. Số lượng các lớp tập huấn tại mỗi tỉnh được điều chỉnh phù hợp với tiến độ của từng tỉnh mục tiêu. Đặc biệt, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn mới được tham gia Dự án, và đây là lần đầu tiên ứng dụng di động FRMS được triển khai, do đó tỉnh này đã nhận được nhiều buổi đào tạo hơn so với các tỉnh khác. Ngoài các lớp tập huấn được Dự án hỗ trợ và thực hiện độc lập, còn có một số lớp được thực hiện với sự hợp tác giữa FAO và JICA dành cho các nhà quản lý về TDDBR ở cấp trung ương và cấp tỉnh (chi tiết được trình bày dưới đây). Hơn nữa, Dự án cũng đã góp phần tăng cường năng lực của cán bộ kiểm lâm trên toàn quốc bằng cách cử giảng viên tham gia giảng dạy tại các buổi đào tạo do CCKL các

tỉnh tổ chức.

Thông qua các chương trình nâng cao năng lực, FRMS đã được triển khai thành công tại tất cả các xã có rừng ở bốn tỉnh mục tiêu của Dự án. Ngoài ra, trong khuôn khổ SNRM1 và SNRM2, JICA đã hỗ trợ hình thành, duy trì các điều kiện cần thiết để vận hành hiệu quả FRMS trên toàn quốc.

Dự án đã tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và tổng kết các hoạt động về TDDBR tại Hà Nội vào ngày 25/9/2024 (Chương trình hội thảo tại

Bảng 10). Hội thảo có sự tham dự của cán bộ kiểm lâm cấp trung ương, vùng và tỉnh. Trong đó, Hội thảo có sự tham gia của 20 tỉnh, bao gồm 16 tỉnh không thuộc phạm vi mục tiêu của Dự án. Theo báo cáo của CKL tại Hội thảo, nhờ sự hỗ trợ của Dự án, hệ thống TDDRB đang được vận hành tại 58/60 tỉnh có rừng, trong khi Ứng dụng Di động FRMS đang được sử dụng tại 53/60 tỉnh có rừng trên toàn quốc. Đại biểu tham dự hội thảo đã nêu lên các vấn đề về quản lý sau: (1) khó khăn do luân chuyển cán bộ đã sử dụng thuần thục FRMS, và (2) FRMS hiện tại chưa tuân thủ các quy định mới nhất về TDDBR. Về vấn đề thứ nhất, giải pháp đề xuất là đảm bảo luôn có từ 5 đến 10 cán bộ về vận hành FRMS tại CCKL từng tỉnh, đồng thời khai thác hệ thống tài liệu trực tuyến do Dự án xây dựng. Đối với vấn đề thứ hai, CKL đã xây dựng đề xuất kinh phí nâng cấp và cải thiện hệ thống.

Ngoài ra, cơn bão Yagi, đổ bộ vào Việt Nam vào tháng 9/2024, đã gây ra nhiều thiệt hại nghiêm trọng từ lũ lụt và sạt lở đất tại tỉnh Lào Cai, một trong những tỉnh mục tiêu của Dự án. Lượng mưa lớn phá vỡ kết cấu đất, dẫn đến sạt lở và gây khó khăn khi tiếp cận nhiều khu vực. Trong trường hợp này, thiết bị bay không người lái (drone) đã được sử dụng để đánh giá hiện trạng rừng ở một số khu vực. Theo ý kiến của CCKL tỉnh Lào Cai tại hội thảo, trong trường hợp chịu ảnh hưởng của thiên tai, TDDBR bằng thiết bị bay không người lái rất hiệu quả. Do đó, CCKL đã đề xuất hỗ trợ một lớp tập huấn tích hợp hình ảnh từ thiết bị bay vào FRMS. Mặc dù nội dung này không được lên kế hoạch ban đầu, Dự án đã phối hợp với CCKL tỉnh Lào Cai hỗ trợ tổ chức tập huấn.

Bảng 10. Chương trình Hội nghị TDDBR ngày 25/09/2024

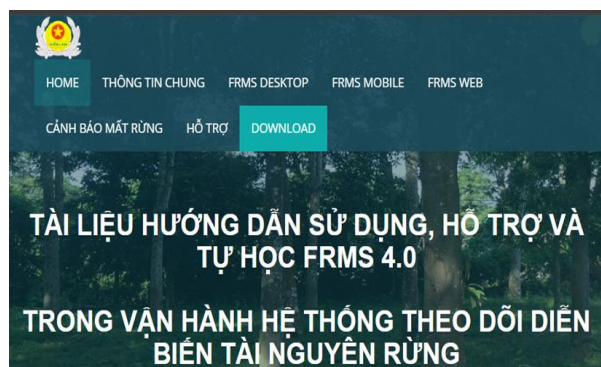
Thời gian	Nội dung	Phụ trách	
08:00-08:30	Đăng ký đại biểu, kết nối đường truyền trực tuyến các điểm cầu	Dự án SNRM2	
08:30-08:40	Giới thiệu đại biểu và chương trình hội nghị	BQLDA Trung ương	Ông Phạm Vũ Thắng
08:40-09:00	Phát biểu chào mừng, khai mạc Hội nghị.	Cục KL	Ông Nguyễn Văn Diện
09:00-09:20	Tóm tắt các hoạt động về TDDBR	Dự án SNRM2	Ông Hashiguchi Hozumi
09:20-10:00	Kết quả hoạt động của Dự án về TDDBR	Dự án SNRM2	Ông Nguyễn Văn Thanh
10:00-10:15	Thảo luận	Dự án SNRM2	Ông Phạm Vũ Thắng Ông Hashiguchi Hozumi
10:15-10:30	Nghỉ giải lao		
10:30-11:30	Hiện trạng và tình hình sử dụng FRMS	Dự án SNRM2	Ông Nguyễn Văn Thanh
11:30-13:00	Nghỉ trưa		
13:00-14:40	Chia sẻ kinh nghiệm vận hành hệ thống từ các tỉnh	Ban QLDA tỉnh Tuyên Quang Ban QLDA tỉnh Lào Cai Ban QLDA tỉnh Sơn La Ban QLDA tỉnh Hòa Bình	
14:40-15:00	Nghỉ giải lao		
15:00-15:30	Tình hình cập nhật dữ liệu diễn biến rừng bằng Phần mềm	Cục KL	Phòng TT và CDS
15:30-15:40	Vận hành bền vững FRMS sau nâng cấp	Dự án SNRM2	Ông Baku Takahashi
15:40-16:00	Kết luận Hội nghị	BQLDA Trung ương	Ông Vũ Duy Hưng

Tài liệu trực tuyến về FRMS

Hệ thống tài liệu Trực tuyến² được phát triển trong Giai đoạn 1 đã được chỉnh sửa để dễ sử dụng hơn với người dùng. Đây là bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng cho FRMS, được cập nhật dựa trên nội dung của tất cả các hợp phần của Hệ thống, bao gồm FRMS Desktop, FRMS Web, FRMS Mobile và FRMS Warning. FRMS là một hệ thống được áp dụng toàn quốc, do đó, tài liệu hướng dẫn và phần Hỏi đáp (Q&A) tương ứng đã được đăng tải trực tuyến để tất cả Kiểm lâm viên có thể truy cập, nghiên cứu. Điều này

² <http://tailieu.kiemlam.org.vn/>

cho phép cán bộ kiểm lâm có thể tìm hiểu về FRMS ngay cả khi Dự án kết thúc hỗ trợ.



Trang web tài liệu trực tuyến FRMS

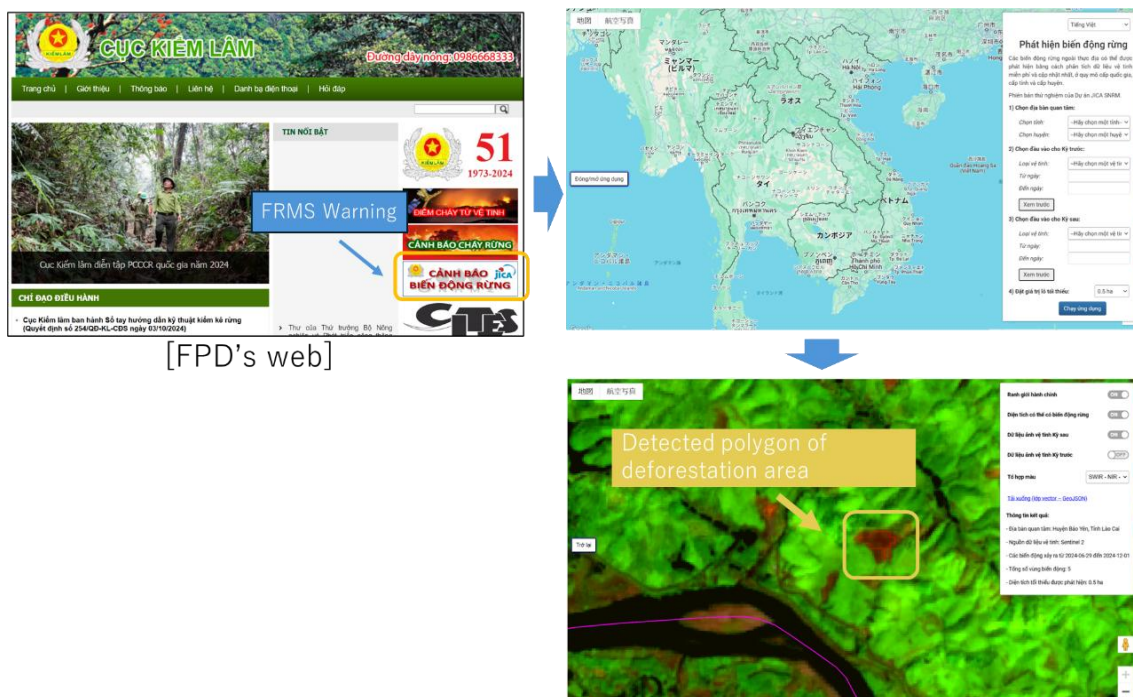
Ví dụ tài liệu được lưu trữ trong trang web

Hình 8. Hệ thống tài liệu trực tuyến

Ứng dụng cảnh báo sớm biến động rừng

CKL đã chỉ đạo CCKL các tỉnh sử dụng FRMS Warning (Hệ thống cảnh báo sớm biến động rừng trong FRMS)³ do SNRM1 hỗ trợ phát triển để báo cáo hàng tháng diện tích mất rừng (Văn bản số 322/KL-QLR ngày 18/08/2022). Hệ thống được phát triển nhằm hỗ trợ kiểm lâm các cấp theo dõi hiệu quả diện tích biến động rừng và nâng cao độ chính xác trong TDDBR đối với các diện tích rừng lớn. Hệ thống này bao gồm hai hợp phần: trang web hỗ trợ người dùng truy vấn diện tích biến động rừng qua các khoảng thời gian, địa điểm cụ thể, một hệ thống trên công nghệ điện toán đám mây, tự động phát hiện diện tích biến động rừng trên toàn lãnh thổ Việt Nam theo chu kỳ 10 ngày và gửi thông báo qua thư điện tử đến cán bộ quản lý phụ trách địa bàn mà dữ liệu được phát hiện. Kết quả của giai đoạn trước đã củng cố vững chắc và đóng góp vào hoạt động TDDBR của quốc gia.

³ <http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn/>



Hình 9. Ứng dụng Web phát hiện mất rừng

Thay đổi cơ cấu tổ chức của đối tác và sửa đổi bổ sung quy định về TDDBR

Bộ NN&PTNT đã sắp xếp lại TCLN theo Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ. Ngày 17/01/2023, lãnh đạo các đơn vị theo cơ cấu tổ chức mới đã được công bố. Ông Bùi Chính Nghĩa (nguyên Phó Tổng cục trưởng TCLN) và ông Trần Quang Bảo (nguyên Phó Tổng cục trưởng TCLN) đã được bổ nhiệm làm Cục trưởng CKL và Cục trưởng Cục Lâm nghiệp. CKL tiếp tục quản lý lĩnh vực TDDBR tại Việt Nam. Phòng Thông tin và Chuyển đổi số trực thuộc CKL sẽ chịu trách nhiệm quản lý và bảo trì FRMS.

Sau khi thay đổi cơ cấu tổ chức, quy định về TDDBR cũng đã được sửa đổi bổ sung vào tháng 12/2023 tại Thông tư 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT. Theo đó, các chỉ số TDDBR trong hệ thống FRMS nâng cấp không phù hợp với quy định mới. Vào tháng 03/2024, CKL đã công bố báo cáo diễn biến rừng và quyết định sử dụng Phần mềm FRMS do Dự án hỗ trợ phát triển để xây dựng báo cáo năm 2024. Ứng dụng Di động do Dự án/JICA phát triển là một công cụ công nghệ nhằm hỗ trợ hoạt động TDDBR từ thực địa và cũng là một công cụ để thu thập dữ liệu cơ bản về tài nguyên rừng. Riêng đối với Ứng dụng Di động, ứng dụng này đã được nâng cấp cải tiến để phù hợp với các tham số, chỉ số diễn biến rừng theo quy định mới nhất và hoạt động như một ứng dụng độc lập.

Phối hợp với các nhà tài trợ khác

GIZ

GIZ đã tổ chức một hội thảo với chủ đề "Chuỗi giá trị gỗ hợp pháp và bền vững tại Việt Nam" tại tỉnh Bình Dương. Dự án đã giới thiệu các hoạt động TDDBR sử dụng Ứng dụng Di động thông qua tờ rơi, tài liệu hướng dẫn chia sẻ tại hội thảo này. Ngoài ra, Dự án cũng đã cung cấp thông tin về hiện trạng TDDBR bằng Phần mềm FRMS, vì GIZ đã lên kế hoạch hỗ trợ TDDBR, đáp ứng yêu cầu của EUDR theo định hướng của Cục Lâm nghiệp.

FAO

Dự án đã trình bày về FRMS Warning tại hội thảo "Sáng kiến Hạ lưu sông Mekong," một dự án hợp tác đa quốc gia của FAO. Hội thảo này thảo luận ứng dụng FRMS Warning vào SEPAL nhằm nâng cao tính năng của hệ thống. Bên cạnh đó, các lớp tập huấn nâng cao năng lực về FRMS đã được phối hợp tổ chức cho các đơn vị Kiểm lâm ở cấp tỉnh.



Hình 10. Ảnh chụp màn hình trang thông tin nhà phát triển của SEPAL đề cập đến sự phối hợp với Dự án trong phát triển các chức năng của SEPAL

1.3.5. Hoạt động trong Đầu ra 5

Hoạt động	Tiểu hoạt động	Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
			NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam		
[Đầu ra 5] Các chính sách và giải pháp chính thức đầy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.																										
5-1 Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12) và xây dựng dự thảo các văn bản pháp lý thực hiện Luật đa dạng sinh học sửa đổi.																										
5-1-1 Hỗ trợ thực hiện đánh giá tác động chính sách Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12).			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-1-2 Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học và các văn bản pháp lý liên quan.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-2 Hỗ trợ cải thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học và tăng cường năng lực điều tra, quan trắc và lập báo cáo đa dạng sinh học.																										
5-2-1 Hỗ trợ cải thiện hệ thống NBDS và nâng cao năng lực thu thập dữ liệu về đa dạng sinh học để lưu vào NBDS.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-2-2 Hỗ trợ tổ chức tập huấn và xây dựng hướng dẫn để nâng cao điều tra, quan trắc và lập báo cáo đa dạng sinh học của các bên liên quan.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-3 Hỗ trợ tăng cường mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển quốc gia và quốc tế (bao gồm nhân rộng mô hình Hệ thống quản lý hợp tác được xây dựng tại Khu dự trữ sinh quyển LangBiang).																										
5-3-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo quốc gia để chia sẻ kiến thức và cách thức quản lý hiệu quả các khu DTSQ.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-3-2 Hỗ trợ xây dựng nghị định về quản lý các khu DTSQ tại Việt Nam.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-3-3 Hỗ trợ kết nối các khu DTSQ quốc gia và quốc tế.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							
5-4 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học.			KH																				Chuyên gia dài hạn	Bộ TNMT (BCA)		
			TT																							

Hình 11. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 5

Hoạt động 5-1. Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12) và xây dựng dự thảo các văn bản pháp lý thực hiện Luật đa dạng sinh học sửa đổi

Bộ TN&MT không có kế hoạch sửa đổi Luật trong khung thời gian thực hiện dự án.

Hoạt động 5-2. Hỗ trợ Cải thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia và nâng cao năng lực điều tra, giám sát và lập báo cáo

Dự án hỗ trợ 2 tư vấn trong nước rà soát Hệ thống cơ sở dữ liệu Đa dạng Sinh học Quốc gia (NBDS) trong năm 2021. Dự án cũng hỗ trợ 8 chuyên gia tư vấn xây dựng 7 hướng dẫn, định mức chi phí điều tra, báo cáo đa dạng sinh học trong năm 2021. Các sản phẩm này đã được lồng ghép vào Thông tư 53/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ TN&MT ban hành quy trình kỹ thuật kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học. Về xây dựng năng lực, dự án đã hỗ trợ tổ chức hội thảo quốc gia về kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học vào tháng 12/2023.

Hoạt động 5-3. Hỗ trợ tăng cường mạng lưới quốc gia và quốc tế về Khu dự trữ sinh quyển (bao gồm việc nhân rộng mô hình hệ thống quản lý hợp tác được phát triển trong Khu dự trữ sinh quyển Lang Biang)

Dự án đã hỗ trợ tổ chức hội thảo quốc gia về quản lý khu dự trữ sinh quyển tại Kiên Giang vào ngày 15/12/2023. Nội dung tăng cường mạng lưới là một chủ đề được thảo luận tại hội thảo này.

Hoạt động 5-4. Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học

Đối tác thực hiện không đề nghị hỗ trợ các nội dung khác liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học.

1.3.6. Hoạt động trong Đầu ra 6

Hoạt động	Năm	2021			2022			2023			2024			2025			Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp
	Tiểu hoạt động	NTCVN	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		
HỢP PHẦN 2																				
[Đầu ra 6] Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai.																				
6-1 Xác định (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu để hỗ trợ thực hiện quản lý rừng bền vững.																				
6-1-1 Xây dựng tiêu chí lựa chọn chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-1-2 Lựa chọn chủ rừng/nhóm chủ rừng theo các tiêu chí trong mục 6-1-1.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-2 Hỗ trợ tăng cường kiến thức về quản lý rừng bền vững cho Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng.																				
6-2-1 Xây dựng chương trình tập huấn/hội thảo cho Sở NN&PTNT và các chủ rừng/nhóm chủ rừng.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-2-2 Tổ chức tập huấn/hội thảo theo chương trình xây dựng theo mục 6-2-1.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-3 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.																				
6-3-1 Chuẩn bị lộ trình xây dựng phương án QLRBV cho chủ rừng/nhóm chủ rừng mục tiêu.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-3-2 Xây dựng và trình phê duyệt phương án QLRBV dựa trên lộ trình tại mục 6-3-1.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-4 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu thực hiện các hoạt động theo phương án quản lý rừng bền vững.																				
6-4-1 Xác định các lĩnh vực/nhóm hoạt động cần dự án hỗ trợ.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-4-2 Thực hiện các hoạt động dựa trên phương án QLRBV đã được phê duyệt.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-5 Hỗ trợ giám sát tiến độ thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			
6-6 Hỗ trợ đánh giá và tổng hợp những phương pháp thực hiện tốt và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án vào quá trình xây dựng chính sách và đề xuất nhân rộng mô hình.	KH																	Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT	
	TT																			

Hình 12. Tóm tắt hoạt động trong Đầu ra 6

Hoạt động 6-1. Xác định chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu để hỗ trợ thực hiện quản lý rừng bền vững

Trên cơ sở thảo luận với BQLDA tương ứng và cấp tỉnh, các chủ rừng sau đây tại các tỉnh tham gia dự án đã được thống nhất lựa chọn.

- Tỉnh Hòa Bình: Nhóm hộ gia đình (xã An Bình, huyện Lạc Thủy), với khoảng 600 ha rừng sản xuất
- Tỉnh Sơn La: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phù Yên (huyện Phù Yên), quản lý khoảng 8.100 ha đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất
- Tỉnh Lào Cai: HTX Nông nghiệp Vĩnh Yên (xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên), quản lý khoảng 300 ha đất rừng sản xuất
- Tỉnh Tuyên Quang Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào (xã Tân Trào và 4 xã khác của huyện Sơn Dương), quản lý khoảng 4.000 ha đất rừng đặc dụng

Hoạt động 6-2. Hỗ trợ tăng cường kiến thức về quản lý rừng bền vững cho Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng

Dự án đánh giá nhu cầu đào tạo thông qua phỏng vấn bằng bảng hỏi với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) và chủ rừng được xác định trong Hoạt động 6-1. Đánh giá nhằm làm rõ mức độ hiểu biết của họ về các khái niệm liên quan đến QLRBV cũng như kiến thức và kỹ năng cần thiết để xây dựng phương án QLRBV. Kết quả phỏng vấn cho thấy chủ rừng chưa nắm rõ và thiếu kinh nghiệm, chuyên môn kỹ thuật cần thiết để xây dựng phương án QLRBV. Dựa trên kết quả đánh giá, Dự án đã xây dựng nội dung tập huấn về QLRBV. Dự án tập trung trang bị kiến thức cơ bản liên quan tới xây dựng phương án QLRBV thông qua tập huấn lý thuyết. Đối với các vấn đề phức tạp hơn, đặc biệt là liên quan tới kỹ thuật, chủ rừng được hỗ trợ bởi các chuyên gia ngắn hạn của Dự án trong quá trình xây dựng phương án.

Để chuẩn bị cho khóa tập huấn, các tài liệu, văn bản quy định của nhà nước có liên quan được thu thập, đặc biệt là Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT. Ngoài ra, nhằm giúp chủ rừng chủ động, thuận lợi trong xây dựng PAQLRBV, Dự án đã biên soạn cuốn sổ tay hướng dẫn xây dựng PAQLRBV (tiếng Việt và tiếng Anh) cho 2 nhóm chủ rừng là cộng đồng và tổ chức.

Để đánh giá nhu cầu đào tạo, cũng như chuẩn bị và triển khai công tác tập huấn QLRBV, Dự án đã tuyển 2 tư vấn là giảng viên của trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam. Các giảng viên này có hiểu biết sâu về QLRBV, có kinh nghiệm trong xây dựng PAQLRBV, nhờ thường xuyên trau dồi kiến thức qua công việc giảng dạy và thực hành tại trường đại học. Các chuyên gia tư vấn đã chuẩn bị đầy đủ tài liệu tập huấn để chủ rừng và các bên liên quan nâng cao hiểu biết về QLRBV.

Kế hoạch, nội dung tập huấn được triển khai theo thông tin trình bày tại Bảng 11. Để đối tượng tham gia hiểu được kiến thức và làm chủ được các bước xây dựng PAQLRBV, lớp tập huấn được tổ chức trực tiếp tại từng tỉnh. Riêng đối với tỉnh Sơn

La, do ảnh hưởng của COVID 19, lớp tập huấn đã được triển khai trực tuyến.

Bảng 11. Danh sách lớp tập huấn về QLRBV

Tỉnh	Ngày	Số người tham gia	Thành phần tham gia
Hòa Bình	24/12/2021	13 (2 nữ)	Sở NN&PTNT, UBND xã, chủ rừng, người dân có liên quan
Tuyên Quang	25/12/2021	24 (7 nữ)	Sở NN&PTNT, CCKL, UBND xã, chủ rừng, người dân có liên quan
Lào Cai	29/12/2021	30 (8 nữ)	Sở NN&PTNT, CCKL, Hạt Kiểm lâm, UBND xã, Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Yên
Sơn La	5/1/2022	12 (4 nữ)	CCKL, Hạt Kiểm lâm, UBND xã, công ty lâm nghiệp Phù Yên

Nội dung tập huấn được xây dựng dựa trên tài liệu hướng dẫn lập PAQLRBV và bao gồm các chủ đề sau: (1) Tổng quan về PAQLRBV và Chứng chỉ rừng, (2) Tổng quan và quy trình lập PAQLRBV, (3) Thông tin cần thiết cho việc lập phương án, (4) Nội dung chính của PAQLRBV, (5) Lập bản đồ PAQLRBV và (6) Kế hoạch công việc. Bài giảng được trình bày bởi các giảng viên đến từ Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực lập PAQLRBV. Nội dung tập huấn được trình bày tóm tắt tại Bảng 12.

Bảng 12. Nội dung tập huấn lập PAQLRBV

	Nội dung tập huấn	Chi tiết
1	Giới thiệu về QLRBV và chứng chỉ rừng	1) QLRBV là gì? 2) Tổng quan về chứng chỉ rừng
2	Hướng dẫn xây dựng PAQLRBV: Quy trình thực hiện	1) Vai trò của việc xây dựng PAQLRBV 2) Trách nhiệm xây dựng PAQLRBV 3) Thời gian thực hiện PAQLRBV 4) Phê duyệt PAQLRBV 5) Tài liệu để xây dựng PAQLRBV 6) Nội dung của PAQLRBV 7) Trình tự xây dựng PAQLRBV 8) Sản phẩm đầu ra của PAQLRBV
3	Điều tra cơ bản, chuẩn bị đầu vào cho lập kế hoạch	1) Thông tin chung về khu vực mục tiêu, môi trường sống, điều kiện kinh tế xã hội 2) Hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng 3) Kết quả thực hiện công tác QLVR, PTR và Bảo tồn ĐDSH
4	Nội dung của PAQLRBV	1) Mục tiêu và phạm vi QLRBV 2) Xác định các bên liên quan, bao gồm tổ chức chế biến, thương mại gỗ

	Nội dung tập huấn	Chi tiết
		3) Kế hoạch sử dụng đất 4) Quy hoạch, kế hoạch bảo tồn ĐDSH, quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững 5) Nhu cầu vốn đầu tư 6) Cấu trúc thực hiện, vai trò, kế hoạch kiểm tra, giám sát
5	Bản đồ	1) Mục tiêu xây dựng bản đồ 2) Bản đồ hiện trạng rừng 3) Bản đồ kế hoạch quản lý rừng 4) Bản đồ rừng có giá trị bảo tồn cao (Bản đồ HCV)
6	Bước công việc tiếp theo	Thống nhất với các bên liên quan về kế hoạch thực hiện các bước tiếp theo cho việc xây dựng PAQLRBV

Trong buổi tập huấn tại mỗi tỉnh, người tham gia đã đặt câu hỏi về các chủ đề sau:

- Sự khác nhau giữa FSC và PEFC trong chứng chỉ rừng?
- Hộ gia đình chỉ có đất trống, có thể tham gia xây dựng PAQLRBV dưới sự hỗ trợ của Dự án không?
- Một hộ gia đình có 300 ha có đủ điều kiện làm chứng chỉ rừng không?
- Có quy định nào về phương thức khai thác (ví dụ như khai thác trắng, khai thác chọn) hay không?
- Kế hoạch phòng chống cháy rừng là gì?
- Kế hoạch nào nên được xây dựng và đâu là kế hoạch quan trọng nhất?
- Nếu phương án quản lý rừng được lập theo Thông tư 28, chủ rừng có được tham gia làm chứng chỉ không?
- Tại sao rừng đặc dụng Tân trào được lựa chọn, dựa trên tiêu chí nào?
- Cần có sự hợp tác với người dân địa phương để lập PAQLRBV. PAQLRBV mang lại những lợi ích gì về cải thiện sinh kế? PAQLRBV có bao gồm các biện pháp cải thiện sinh kế cho người dân địa phương không?
- Dự án hỗ trợ chủ rừng các hoạt động nào về xây dựng, thực hiện phương án?

Hoạt động 6-3. Hỗ trợ chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu xây dựng kế hoạch quản lý rừng bền vững

PAQLRBV được xây dựng phối hợp giữa chủ rừng, BQLDA cấp tỉnh, chuyên gia tư vấn (ký hợp đồng với Văn phòng chuyên gia), cán bộ Dự án cấp tỉnh và chuyên gia GIS (thuộc Văn phòng tư vấn Dự án). Dự án hỗ trợ lập bản đồ (bản đồ hiện trạng rừng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ PAQLRBV và bản đồ rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF)) và chia sẻ các dữ liệu khác có liên quan phục vụ xây dựng PAQLRBV.

Đối với các tỉnh Tuyên Quang và Sơn La, chuyên gia tư vấn đã kết hợp, hỗ trợ chủ rừng thu thập dữ liệu, khảo sát và lập bản đồ có liên quan bắt đầu vào tháng 01/2022. Dựa trên tài liệu đã thu thập, bản đồ phục vụ cho xây dựng phương án được hoàn thành

vào tháng 3/2022. Tại tỉnh Hòa Bình và Lào Cai, Dự án phối hợp với BQLDA tỉnh nghiên cứu, xác định chủ rừng mục tiêu để lập PAQLRBV. Dự án hỗ trợ thu thập dữ liệu, thực hiện thêm khảo sát ngoại nghiệp và xây dựng bản đồ. Hệ thống bản đồ phục vụ xây dựng phương án QLRBV được hoàn thành vào tháng 5/2022 đối với tỉnh Hoà Bình và tháng 8/2022 đối với tỉnh Lào Cai. Trong quá trình soạn thảo PAQLRBV, bản đồ và dữ liệu được chỉnh sửa, cập nhật để đảm bảo phù hợp hơn với tình hình thực tế, dựa trên các ý kiến đóng góp từ địa phương.

Kết hợp với hoạt động đầu ra 2, nhằm mục đích nâng cao năng lực, thúc đẩy QLRBV và chứng chỉ rừng, Dự án đã tổ chức lớp tập huấn về QLRBV và chứng chỉ rừng theo Hệ thống chứng chỉ rừng Việt Nam (VFCS) từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 8 năm 2022. Lớp tập huấn có sự tham gia của 32 học viên, bao gồm cán bộ quản lý và chủ rừng từ 4 tỉnh mục tiêu. Nội dung tập huấn tập trung vào tiêu chuẩn VFCS/PEFC cho QLRBV, tình huống thảo luận nhóm và thực hành thực tế tại khu vực trồng rừng đã được chứng nhận FSC của Công ty Lâm nghiệp Tuyên Bình.

Hoạt động 6-4. Hỗ trợ chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu thực hiện các hoạt động theo kế hoạch quản lý rừng bền vững

Dựa trên phương án QLRBV, Dự án hỗ trợ thực hiện hoạt động tại từng tỉnh. Các hoạt động chính được trình bày tại Bảng 13.

Bảng 13. Danh mục hoạt động QLRBV do Dự án hỗ trợ thực hiện

Tỉnh	Hoạt động	Thông tin chi tiết
Hòa Bình	• Hỗ trợ người dân trồng rừng sản xuất sử dụng giống Keo lai mô	• 65,67 ha (24,58 ha năm 2023 và 41,09 ha năm 2024-2025)
	• Tổ chức chuyến thăm quan học tập về mô hình hợp tác xã lâm nghiệp và chứng chỉ rừng cho nhóm chủ rừng là hộ gia đình	• Chuyến thăm quan học tập tại HTX Lâm nghiệp Thuận Nhiên, tỉnh Tuyên Quang
Sơn La	• Thực hiện mô hình trồng Bạch đàn luân kỳ dài trên đất rừng sản xuất của Công ty Lâm nghiệp Phù Yên	• 5 ha
	• Thực hiện mô hình trồng thông trên đất rừng phòng hộ của Công ty Lâm nghiệp Phù Yên	• 7,5 ha
Lào Cai	• Xây dựng năng lực cho HTX nông nghiệp Vĩnh Yên và hộ	• 18 lớp tập huấn (bao gồm 11 lớp về kỹ thuật lâm sinh, 3 lớp về ghi chép sổ sách, 1 lớp về

Tỉnh	Hoạt động	Thông tin chi tiết
	dân trồng quế để đáp ứng yêu cầu của chứng nhận UEBT	quyền của người lao động, 1 lớp về truy xuất nguồn gốc, 1 lớp về sơ cấp cứu và 1 lớp về an toàn lao động) 1 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm tại Công ty Vinasamex và Công ty Sơn Hà tại huyện Trấn Yên và Văn Yên, tỉnh Yên Bái 3 mô hình (1 mô hình quản lý dịch hại tổng hợp và 2 mô hình trồng xen với 4.000 cây giống Bách bộ và 780 cây giống Vũ hương).
	Làm phân compost từ phụ phẩm hoạt động chế biến tinh dầu quế, sử dụng kinh phí hỗ trợ của JIFPRO	- Tập huấn cho nông dân địa phương về quy trình ủ phân compost - Mô hình quy trình ủ phân compost - Theo dõi và đánh giá kết quả ủ phân compost
	Trồng quế hữu cơ, sử dụng kinh phí hỗ trợ của JIFPRO	43,02 ha (16,53 ha năm 2023 và 26,49 ha năm 2024)
Tuyên Quang	Vận hành vườn ươm năm 2022	- Xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh trung hạn - Sửa chữa, nâng cấp vườn ươm (kho, hệ thống tưới, lưới, hệ thống điện, camera an ninh) - Cung cấp 2kg hạt giống keo lai (nhập khẩu) để sản xuất cây giống
	Trồng rừng đặc dụng sử dụng cây giống Lát hoa tại Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào	Quy mô 3,8 ha (mật độ trồng 1.660 cây/ha)
	Nâng cao năng lực quản lý và thực hiện phương án QLRBV cho BQLRPH Na Hang	1 lớp tập huấn về QLRBV cho BQLRPH Na Hang và cán bộ UBND xã (31 người)

Tỉnh	Hoạt động	Thông tin chi tiết
		• 2 lớp tập huấn về bảo vệ và phát triển rừng cho cán bộ UBND xã và trưởng bản (50 người) • 9 lớp tập huấn về bảo vệ và phát triển rừng cho người dân (477 người) • Lắp đặt 12 biển báo bảo vệ rừng tại xã Sinh Long và Năng Khả

Trong quá trình thực hiện các hoạt động thực địa nêu trên, chuyên gia ngắn hạn đã hỗ trợ triển khai các nội dung sau:

Tỉnh Hòa Bình

Cùng với BQLDA cấp tỉnh, cán bộ lâm nghiệp cấp huyện và xã, Dự án đã hỗ trợ xác minh diện tích đăng ký trồng rừng của các hộ gia đình, cho hoạt động trồng keo lai dựa trên phương án QLRBV. Kết quả khảo sát thực địa năm 2023 (tháng 2 và tháng 7) và năm 2024 (tháng 4 và tháng 11) như sau:

- Tháng 2/2023: 6 hộ gia đình, 15 lô, tổng diện tích 17,18 ha
- Tháng 7/2023: 8 hộ gia đình, 12 lô, tổng diện tích 12,52 ha
- Tháng 4/2024: 15 hộ gia đình, 17 lô, tổng diện tích 30,98 ha
- Tháng 11/2024: 10 hộ gia đình, 9 lô, tổng diện tích 19,41 ha

Dựa trên thông tin này, hoạt động trồng rừng mới/trồng lại rừng đã được triển khai.

Tỉnh Lào Cai

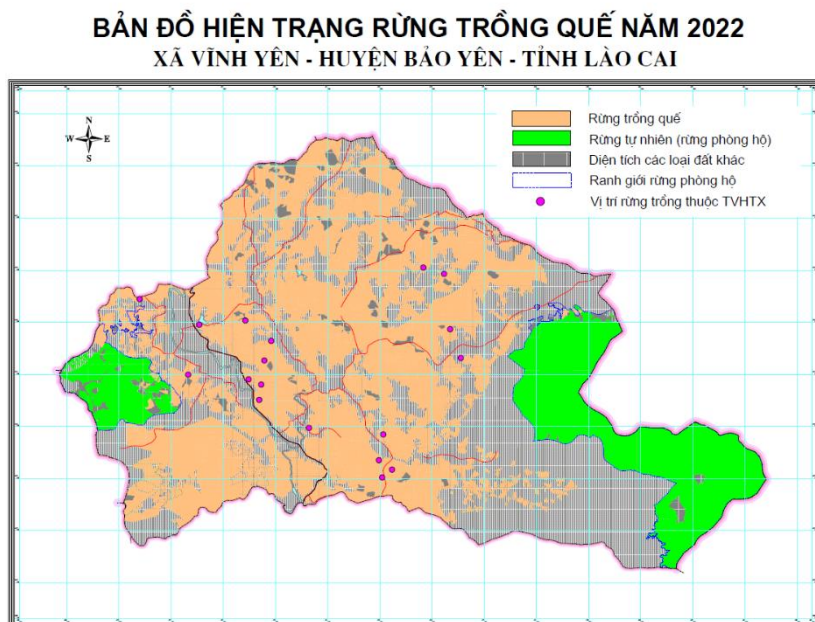
Cùng với BQLDA cấp tỉnh, cán bộ hạt Kiểm lâm huyện Bảo Yên, Dự án đã hỗ trợ xác minh diện tích đăng ký trồng rừng của các hộ gia đình, cho hoạt động trồng rừng quế. Kết quả khảo sát thực địa năm 2023 (tháng 9) và năm 2024 (tháng 10) như sau:

- Tháng 9/2023: 18 hộ gia đình, 27 lô, tổng diện tích 16,53 ha
- Tháng 10/2024: 25 hộ gia đình, 35 lô, tổng diện tích 26,73 ha

Tại xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, nhóm chuyên gia ngắn hạn hỗ trợ chủ rừng tiếp cận chứng nhận UEBT (Liên minh Thương mại sinh học có đạo đức)⁴ cho

⁴ UEBT là nhãn chứng nhận do Liên minh Thương mại Sinh học có Đạo đức, một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở tại Hà Lan phát triển. Hệ thống này bao gồm nhiều yêu cầu về cung ứng, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, an toàn và quyền của người lao động, và phân phối lợi nhuận công bằng. Chứng nhận thể hiện cam kết tôn trọng đa dạng sinh học và tham gia vào nguồn cung ứng nguyên liệu thô có đạo đức.

hoạt động trồng quế thông qua xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý. Cụ thể, bản đồ khu vực mục tiêu đã được tạo lập với các lớp thông tin cơ bản: khu vực trồng quế, mặt nước và ranh giới 3 loại rừng. Ngoài ra, thông tin thuộc tính đã được xác định cho 602,18 ha rừng quế thuộc 335 hộ gia đình với 558 lô rừng. Thông tin thuộc tính bao gồm: chủ đất, số điện thoại, loài, năm trồng, mật độ, địa điểm và diện tích (tháng 7–tháng 8 năm 2024).



Hình 13. Bản đồ vùng trồng quế xã Vinh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Dự án đã tổ chức 1 chuyến tham quan học tập cho một nhóm hộ dân trồng quế tại xã Vinh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (ngày 18-19/3/2024). Đối tượng tham gia mong muốn tiếp cận chứng nhận UEBT, do đó, mục đích của hoạt động này là giúp họ học hỏi kinh nghiệm các đơn vị (tại tỉnh Yên Bái) đã được cấp nhiều chứng nhận và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

Thông qua hoạt động này, họ được chia sẻ thông tin về mức giá quế với sản phẩm đạt chứng nhận UEBT cũng như hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương từ những lợi ích của chứng nhận.

Làm phân compost từ bã quế

Trong khuôn khổ hợp tác với Dự án, Hiệp hội kỹ thuật Lâm nghiệp Nhật Bản được JIFPRO ủy quyền thực hiện một phần của hoạt động “Khảo sát trình diễn sử dụng kiến thức lâm nghiệp năm tài chính 2023 tại các nước đang phát triển” (sau đây gọi là “Khảo sát trình diễn”) với số tiền tài trợ khoảng 5 triệu Yên Nhật, để thúc đẩy QLRBV.⁵ Theo đó, hoạt động sản xuất phân bón hữu cơ từ bã quế đã được thực hiện tại Hợp tác xã Nông nghiệp Vinh Yên, tỉnh Lào Cai. Hoạt động này góp phần vào việc đạt được mục tiêu của Kế hoạch phát triển rừng bền vững 2021-2025 (307/KH-UBND) của tỉnh

⁵ https://jifpro.or.jp/chiepro/wp-content/uploads/2024/08/R05_kn_report.pdf

Lào Cai, đồng thời cũng sẽ thúc đẩy xu hướng sản xuất quế hữu cơ tại địa phương, và đây cũng chính là mục tiêu của hoạt động 6-3 của Dự án. Tiếp theo, hoạt động thực nghiệm được triển khai nhằm đánh giá tác động của phân bón hữu cơ đối với ươm giống quế, trồng quế và sắn (kết hợp mục đích che bóng cho cây quế), qua đó đã góp phần vào kết quả của đầu ra 6 (hoạt động 6-3). Đối tượng hưởng lợi của hoạt động này là Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Yên và đây cũng chính là đối tượng mà Dự án đang hỗ trợ.

Cơ sở ban đầu của ý tưởng làm phân bón hữu cơ từ bã quế, xuất phát từ sự thoái hóa đất và dẫn đến suy giảm về tốc độ sinh trưởng của rừng trồng quế trong chu kỳ 2. Có một thực tế rằng tất cả sinh khối trên mặt đất (cành, lá và thân) đều có giá trị kinh tế và đều được thu hoạch, điều này đồng nghĩa với việc người dân địa phương đang quản lý rừng theo kiểu “bóc lột đất”. Để giải quyết vấn đề này, mấu chốt là làm thế nào để sử dụng hiệu quả phần còn lại của cành và lá sau khi chiết xuất tinh dầu quế (bã quế). Thông qua việc ủ bã quế để sản xuất phân bón hữu cơ, Dự án nhằm vào mục đích tái chế các chất thải có nguồn gốc từ tài nguyên rừng, nhưng chưa được sử dụng hiệu quả. Trong quá trình thực hiện hoạt động, Dự án đã đánh giá và chứng minh được tác động tích cực về mặt kinh tế của việc sử dụng phân bón hữu cơ tại chu kỳ trồng rừng thứ 2. Bên cạnh đó, sự ảnh hưởng tích cực của phân bón cũng đã được kiểm chứng thông qua quá trình ươm cây, trồng quế và sắn trên thực địa. Phân bón sử dụng cho quá trình thực nghiệm bao gồm 3 công thức, gọi là CT1, CT2, và CT3.

Bảng 14. Nguyên liệu đầu vào làm phân compost

STT	Nguyên liệu
CT1	Bã quế 1.000kg
CT2	1.000 kg bã quế + 6 kg bột cá (60%N) + 60 kg tro quế + 7 kg rỉ mật + 7 kg vôi bột + 2 kg chế phẩm sinh học
CT3	700 kg bã quế + 300 kg phân bò + 6 kg bột cá (60%N) + 60 kg tro quế + 7 kg rỉ mật + 7 kg vôi bột + 2 kg chế phẩm sinh học

(Nguồn: Báo cáo khảo sát trình diễn)

Bảng 15 thể hiện kết quả thực nghiệm ươm giống cây con (quế) sử dụng phân bón hữu cơ làm từ bã quế (sau đây gọi tắt là phân bón hữu cơ), với các công thức tỷ lệ (đất/phân bón hữu cơ) khác nhau. Thông qua phương pháp One-way ANOVA và Dunnett's test cho thấy sự khác biệt đáng kể về các chỉ tiêu theo dõi giữa việc sử dụng nguyên liệu đất thuần túy (100% đất – công thức đối chứng) và nguyên liệu có phối trộn với phân bón hữu cơ. Cụ thể, các công thức tỷ lệ cho chiều cao, đường kính thấp hơn so với công thức đối chứng (với $p > 0,05$). Do đó, có thể nói, phân hữu cơ làm từ bã quế là không phù hợp để sản xuất cây giống. Nguyên nhân được xác định là do cấu trúc tương đối thô của phân bón, dẫn đến chất dinh dưỡng bị thất thoát nhiều ra khỏi bầu qua quá trình tưới cây hoặc khi trời mưa. Điều này ảnh hưởng đến tốc độ sinh trưởng về đường kính và chiều cao của cây con, đặc biệt là đối với cây con ươm từ hạt. Tuy nhiên, tỷ lệ này

mầm của các công thức tỷ lệ đều lớn hơn 88% và cao hơn công thức đối chứng. Kết quả này chứng tỏ phân bón hữu cơ không gây ảnh hưởng tới sự nảy mầm của hạt, ngay cả khi một hàm lượng tinh dầu nhất định có thể còn sót lại sau quá trình ủ.

Bảng 15. Kết quả thực nghiệm ươm cây

Công thức thực nghiệm		1. Không nảy mầm	2. Sống	3. Chết	Tổng (2 + 3)	Tỷ lệ sống (%)	Tỷ lệ Chết (%)	Đường kính trung bình			Chiều cao trung bình		
								mm	Độ lệch Chuẩn	Giá trị (p-value)	cm	Độ lệch Chuẩn	Giá trị (p-value)
Đối chứng		9	20	1	21	95	5	3.6	±0.6	—	19.1	±6.1	—
75:25*	CT1	6	23	1	24	96	4	3.1	±0.4	0.04	16.4	±3.7	0.09
	CT2	5	25	0	25	100	0	3.1	±0.5	0.05	17.7	±4.4	0.4
	CT3	6	24	0	24	100	0	3.5	±0.7	0.4	17.1	±5.1	0.2
50:50	CT1	4	23	3	26	88	12	3.4	±0.7	0.4	17.8	±5.8	0.5
	CT2	2	26	2	28	93	7	2.8	±0.5	< 0.01	11.7	±3.4	<0.01
	CT3	4	25	1	26	96	4	3.1	±0.5	0.02	13.6	±3.2	<0.01
25:75	CT1	6	24	0	24	100	0	3	±0.6	0.01	15.4	±4.4	0.02
	CT2	8	21	1	22	95	5	2.8	±0.4	< 0.01	12.1	±4.6	<0.01
	CT3	11	18	1	19	95	5	3	±0.5	0.01	11.5	±3.1	<0.01
0:100	CT1	4	24	2	26	92	8	3	±0.7	0.01	14.1	±3.3	0.01
	CT2	7	23	0	23	100	0	2.6	±0.4	< 0.01	11.2	±3.0	<0.01
	CT3	6	24	0	24	100	0	2.9	±0.5	0.01	12.4	±4.0	<0.01

(* Tỷ lệ đất:phân hữu cơ)

Bảng 16 và Bảng 17 thể hiện kết quả thực nghiệm trồng quế và sắn trên thực địa. So với công thức đối chứng, việc thực nghiệm trồng quế với các công thức CT1, CT2, CT3 không thể hiện sự khác biệt nào đảm bảo ý nghĩa thống kê. Trong khi đó, thực nghiệm trồng sắn với công thức CT2 và CT3 lại cho thấy có sự khác biệt rõ (so với đối chứng) với ý nghĩa thống kê cao $p < 0,05$). Nguyên nhân được xác định rằng quế là cây thân gỗ lâu năm, chu kỳ sinh trưởng dài, do đó trong một thời gian thực nghiệm ngắn, rất khó để thấy được sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (CT1 đến CT3, $p > 0,05$). Ngược lại, sắn là cây nông nghiệp ngắn ngày, có thể thu hoạch sau 6 tháng, do đó, sự ảnh hưởng của phân bón sẽ rõ ràng hơn. Cụ thể, so với công thức đối chứng, sắn được bón phân theo công thức CT2 và CT3 cho năng suất cao hơn khoảng 1 kg củ/cây và có nhiều hơn 2 củ/cây. Nếu kết quả này được tính cho đơn vị diện tích hecta (ha), với mật độ khoảng 10.000 cây/ha, ước tính năng suất sẽ tăng 10.000 kg/ha. Với giá thị trường hiện tại là 3.000 đồng/kg, lợi nhuận tăng thêm sẽ là 30 triệu đồng. Từ lợi nhuận tăng thêm, trừ đi chi phí ủ phân, nhân công, và các chi phí khác,... lợi nhuận tăng thêm ròng ước tính khoảng từ 20-25 triệu đồng. Với thu nhập bình quân của nông dân miền Bắc Việt Nam vào khoảng 4-5 triệu đồng/tháng, rõ ràng giá trị kinh tế tăng thêm từ bón phân hữu cơ cho cây sắn là thực sự có ý nghĩa lớn. Người dân và chính quyền xã Vĩnh

Yên tha thiết yêu cầu để tiếp tục nhận được sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài, nhằm thực hiện các bước công việc tiếp theo, đặc biệt là việc xin giấy phép chứng nhận hợp quy và đưa phân bón hữu cơ làm từ bã quế ra thị trường.

Bảng 16. Kết quả thực nghiệm trồng quế

Công thức thực nghiệm	Sống	Chết	Đường kính trung bình			Chiều cao trung bình		
			(mm)	Độ lệch chuẩn	Giá trị (p-value)	(cm)	Độ lệch chuẩn	Giá trị (p-value)
Đối chứng	57	3	5.8	±1.4	—	30.6	±19.1	-
CT1	56	4	7.7	±10.4	0.20	32.4	±18.1	0.61
CT2	53	7	6.0	±1.2	0.44	34.8	±15.6	0.21
CT3	59	1	6.2	±1.3	0.12	29.9	±18.2	0.83

Bảng 17. Kết quả thực nghiệm trồng sắn

Công thức thực nghiệm	Cây sống	Cây chết	Trọng lượng củ			Số lượng củ		
			Kg	Độ lệch chuẩn	Giá trị (p-value)	Số củ	Độ lệch chuẩn	Giá trị (p-value)
Đối chứng	53	7	3.1	±1.5	—	8.7	±3.0	—
CT1	57	3	4.0	±2.4	0.02	9.6	±3.4	0.20
CT2	55	5	4.1	±1.5	<0.01	10.9	±3.4	<0.01
CT3	54	6	4.2	±1.9	<0.01	10.8	±5.2	0.01

Hoạt động 6-5. Hỗ trợ theo dõi tiến độ thực hiện PAQLRBV

Dự án, thông qua điều phối viên cấp tỉnh, thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động trong PAQLRBV. Trong hầu hết các trường hợp, Dự án kết hợp theo dõi các hoạt động đã triển khai, ví dụ như trồng rừng, với những nội dung khác trên hiện trường. Kết quả theo dõi được điều phối viên cấp tỉnh báo cáo hàng tháng cho Văn phòng chuyên gia.

Hoạt động 6-6. Hỗ trợ đánh giá, tổng hợp những phương pháp thực hiện tốt và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án vào quá trình xây dựng chính sách và đề xuất nhân rộng mô hình

Trong năm 2024, dựa trên kiến thức và bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế, Dự án đã phối hợp với các Nhà tài trợ khác để thực hiện nhiều hoạt động, trong đó có sự đóng góp vào xây dựng PAQLRBV cho các khu vực ngoài các tỉnh mục tiêu.

Cụ thể, Dự án đã chia sẻ những kinh nghiệm giúp Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) xây dựng dự thảo sổ tay hướng dẫn xây dựng PAQLRBV. .

Trên cơ sở đó, hội thảo về chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng PAQLRBV đã được đồng tổ chức bởi GIZ, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Dự án tại Hà Nội vào ngày 2/10/2024. Thành phần tham dự gồm 80 người là các đại diện từ Trung

ương, Sở NN&PTNT, BQLDA cấp tỉnh các tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang, Lào Cai,...), và các tổ chức khác hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp. Hội thảo đề cập đến các chính sách và hướng dẫn mới, tiến độ thực hiện và khó khăn liên quan đến xây dựng PAQLRBV. Những hiểu biết và bài học kinh nghiệm từ Dự án đã được chia sẻ tại hội thảo. Bên cạnh đó, đại diện của GIZ đã trình bày bản dự thảo cuốn sổ tay hướng dẫn xây dựng PAQLRBV để xin ý kiến các đại biểu, trước khi hoàn thiện và xuất bản.

2. Thành quả của Dự án

2.1. Đầu ra và chỉ số

Dự án có 6 chỉ số đầu ra và 6 chỉ số liên quan trong PDM. Phần tiếp theo báo cáo mức độ hoàn thành từng chỉ số đầu ra.

2.1.1. Đầu ra 1

Đầu ra 1 trong PDM:

Đầu ra	Các chính sách và giải pháp chính thức đẩy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.
Hoạt động	1-1 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.
	1-2 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.
	1-3 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực lâm nghiệp.
Chỉ số	Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt; và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt, thực hiện trước khi kết thúc dự án.
Phương tiện xác minh	Quyết định phê duyệt Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược PTLN Việt Nam giai đoạn 2021-2030; và Quyết định phê duyệt Chương trình PTLNBV giai đoạn 2021-2025.

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 1 trước khi kết thúc.

Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được ban hành tại Quyết định số 1382/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/4/2022 của Bộ NN&PTNT; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 và được TCLN thực hiện.

2.1.2. Đầu ra 2

Đầu ra 2 trong PDM:

Đầu ra	Hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng và áp dụng.
Hoạt động	2-1 Hỗ trợ thúc đẩy vận hành hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế.
Chỉ số	Tối thiểu 08 tiêu chuẩn vận hành QLRBV được xây dựng và phê duyệt bởi VPCCRQG với sự hỗ trợ của dự án trước khi kết thúc dự

	án.
Phương tiện xác minh	Văn bản phê duyệt của cơ quan quản lý

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 2 trước khi kết thúc.

08 tiêu chuẩn vận hành QLRBV đã được VPCCQLRBV xây dựng và phê duyệt với sự hỗ trợ của dự án. Các tài liệu này bao gồm:

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật vườn ươm và sản xuất cây giống
2. Tiêu chuẩn kỹ thuật về trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng
3. Tiêu chuẩn kỹ thuật về quản lý, sử dụng hóa chất và chất thải
4. Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học
5. Hướng dẫn kỹ thuật phân vùng chức năng rừng
6. Hướng dẫn kỹ thuật khai thác gỗ tác động thấp
7. Hướng dẫn kỹ thuật điều tra sản lượng với rừng trồng
8. Hướng dẫn kỹ thuật điều tra sản lượng với rừng tự nhiên

Tất cả các tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn trên đã được ban hành và công bố trên trang web của VPCCQLRBV (<https://vfcs.org.vn/en/standrads-and-guidelines/>).

2.1.3. Đầu ra 3

Đầu ra 3 trong PDM:

Đầu ra	Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+, bao gồm cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài, được thúc đẩy
Hoạt động	3-1 Hỗ trợ thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+, bao gồm hỗ trợ tiếp cận nguồn chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) và các nguồn tài chính khác.
Chỉ số	Đề xuất chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Việt nam được trình lên GCF trước khi kết thúc dự án.
Phương tiện xác minh	Văn bản xác nhận của GCF về việc đã nhận được Đề xuất chi trả

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 3 trước khi kết thúc.

Đề xuất chi trả đã được JICA chính thức gửi GCF vào tháng 4/2025.

2.1.4. Đầu ra 4

Đầu ra 4 trong PDM:

Đầu ra	Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng cải tiến được tăng cường áp dụng.
Hoạt động	4-1 Hỗ trợ cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.
	4-2 Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho các cơ quan cấp trung ương và địa phương.
Chỉ số	Hệ thống TDDBR được vận hành; trên 50% số xã có rừng tại 04 tỉnh mục tiêu sử dụng hệ thống TDDBR cải tiến, bao gồm ứng dụng di động (tính trung bình tại 04 tỉnh này); và hệ thống này được vận hành một phần tại ít nhất 16 tỉnh khác trước khi kết thúc dự án.
Phương tiện xác minh	Biên bản bàn giao hệ thống TDDBR cho Cục Kiểm lâm; và báo cáo từ các Chi cục kiểm lâm

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 4 trước khi kết thúc.

Trong Đầu ra 4, dự án đã góp phần nâng cao năng lực TDDBR để xác định, ghi chép chính xác hiện trạng rừng. Dự án đã góp phần nâng cao năng lực của cán bộ kiểm lâm thông qua cải tiến Hệ thống TDDBR (FRMS), cơ sở dữ liệu tài nguyên rừng quốc gia, và triển khai tập huấn về TDDBR.

Hệ thống TDDBR được vận hành; trên 50% số xã có rừng tại 04 tỉnh mục tiêu sử dụng hệ thống TDDBR cải tiến, bao gồm ứng dụng di động (tính trung bình tại 04 tỉnh này); và hệ thống này được vận hành một phần tại ít nhất 16 tỉnh khác trước khi kết thúc dự án.

Báo cáo đánh giá của Cục Kiểm lâm và CCKL tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang đã thể hiện kết quả hỗ trợ của Dự án. Thông tin từng báo cáo được tóm tắt như sau.

Bảng 18. Tóm tắt báo cáo đánh giá về TDDBR

STT	Đơn vị	Tóm tắt báo cáo
1	Cục Kiểm lâm	- Báo cáo diễn biến rừng hàng năm, năm 2022 và 2023 được báo cáo bằng FRMS phiên bản 4,0. - FRMS đã được đưa vào sử dụng cho 60 tỉnh có rừng và hơn 700 người dùng. 53 tỉnh đã sử dụng FRMS phiên bản 4.0 cho mục đích báo cáo diễn biến rừng hàng năm.
2	CCKL tỉnh Hòa Bình	- Nhóm chuyên trách TDDBR chỉ đạo công tác TDDBR của tỉnh. - Cung cấp 65 điện thoại thông minh cho công việc TDDBR. 152 cán bộ Kiểm lâm đang sử dụng Ứng dụng di động FRMS để TDDBR.

STT	Đơn vị	Tóm tắt báo cáo
		• Triển khai Ứng dụng di động FRMS tại tất cả các xã có rừng
3	CCKL tỉnh Sơn La	• FRMS phiên bản 4.0 được sử dụng để theo dõi và lập báo cáo về diễn biến rừng. • Cung cấp 70 điện thoại thông minh cho mục đích TDDBR • 330 cán bộ Kiểm lâm đang sử dụng Ứng dụng di động FRMS để TDDBR. • Triển khai Ứng dụng di động FRMS tại tất cả các xã có rừng.
4	CCKL tỉnh Lào Cai	• FRMS phiên bản 4.0 được sử dụng để theo dõi và lập báo cáo về diễn biến rừng. • Cung cấp 137 điện thoại thông minh cho mục đích TDDBR • 283 cán bộ Kiểm lâm đang sử dụng Ứng dụng di động FRMS để TDDBR. • 50 xã ở vùng thấp đang sử dụng Ứng dụng di động FRMS.
5	CCKL tỉnh Tuyên Quang	• FRMS phiên bản 4.0 được sử dụng để theo dõi và lập báo cáo về diễn biến rừng. • Cung cấp 141 điện thoại thông minh cho mục đích TDDBR • 215 cán bộ Kiểm lâm đang sử dụng Ứng dụng di động FRMS để TDDBR. • Ứng dụng di động FRMS được triển khai tại tất cả các xã có rừng.

Lưu ý: Tính đến tháng 12 năm 2024, tỉnh Lào Cai có 152 xã có rừng. Do đó, tỷ lệ sử dụng Ứng dụng di động FRMS trên toàn tỉnh đạt khoảng 33% theo số xã. Nguyên nhân là do tỉnh Lào Cai là vùng núi có nhiều sườn dốc, nhiều nơi khó tiếp cận để sử dụng Ứng dụng di động trong công việc TDDBR.

Căn cứ vào báo cáo đánh giá của Cục Kiểm lâm và Chi cục Kiểm lâm 4 tỉnh mục tiêu, tỷ lệ sử dụng FRMS tại 4 tỉnh mục tiêu đạt trên 83%. Ngoài ra, FRMS được triển khai tại 53/60 tỉnh có rừng trên toàn quốc. Như vậy, có thể nói rằng các mục tiêu hoạt động trong Đầu ra 4 đã đạt được.

2.1.5. Đầu ra 5

Đầu ra 5 trong PDM:

Đầu ra	Các chính sách và giải pháp chính thức đầy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.
Hoạt động	5-1 Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12) và xây dựng dự thảo các văn bản pháp lý thực hiện Luật đa dạng sinh học sửa đổi.
	5-2 Hỗ trợ cải thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học và tăng cường năng lực điều tra, quan trắc và lập báo cáo đa dạng sinh học.
	5-3 Hỗ trợ tăng cường mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển quốc gia và quốc tế (bao gồm nhân rộng mô hình Hệ thống quản lý hợp tác được xây dựng tại Khu dự trữ sinh quyển LangBiang).
	5-4 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học.
Chỉ số	Tối thiểu 3 bộ tài liệu hướng dẫn về điều tra đa dạng sinh học được xây dựng và chính thức ban hành trước khi kết thúc dự án.
Phương tiện xác minh	Văn bản phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 5 trước khi kết thúc.

Dự án hỗ trợ xây dựng 7 hướng dẫn, định mức chi phí điều tra, báo cáo đa dạng sinh học, cụ thể:

1. Báo cáo tổng quan điều tra chim và chim nước di cư tại Việt Nam
2. Báo cáo tổng quan điều tra san hô tại Việt Nam
3. Báo cáo tổng quan điều tra thú tại Việt Nam
4. Báo cáo tổng quan điều tra thực vật tại Việt Nam
5. Đề xuất định mức kinh tế- kỹ thuật điều tra thú; chim và chim nước di cư tại Việt Nam
6. Đề xuất định mức kinh tế- kỹ thuật điều tra thực vật và rạn san hô tại Việt Nam
7. Chỉ số và định mức tiêu chuẩn về báo cáo đa dạng sinh học

Các sản phẩm này đã được lồng ghép vào Thông tư 53/2024/TT-BTNMT ngày 31/12/2024 của Bộ TN&MT ban hành quy trình kỹ thuật kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học.

2.1.6. Đầu ra 6

Đầu ra 6 trong PDM:

Đầu ra	Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai).
Hoạt động	6-1 Xác định (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu để hỗ trợ thực hiện quản lý rừng bền vững.
	6-2 Hỗ trợ tăng cường kiến thức về quản lý rừng bền vững cho Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng.
	6-3 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.
	6-4 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu thực hiện các hoạt động theo phương án quản lý rừng bền vững.
	6-5 Hỗ trợ giám sát tiến độ thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững.
	6-6 Hỗ trợ đánh giá và tổng hợp những phương pháp thực hiện tốt và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án vào quá trình xây dựng chính sách và đề xuất nhân rộng mô hình.
Chỉ số	Ít nhất 01 phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt và thực hiện tại từng tỉnh mục tiêu với sự hỗ trợ của dự án, trước thời điểm dự án kết thúc.
Phương tiện xác minh	Các phương án QLRBV được phê duyệt chính thức và hồ sơ/báo cáo thực hiện

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Đầu ra 6 trước khi kết thúc.

Mỗi chủ rừng mục tiêu ở mỗi tỉnh đều xây dựng Phương án QLRBV và Phương án QLRBV đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi cần thiết. Cụ thể:

- Phương án QLRBV của Tổ hợp tác lâm nghiệp An Bình giai đoạn 2022-2030 (tỉnh Hòa Bình), tháng 7/2022
- Phương án QLRBV của Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên giai đoạn 2022-2030 (tỉnh Sơn La), tháng 7/2022
- Phương án QLRBV của Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Yên giai đoạn 2023-2027 (tỉnh Lào Cai), tháng 10/2022
- Phương án QLRBV của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào giai đoạn 2022-2030 (tỉnh Tuyên Quang), tháng 6/2022

2.2. Chỉ số Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể trong PDM:

Mục tiêu cụ thể	Tăng cường năng lực cho cơ quan trung ương, chính quyền địa phương và các chủ rừng để thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế thông qua hỗ trợ rà soát, xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách cũng như các biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.
Chỉ số	Trước khi kết thúc dự án, phần lớn các bên liên quan chính, bao gồm Bộ NN&PTNT, TCLN, Cục Kiểm lâm, VPCCRQG, Cục BTTN&ĐDSH và các tỉnh cũng như các chủ rừng mục tiêu đều xác nhận rằng họ nhìn chung đã nâng cao được năng lực thực hiện QLRBV sau khi tham gia thực hiện dự án.
Phương tiện xác minh	Báo cáo đánh giá độc lập

Dự án đã **hoàn thành** chỉ số Mục tiêu cụ thể trước khi kết thúc.

Đến tháng 12/2025, các chuyên gia ngắn hạn đã tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi với các bên liên quan chính như đã nêu ở trên. Trong khảo sát này, mỗi bên liên quan có thể đánh giá định lượng mức độ đóng góp của dự án vào nâng cao năng lực (thang điểm từ 1-5, trong đó 1 là rất thấp và 5 là rất cao). Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các bên liên quan đều đánh giá mức độ đóng góp của dự án vào nâng cao năng lực quản lý nhà nước ở mức cao (4) hoặc rất cao (5). Không có bên liên quan nào đánh giá ở mức trung bình (3) hoặc thấp hơn.

Báo cáo cuối cùng của tư vấn đánh giá nêu rõ:

Xét về mức độ đóng góp của Dự án trong nâng cao năng lực thực hiện quản lý nhà nước, các cơ quan đối tác đều đánh giá ở mức độ cao hoặc/và rất cao trong thang đánh giá 5 bậc (rất cao, cao, trung bình, thấp và không có đóng góp). Điều này cho thấy Dự án rất phù hợp và đáp ứng yêu cầu của phía đối tác.

3. Quá trình chỉnh sửa Ma trận thiết kế Dự án

Ma trận thiết kế Dự án phiên bản 0, đính kèm với Biên bản thảo luận đã được chỉnh sửa 2 lần tính đến cuối tháng 11/2024 thông qua hội nghị Ban chỉ đạo ngày 4/3/2022 và 15/3/2023. Cụ thể thay đổi như sau:

Chỉnh sửa lần 1 (Hội nghị Ban chỉ đạo lần 1, ngày 4/3/2022)

Đối tượng	Tóm tắt	Ban đầu	Đề xuất cập nhật	Lý do/Giải thích
Chỉ số xác minh khách quan đối với Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu tổng quát: Tăng cường năng lực quốc gia để phát huy tối đa lợi ích từ các hệ sinh thái rừng thông qua việc thúc đẩy quản lý rừng bền vững, REDD+ và bảo tồn đa dạng sinh học góp phần nâng cao sinh kế cho người dân địa phương và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.	Phương án QLRBV được xây dựng và phê duyệt cho (xx) % tổng diện tích rừng trên cả nước.	Phương án QLRBV được phê duyệt cho 100 % tổng số lượng chủ rừng là tổ chức tại Việt Nam.	Hiện tại, 50% chủ rừng là tổ chức đã hoàn thành xây dựng phương án. Đây là yêu cầu bắt buộc với nhóm chủ rừng này theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.
Chỉ số xác minh khách quan về Mục tiêu cụ thể	Mục tiêu cụ thể: Tăng cường năng lực cho cơ quan trung ương, chính quyền địa phương và các chủ rừng để thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế thông qua hỗ trợ rà soát, xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách cũng như các biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa	Hoàn thành một số mục tiêu cụ thể trong Chiến lược PTLN giai đoạn 2021-2025.	Trước khi kết thúc dự án, phần lớn các bên liên quan chính, bao gồm Bộ NN&PTNT, TCLN, Cục Kiểm lâm, VPCCRQG, Cục BTTN&ĐDSH và các tỉnh cũng như các chủ rừng mục tiêu đều xác nhận rằng họ nhìn chung đã nâng cao được năng lực thực hiện QLRBV sau khi tham gia thực hiện dự án.	Chỉ số xác minh khách quan ban đầu vượt xa khả năng thực hiện của dự án. Chỉ số này cần được thu hẹp ở cấp độ dự án. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể. Chỉ số này sẽ được đánh giá thông qua bảng hỏi và phỏng vấn những bên liên quan này.

Đối tượng	Tóm tắt	Ban đầu	Đề xuất cập nhật	Lý do/Giải thích
	dạng sinh học.			
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 1	Đầu ra 1: Các chính sách và giải pháp chính về lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (2017) được cập nhật và/hoặc thực hiện.	Chiến lược PTLN và Chương trình PTLNBV được chính thức phê duyệt và thực hiện.	Chiến lược PTLN giai đoạn 2021-2030 và Chương trình PTLNBV giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt và thực hiện trước cuối năm 2023.	Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể. Chỉ số này sẽ được đánh giá thông qua các quyết định và báo cáo giám sát.
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 2	Đầu ra 2: Hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng và áp dụng.	Phương án QLRBV được xây dựng và phê duyệt cho trên (xx) ha rừng trên cả nước.	Tối thiểu 08 tiêu chuẩn vận hành QLRBV được xây dựng và phê duyệt bởi VPCCRQG với sự hỗ trợ của dự án đến cuối năm 2022.	Chỉ số xác minh khách quan ban đầu vượt xa khả năng thực hiện trực tiếp của dự án. Chỉ số này cần được thu hẹp ở cấp độ dự án. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể.
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 3	Đầu ra 3: Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+, bao gồm cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài, được thúc đẩy.	Kinh phí từ các nguồn tài chính bên ngoài, bao gồm chi trả dựa trên kết quả REDD+, được tái đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Đề xuất chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Việt nam được phê duyệt tại Cuộc họp Hội đồng Quỹ GCF và nguồn chi trả được tái đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp trước khi kết thúc	Chỉ số xác minh khách quan ban đầu chưa được trình bày cụ thể. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể. Chỉ số sẽ được đánh giá thông qua các quyết định

Đối tượng	Tóm tắt	Ban đầu	Đề xuất cập nhật	Lý do/Giải thích
			dự án.	Ban điều hành Quỹ GCF và hồ sơ đầu tư của Chương trình sử dụng tiên chi trả REDD+.
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 4	Đầu ra 4: Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng cải tiến được tăng cường áp dụng.	Hệ thống TDDBR cải tiến được vận hành tại hơn 30 tỉnh.	Hệ thống TDDBR cải tiến được vận hành toàn diện tại 04 tỉnh mục tiêu và được vận hành một phần tại ít nhất 16 tỉnh khác trước khi kết thúc dự án.	Dự án sẽ chủ yếu tập trung vào 4 tỉnh mục tiêu. Việc thực hiện tại các tỉnh khác phần lớn phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể.
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 5	Đầu ra 5: Các chính sách và giải pháp chính thức đầy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.	Luật Đa dạng sinh học và/hoặc các quy định khác có liên quan được chính thức điều chỉnh và ban hành.	Luật Đa dạng sinh học sửa đổi và/hoặc các quy định khác có liên quan được chính thức ban hành trước khi kết thúc dự án, bao gồm các quy định liên quan đến hệ thống dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS) và quản lý khu DTSQ.	Chỉ số xác minh khách quan ban đầu chưa bao gồm các hỗ trợ của dự án liên quan đến NBDS và các khu DTSQ. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu không nêu thời gian cụ thể.
Chỉ số xác minh khách quan trong Đầu ra 6	Đầu ra 6: Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Lào	Phương án QLRBV cho chủ rừng các tỉnh mục tiêu được chính thức phê duyệt.	Ít nhất 01 phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt và thực hiện tại từng tỉnh mục tiêu với sự hỗ trợ của dự án, trước thời điểm dự án	Đưa vào con số mục tiêu cụ thể; phạm vi đánh giá được mở rộng và bao gồm quá trình thực hiện. Chỉ số xác minh khách quan ban đầu

Đối tượng	Tóm tắt	Ban đầu	Đề xuất cập nhật	Lý do/Giải thích
	Cai và Tuyên Quang).		kết thúc.	không nêu thời gian cụ thể. Chỉ số sẽ được đánh giá thông qua các quyết định của Bộ NN&PTNT/UBND tỉnh và báo cáo giám sát của chủ rừng.

Chỉnh sửa lần 2 (Hội nghị Ban chỉ đạo lần 2, ngày 15/3/2023)

Cấp độ	Cũ (phiên bản 1)	Mới (phiên bản 2)	Phương tiện xác minh
Mục tiêu tổng thể	Phương án QLRBV được xây dựng và phê duyệt cho (xx) % tổng diện tích rừng trên cả nước. (sẽ được xác nhận tại Hội nghị BCD lần 1)	Phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt cho toàn bộ chủ rừng là tổ chức tại Việt Nam, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 27 của Luật Lâm nghiệp. ¹	Báo cáo và số liệu của cơ quan quản lý
Mục tiêu cụ thể	Hoàn thành một số mục tiêu cụ thể trong Chiến lược PTLN giai đoạn 2021-2025 (sẽ được xác nhận tại Hội nghị BCD lần 1)	Trước khi kết thúc dự án, phần lớn các bên liên quan chính, bao gồm Bộ NN&PTNT, TCLN, Cục Kiểm lâm, VPCCRQG, Cục BTTN&ĐDSH và các tỉnh cũng như các chủ rừng mục tiêu đều xác nhận rằng họ nhìn chung đã nâng cao được năng lực thực hiện QLRBV sau khi tham gia thực hiện dự án.	Báo cáo đánh giá độc lập
Đầu ra 1	Chiến lược PTLN và Chương trình PTLNBV được	Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển	Quyết định phê duyệt Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực

Cấp độ	Cũ (phiên bản 1)	Mới (phiên bản 2)	Phương tiện xác minh
	chính thức phê duyệt và thực hiện.	lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt; và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt, thực hiện trước khi kết thúc dự án.	hiện Chiến lược PTLN Việt Nam giai đoạn 2021-2030; và Quyết định phê duyệt Chương trình PTLNBV giai đoạn 2021-2025.
Đầu ra 2	Phương án QLRBV được xây dựng và phê duyệt cho trên (xx) ha rừng trên cả nước.	Tối thiểu 08 tiêu chuẩn vận hành QLRBV được xây dựng và phê duyệt bởi VPCCRQG với sự hỗ trợ của dự án trước khi kết thúc dự án.	Văn bản phê duyệt của cơ quan quản lý
Đầu ra 3	Kinh phí từ các nguồn tài chính bên ngoài, bao gồm chi trả dựa trên kết quả REDD+, được tái đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.	Đề xuất chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Việt nam được trình lên GCF trước khi kết thúc dự án.	Văn bản xác nhận của GCF về việc đã nhận được Đề xuất chi trả
Đầu ra 4	Hệ thống TDDBR cải tiến được vận hành tại hơn 30 tỉnh.	Hệ thống TDDBR được vận hành; trên 50% số xã có rừng tại 04 tỉnh mục tiêu sử dụng hệ thống TDDBR cải tiến, bao gồm ứng dụng di động (tính trung bình tại 04 tỉnh này); và hệ thống này được vận hành một phần tại ít nhất 16 tỉnh khác trước khi kết thúc dự án.	Biên bản bàn giao hệ thống TDDBR cho Cục Kiểm lâm; và báo cáo từ các Chi cục kiểm lâm

Cấp độ	Cũ (phiên bản 1)	Mới (phiên bản 2)	Phương tiện xác minh
Đầu ra 5	Luật Đa dạng sinh học và/hoặc các quy định khác có liên quan được chính thức điều chỉnh và ban hành.	Tối thiểu 3 bộ tài liệu hướng dẫn về điều tra đa dạng sinh học được xây dựng và chính thức ban hành trước khi kết thúc dự án.	Văn bản phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường
Đầu ra 6	Phương án QLRBV cho chủ rừng các tỉnh mục tiêu được chính thức phê duyệt.	Ít nhất 01 phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt và thực hiện tại từng tỉnh mục tiêu với sự hỗ trợ của dự án, trước thời điểm dự án kết thúc.	Các phương án QLRBV được phê duyệt chính thức và hồ sơ/báo cáo thực hiện

4. Khác

4.1. Đóng góp về môi trường và xã hội (nếu có)

Hỗ trợ sản xuất phân bón hữu cơ làm từ bã quế tại tỉnh Lào Cai là hoạt động hợp tác giữa Dự án SNRM2 và dự án của Cơ quan Lâm nghiệp Nhật Bản nhằm giải quyết các vấn đề trong quản lý bền vững rừng trồng quế tại xã Vĩnh Yên. Cụ thể, Dự án sử dụng phần còn lại của cành và lá quế sau khi chiết xuất tinh dầu (bã quế) để sản xuất phân bón, từ đó thúc đẩy tái chế tài nguyên theo hướng thân thiện với môi trường.

4.2. Đóng góp về giới/xây dựng hòa bình/giảm nghèo (nếu có)

Xem xét góc nhìn từ vấn đề giới liên quan tới tập huấn TDDBR tại đầu ra 4, phần lớn cán bộ tham gia là nam. Phía Dự án luôn khuyến khích cán bộ nữ tham gia và khuyến cáo cân nhắc đến vấn đề giới khi có thể. Kết quả tổng hợp cho thấy, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia tập huấn vào khoảng 12% ($\pm 8\%$).

Hoạt động hỗ trợ sản xuất phân bón hữu cơ từ bã quế (mục 4.1) được triển khai trong bối cảnh lợi nhuận dự kiến từ rừng trồng quế sẽ giảm ở các chu kỳ tiếp theo. Việc sử dụng phân bón hữu cơ giúp tăng mạnh sản lượng sản. Ở miền Bắc Việt Nam, do mức thu nhập trung bình còn thấp, chỉ khoảng 4 triệu đồng/tháng, việc Dự án đã hỗ trợ thành công tái sử dụng phụ phẩm từ chế biến tinh dầu, đồng thời chứng minh được hiệu quả tăng năng suất cây sản khi sử dụng phân bón hữu cơ góp phần giảm nghèo tại địa phương.. Đối tượng hưởng lợi của Dự án, trong đó có chủ tịch và phó chủ tịch Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên, là phụ nữ và họ đã tích cực tham gia vào các hoạt động sản xuất cũng như thực nghiệm phân bón. Ở góc nhìn về giới, đây là một ví dụ điển hình về sự tham gia của nữ giới vào các hoạt động nông lâm nghiệp.

III. Kết quả đánh giá chung

1. Kết quả đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá DAC

1.1. Tính phù hợp

Tính phù hợp của dự án ở mức **CAO**.

1.1.1. Phù hợp với chính sách của Chính phủ Việt Nam

Dự án hoàn toàn phù hợp với các chính sách, chương trình trọng điểm của Việt Nam, bao gồm:

Chính sách, chương trình liên quan đến lâm nghiệp:

- Luật Lâm nghiệp (Luật số 16/2017/QH14)
- Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 895/QĐ-TTg)
- Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 523/QĐ-TTg)
- Chương trình phát triển lâm nghiệp Việt Nam bền vững giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 809/QĐ-TTg)

Chính sách, chương trình liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu (Quyết định số 2139/QĐ-TTg)
- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh (Quyết định số 1393/QĐ-TTg)
- Kế hoạch thực hiện Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu (Quyết định số 2053/QĐ-TTg)
- Chương trình hành động quốc gia về REDD+ (Quyết định số 419/QĐ-TTg)

Chính sách, chương trình liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học:

- Luật Đa dạng sinh học (Luật số 20/2008/QH12)
- Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1250/QĐ-TTg)
- Đề án "Kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" (Quyết định số 2067/QĐ-TTg)

Đầu ra 1 của dự án đã đóng góp trực tiếp vào quá trình xây dựng, rà soát, giám sát và đánh giá (M&E) chiến lược, chương trình lâm nghiệp (Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững). Đầu ra 2, 3, 4 và 6 góp phần thực hiện nội dung, mục tiêu chính của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững dựa trên Luật Lâm nghiệp.

Đầu ra 2 đặc biệt góp phần thực hiện định hướng phát triển của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam là “đẩy mạnh cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; có hướng dẫn riêng cho các nhóm đối tượng khác nhau như: cá nhân, hộ, nhóm hộ, cộng đồng,...; tăng cường nâng cao năng lực cho các bên liên quan về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.” (Điều 1.III.1.b). Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam cũng đề cập đến Đề án Quản lý Rừng Bền vững và Chứng chỉ rừng (Quyết định số 1288/QĐ-TTg) trong danh mục các chương trình, đề án thực hiện trong giai đoạn 2021-2030.

Đầu ra 3 đặc biệt phù hợp với định hướng phát triển của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam về “thực hiện các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+)” (Điều 1.III.1.b). Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam cũng đề cập đến NRAP (Quyết định số 419/QĐ-TTg) trong danh mục các chương trình, đề án thực hiện trong giai đoạn 2021-2030. REDD+ là một trong những công cụ quan trọng để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, nên Đầu ra 3 đóng góp vào thực hiện chiến lược, kế hoạch và chương trình như đã nêu ở trên.

Đầu ra 4 đặc biệt phù hợp với định hướng phát triển của Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam về “tăng cường năng lực quản trị rừng cho các chủ rừng thông qua việc thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp; điều tra, đánh giá tài nguyên rừng quốc gia; phát triển lâm nghiệp cộng đồng, gắn với bản sắc văn hóa truyền thống, lấy người dân làm trung tâm. Nâng cao năng lực để các chủ rừng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, đến năm 2030, 100% các chủ rừng là tổ chức có đủ năng lực theo dõi, giám sát, quản lý tài nguyên rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng” (Điều 1.III.1.b). **Đầu ra 4** cũng góp phần thực hiện các giải pháp sau trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam:

- “Xây dựng, hoàn thiện định mức kinh tế, kỹ thuật trong lâm nghiệp (các định mức dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế lâm nghiệp như: bảo vệ và phát triển rừng; bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và theo dõi diễn biến rừng; điều tra rừng, quy hoạch lâm nghiệp; thống kê, kiểm kê rừng; bảo tàng, bảo quản mẫu vật thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; các định mức phục vụ công tác quản lý của ngành lâm nghiệp). Xây dựng hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững, chuỗi giá trị lâm sản, các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ, đáp ứng yêu cầu phát triển lâm nghiệp bền vững; thương mại lâm sản và các cam kết quốc tế” (Điều 1.IV.3).
- “Tăng cường đầu tư nâng cao năng lực, hoàn thiện hệ thống điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc theo hướng hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu quả, hiệu lực, thống nhất, liên tục, phục vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển

lâm nghiệp trong tình hình mới, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, thông lệ và cam kết quốc tế” (Điều 1.IV.3).

- “Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp; kiện toàn hệ thống kiểm lâm, tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, ưu tiên khu vực trọng điểm về phá rừng, khai thác và vận chuyển lâm sản trái pháp luật” (Điều 1.IV.7).

Trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030 là một trong những chương trình, đề án trình Chính phủ giai đoạn 2021-2030.

Đầu ra 5 của dự án đóng góp trực tiếp vào quá trình cải thiện Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học; xây dựng năng lực điều tra, giám sát và báo cáo đa dạng sinh học; và kết nối khu dự trữ sinh quyển như đã nêu trong chiến lược quốc gia ở trên. Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đặt ra các mục tiêu cụ thể: 1) Nâng cao chất lượng và tăng diện tích của các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, 2) Cải thiện về chất lượng và số lượng quần thể các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, 3) Kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn các nguồn gen (vật nuôi, cây trồng, vi sinh vật) bản địa, nguy cấp, quý, hiếm.

Với hệ thống đa dạng sinh học quốc gia, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học xác định mục tiêu “Nghiên cứu thiết lập mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học; triển khai thực hiện quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên; thiết lập cơ sở dữ liệu, chế độ báo cáo và cơ chế chia sẻ thông tin về đa dạng sinh học của quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên” (Điều 1.III.2.d) và đưa Đề án điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học trong danh mục chương trình, đề án ưu tiên.

Về quản lý khu dự trữ sinh quyển, Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đặt mục tiêu thiết lập 10 khu dự trữ sinh quyển đến năm 2020, “lập và triển khai kế hoạch đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý đối với các khu bảo tồn được quốc tế công nhận; thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng năng lực để quản lý hiệu quả các khu này” (Điều 1.II.A.1.b).

Đầu ra 6 góp phần thực hiện quy định tại Điều 27 (Phương án quản lý rừng bền vững) của Luật Lâm nghiệp:

- Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững;
- Khuyến khích chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

1.1.2. Phù hợp với chính sách của Chính phủ Nhật Bản

Dự án SNRM2 phù hợp với chính sách của Chính phủ Nhật Bản. Vào tháng 12/2017, Bộ Ngoại giao Nhật Bản đã ban hành Chính sách Hỗ trợ Quốc gia (CAP) cho Việt Nam nhằm mục đích hỗ trợ toàn diện cho quá trình phát triển bền vững thông qua tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế, phát triển công bằng và ứng phó với tình trạng dễ bị tổn thương mà Việt Nam đang phải đối mặt. Chính sách này tập trung vào ba trụ cột hỗ trợ dành cho Việt Nam: 1) thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế, 2) ứng phó với tình trạng dễ bị tổn thương và 3) quản trị tốt. Dự án SNRM2 nằm trong trụ cột thứ hai bằng cách giải quyết các vấn đề môi trường mới nổi, bao gồm quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.1.3. Phù hợp với nhu cầu của khu vực và đối tượng mục tiêu tại Việt Nam

Rừng ở Việt Nam chiếm 42,03% tổng diện tích tự nhiên (tính đến năm 2024) và là một trong những nguồn tài nguyên kinh tế quan trọng (cung cấp gỗ và củi đốt) cũng như thực hiện nhiều chức năng thiết yếu (bảo vệ lưu vực sông và bảo tồn hệ sinh thái). Đến năm 1990, diện tích rừng ở Việt Nam giảm xuống còn 28%, sau đó phục hồi lên khoảng 40% vào năm 2010 nhờ triển khai các chương trình trồng rừng. Tuy nhiên, 17,5% diện tích đất lâm nghiệp (2,85 trên tổng số 16,24 triệu ha) vẫn là đất trống và trữ lượng gỗ trên mỗi ha ở Việt Nam ước tính đạt 83,67 m³/ha, tương đối thấp so với 171 m³/ha ở Nhật Bản và 96 m³/ha ở Campuchia mặc dù Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi về khí hậu cho sự phát triển của cây lâm nghiệp. Bên cạnh vấn đề về tỷ lệ che phủ rừng, khoảng 20 triệu người, tương đương khoảng 20% dân số, phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên (bao gồm tài nguyên rừng). Trong bối cảnh đó, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên cần được tập trung thực hiện, không chỉ từ góc độ bảo vệ môi trường mà còn là đảm bảo cân bằng giữa bảo vệ môi trường và tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo, phát triển nông thôn.

Tại bốn tỉnh mục tiêu ở vùng núi phía Bắc, tình trạng suy thoái rừng vẫn tiếp diễn do khai thác củi quá mức, canh tác nương rẫy và chuyển đổi đất lâm nghiệp thành đất nông nghiệp. Dự án SNRM2 đã hỗ trợ xây dựng phương án QLRBV và thực hiện một phần các phương án đó.

Dự án SNRM2 tập trung tăng cường quản lý rừng bền vững, cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ rừng và đa dạng sinh học với nhu cầu phát triển của người dân địa phương sinh sống trong, gần diện tích rừng hiện có, do đó hoàn toàn phù hợp với nhu cầu của khu vực và đối tượng mục tiêu của dự án.

1.2. Tính nhất quán

Tính nhất quán của dự án ở mức **CAO**.

1.2.1. Phối hợp với các chương trình và tổ chức Nhật Bản

SNRM2 là dự án hợp tác kỹ thuật duy nhất trong lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên, bao gồm bảo tồn đa dạng sinh học, nhưng đã phối hợp với các chương trình khác của Chính phủ Nhật Bản thông qua Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam.

Cụ thể, Dự án SNRM2 đã phối hợp với Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (GGP) cùng các địa phương trong vùng Dự án xây dựng đề xuất và thực hiện 5 dự án GGP tại Sơn La (1 dự án), Tuyên Quang (1 dự án) và Lào Cai (3 dự án), bổ sung cho các hoạt động của dự án SNRM2. Tổng cộng, khoảng 100 triệu Yên đã được huy động thông qua cơ chế hợp tác này.

Dự án SNRM2 cũng phối hợp với Chương trình Phát triển Kinh tế và Xã hội (ESDP) (trước đây là chương trình Tài trợ phi dự án) và Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xây dựng văn kiện cho một dự án ESDP về cung cấp máy bay không người lái phục vụ theo dõi diễn biến rừng. SNRM2 hỗ trợ theo dõi diễn biến rừng cấp trung ương, vùng và tỉnh, bao gồm hỗ trợ thu thập dữ liệu hiện trường (phát triển ứng dụng FRMS di động trên máy tính bảng và điện thoại di động) và xử lý dữ liệu nội nghiệp (triển khai ứng dụng FRMS desktop để quản lý dữ liệu). Tuy vậy, lực lượng cán bộ kiểm lâm vẫn cần được trang bị máy bay không người lái để tiếp cận khu vực xa xôi và/hoặc khó tiếp cận. Máy bay không người lái cũng hỗ trợ ứng phó nhanh hơn trong trường hợp xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên, SNRM2 không thể cung cấp máy bay không người lái do hạn chế về ngân sách và hoạt động này nằm ngoài phạm vi của dự án. Để đáp ứng nhu cầu của lực lượng kiểm lâm các cấp, SNRM2 đã phối hợp với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xây dựng dự thảo văn kiện dự án ESDP. Văn kiện dự án này đang được Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét. Nếu được thực hiện, dự án này sẽ hỗ trợ với tổng ngân sách 500 triệu Yên.

SNRM2 cũng phối hợp với Trung tâm Hợp tác và Xúc tiến Lâm nghiệp Quốc tế Nhật Bản (JIFPRO) triển khai thực hiện trồng quế theo hướng hữu cơ và sản xuất phân hữu cơ tại tỉnh Lào Cai trong khuôn khổ Đầu ra 6 của dự án. SNRM2 đã hỗ trợ một hợp tác xã sản xuất quế trong chuẩn bị, thực hiện phương án QLRBV và kết hợp các hoạt động hỗ trợ của JIFPRO (tập huấn, trồng quế và sản xuất phân bón hữu cơ) vào kế hoạch hoạt động hỗ trợ của dự án. Khoảng 0,2 triệu Yên đã được huy động thông qua cơ chế hợp tác này.

1.2.2. Phối hợp với các chương trình, nhà tài trợ khác

Ngoài phối hợp với các tổ chức, chương trình của Nhật Bản nêu trên, SNRM2 cũng phối hợp với các nhà tài trợ/dự án khác trong suốt quá trình thực hiện, cụ thể:

- Phối hợp với UNEP xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo an toàn (SIS) và cập nhật báo cáo tóm tắt đảm bảo an toàn REDD+ (SOI) trong Đầu ra 3.
- Phối hợp với FAO tổ chức tập huấn về TDDBR cho cán bộ kiểm lâm cấp tỉnh trong Đầu ra 4.
- Phối hợp với GIZ xây dựng hướng dẫn và tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm phương án QLRBV trong Đầu ra 6.
- Phối hợp với IFAD (dự án RECAF do GCF đồng tài trợ) lập kế hoạch hoạt động liên quan đến REDD+ ở cấp trung ương.
- Xây dựng, trình đề xuất chi trả dựa trên kết quả REDD+ cho Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) với kinh phí đề xuất khoảng 100 triệu USD.

Nếu được phê duyệt, kinh phí chi trả từ GCF sẽ được tái đầu tư vào ngành lâm nghiệp tại Việt Nam nhằm thúc đẩy hơn nữa quản lý rừng bền vững, nông nghiệp không gây mất rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.3. Tính hiệu quả

Tính hiệu quả của dự án ở mức **CAO**.

1.3.1. Mức độ thực hiện mục tiêu cụ thể của Dự án

Như trình bày trong Phần 2.2, Dự án đã hoàn thành mục tiêu cụ thể. Thông tin chi tiết về đánh giá chỉ số Mục tiêu cụ thể được trình bày trong Phụ lục ##.

1.4. Tính hiệu lực

Tính hiệu lực của dự án ở mức **CAO**.

1.4.1. Chi phí

Theo văn kiện dự án, tổng ngân sách của dự án là 613.122.000 Yên, bao gồm 500.000.000 Yên từ chính phủ Nhật Bản và 113.122.000 Yên (tương đương 25.000.000.000 đồng) từ chính phủ Việt Nam. Số tiền giải ngân từ chính phủ Nhật Bản vượt kế hoạch, trong khi số tiền giải ngân phía Việt Nam là 20.777.000.000 đồng, tương đương 83% kế hoạch (Xem Phần 1.2.3).

1.4.2. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự án là 4,5 năm, từ ngày 12/5/2021 đến ngày 31/12/2025, bao gồm giai đoạn kéo dài thời gian giải ngân vốn ODA từ ngày 12/5-31/12/2025 để hoàn thiện các nội dung còn lại, bao gồm đề xuất chi trả REDD+ gửi GCF.

1.4.3. Quy trình thực hiện đầu ra dự án

Như trình bày trong Phần 2.2, Dự án đã hoàn thành toàn bộ chỉ số đầu ra. Với một số đầu ra, bao gồm Đầu ra 1, 4, 5 và 6, kết quả thực hiện thực tế vượt mục tiêu đề ra bởi dự án đã triển khai thêm một số hoạt động hỗ trợ.

1.5. Tác động

Tác động của dự án ở mức **CAO**.

1.5.1. Khả năng thực hiện Mục tiêu tổng quát

Như trình bày ở Phần IV, đến nay, khoảng 73% chủ rừng là tổ chức đã được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, chiếm khoảng 90% diện tích rừng do nhóm chủ rừng này quản lý, so với mục tiêu chung là 100%. Đầu ra 6 của dự án đã đóng góp trực tiếp vào quá trình thực hiện mục tiêu chung của Chính phủ. Mặc dù chỉ hỗ trợ xây dựng 4 phương án QLRBV tại bốn tỉnh mục tiêu, Dự án đã tạo ra tác động ở quy mô lớn hơn để đóng góp vào mục tiêu chung của Chính phủ thông qua phối hợp với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm và GIZ xây dựng tài liệu hướng dẫn về xây dựng phương án QLRBV, dựa trên bài học kinh nghiệm xây dựng phương án QLRBV tại các tỉnh mục tiêu.

1.6. Tính bền vững

Tính bền vững của dự án ở mức tương đối **CAO**.

1.6.1. Tính bền vững về chính sách và thể chế

Như đã đề cập trước đó trong Phần III.1.1.1., tất cả hoạt động của dự án đều được thực hiện trong phạm vi chính sách, thể chế hiện hành tại Việt Nam trong lĩnh vực quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Do đó, nhu cầu, nhiệm vụ, trách nhiệm thực hiện liên quan đến tất cả hoạt động của Dự án đã được xác định rõ ràng. Hoạt động hỗ trợ của Dự án góp phần thực hiện mục tiêu về quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, dựa trên chính sách, chiến lược, chương trình/đề án và kế hoạch khác nhau. Hoạt động do dự án thực hiện đã góp phần hoàn thiện chính sách, thể chế thông qua rà soát, hoàn thiện chính sách và các hoạt động xây dựng năng lực. Do đó, tính bền vững về chính sách và thể chế được đánh giá ở mức cao.

1.6.2. Tính bền vững về kỹ thuật

Như trình bày trong Phần II. 1.1.3, Dự án đã tổ chức đào tạo cho cán bộ cơ quan quản lý cũng như các bên liên quan địa phương về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các lĩnh vực xây dựng năng lực bao gồm xây dựng chính sách, lập kế hoạch, thực thi và giám sát & đánh giá. Cán bộ được nâng cao năng lực sẽ tiếp tục làm việc trong hệ thống quản lý ngay cả sau khi dự án hoàn

thành, tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật và duy trì hệ thống, biện pháp can thiệp đã triển khai thông qua Dự án. Với cán bộ mới và khi thực hiện luân chuyển cán bộ, chính phủ Việt Nam sẽ cần xây dựng năng lực cho những cán bộ này thông qua tập huấn, đào tạo lại bài bản để duy trì những năng lực đã được xây dựng trước đó. Do đó, tính bền vững về mặt kỹ thuật được đánh giá là tương đối cao.

1.6.3. Tính bền vững về tài chính

Chi ngân sách cho ngành lâm nghiệp năm 2025 ước tính khoảng 165 triệu USD (4.437 tỷ VND). Ngoài ngân sách nhà nước, tính đến ngày 5/12/2025, nguồn thu ngân sách nhà nước (PFES) năm 2025 đạt khoảng 140 triệu USD (3.768 tỷ VND), vượt kế hoạch ban đầu 114%. Đây là hai nguồn tài chính quan trọng cho ngành lâm nghiệp, cùng với hỗ trợ tài chính từ các nhà tài trợ song phương và đa phương.

Trong Đầu ra 3, nhằm tăng cường hơn nữa nguồn lực tài chính cho ngành lâm nghiệp, SNRM2 hỗ trợ nâng cao năng lực sẵn sàng tham gia giai đoạn chi trả dựa trên kết quả REDD+ và xây dựng đề xuất chi trả gửi GCF cho kết quả REDD+ năm 2014. Đề xuất chi trả đã được gửi lên GCF vào tháng 4/2025, với số tiền đề nghị chi trả khoảng 100 triệu USD. Đề xuất chi trả hiện đang được GCF đánh giá và dự kiến sẽ được phê duyệt tại cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ GCF lần thứ 44 vào tháng 3/2026. Dự án sử dụng tiền chi trả từ GCF, nếu được thực hiện, sẽ cung cấp nguồn tài chính vững chắc cho hoạt động đang và sẽ được thực hiện theo các chiến lược, chương trình/đề án và kế hoạch khác nhau trong sáu năm tới tại Việt Nam.

Dự án sử dụng tiền chi trả từ GCF sẽ khai thác, phát triển thêm nhiều nguồn tài chính mới cho ngành lâm nghiệp. Dự án sử dụng tiền chi trả từ GCF giúp tăng cường ngân sách nhà nước và thu hút thêm nguồn tài chính quốc tế từ các nhà tài trợ. Thông qua thúc đẩy quản lý rừng bền vững với rừng tự nhiên và rừng trồng trong nước, Dự án sử dụng tiền chi trả từ GCF hướng đến mục tiêu tăng thêm nguồn thu từ cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), một cơ chế tài chính trong đó người sử dụng dịch vụ như công ty thủy điện và công ty cấp nước trả tiền cho người cung cấp dịch vụ (chủ rừng). Cơ chế chi trả này tạo nguồn thu bổ sung cho ngân sách nhà nước bằng cách thu tiền từ người sử dụng dịch vụ và phân phối lại cho người cung cấp dịch vụ để bảo vệ, quản lý rừng hiệu quả hơn, do đó không phụ thuộc vào phân bổ ngân sách nhà nước. Doanh thu chi trả DVMTR đã tăng lên theo thời gian (gấp ba lần trong 10 năm qua), hiện gần tương đương chi ngân sách nhà nước cho ngành lâm nghiệp và dự kiến tiếp tục tăng khi rừng được phục hồi và quản lý tốt hơn.

Ngoài chi trả DVMTR, Việt Nam đang xây dựng thị trường carbon trong nước, bao gồm xây dựng chính sách, hệ thống pháp lý liên quan, dự kiến triển khai chính thức từ năm 2028 (đối với thị trường trong nước) và năm 2029 (đối với chuyển giao quốc tế). Hoạt động liên quan bao gồm (a) xây dựng dự thảo nghị định về dịch vụ lưu trữ và hấp thụ carbon rừng, (b) xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia về tín chỉ carbon rừng, (c) xây dựng dự thảo nghị định về nền tảng giao dịch carbon trong nước, và (d) xây dựng dự thảo nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm thiểu khí nhà kính và tín chỉ carbon,

nhằm tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ cho trao đổi, chuyển giao kết quả giảm thiểu khí nhà kính và tín chỉ carbon theo tiêu chuẩn trong nước và Điều 6 của Hiệp định Paris.

Việt Nam cũng chính thức khởi động chương trình thí điểm hệ thống giao dịch phát thải (ETS) vào tháng 6/2025, tập trung vào ba lĩnh vực phát thải lớn là nhiệt điện, sắt thép và xi măng, chiếm khoảng 50% tổng lượng phát thải CO₂ của Việt Nam trong giai đoạn 2025-2028, làm cơ sở để thiết lập, vận hành thị trường carbon trong nước vào cuối năm 2028.

Sau khi nghị định về trao đổi quốc tế kết quả giảm thiểu khí nhà kính và tín chỉ carbon được thông qua, Việt Nam có thể đón nhận các dự án carbon tự nguyện, thúc đẩy hơn nữa dòng vốn đầu tư vào quản lý rừng bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Sau khi thiết lập thị trường carbon trong nước và hệ thống trao đổi quốc tế, Việt Nam sẽ trở thành một thị trường hấp dẫn cho đầu tư khí hậu trong tương lai. Để hỗ trợ thực hiện mục tiêu này, nguồn tài chính công sẽ được sử dụng để xây dựng cơ sở hạ tầng trọng điểm, từ đó khuyến khích đầu tư tư nhân vào các hành động khí hậu trong tương lai.

JICA đã tham gia vào quá trình này và là thành viên của Mạng lưới và Nhóm Công tác về carbon lâm nghiệp. Nếu Dự án sử dụng tiền chi trả từ GCF có thể bắt đầu thực hiện vào năm 2027 như dự kiến, Dự án sẽ góp phần phát triển thị trường carbon thông qua (a) tiếp tục phát triển/điều chỉnh khung pháp lý và tiêu chuẩn quốc gia, (b) tiếp tục nâng cao năng lực của các cơ quan liên quan, bao gồm tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với các quốc gia khác có hệ thống tương tự, (c) phát triển/điều chỉnh hệ thống đăng ký, (d) giám sát, đánh giá kết quả thí điểm vận hành thị trường carbon trong nước và biện pháp can thiệp có liên quan theo quy định tại Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Hơn nữa, hệ thống này có thể kết nối với cơ chế JCM/REDD+ , một cơ chế tín chỉ REDD+ song phương giữa Nhật Bản và Việt Nam, thu hút thêm sự quan tâm và đầu tư từ khu vực tư nhân Nhật Bản.

Cơ sở hạ tầng mới sẽ thu hút thêm đầu tư vào quản lý rừng bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường tài trợ cho khí hậu đồng nghĩa với tăng diện tích rừng được bảo vệ và quản lý bền vững, giảm phát thải và tăng cường hấp thụ carbon. Những kết quả này sẽ tăng số tiền chi trả và tín chỉ carbon hơn trong lĩnh vực này để bổ sung cho ngân sách nhà nước dành cho ngành lâm nghiệp, đảm bảo tính bền vững tài chính tốt hơn. Hướng tới mục tiêu này, nguồn tài chính công sẽ được sử dụng một cách chiến lược để xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng, từ đó khuyến khích đầu tư tư nhân vào các hành động khí hậu trong tương lai và đạt được các mục tiêu NDC.

Do đó, tính bền vững tài chính được đánh giá là tương đối cao.

2. Yếu tố chính ảnh hưởng đến quá trình thực hiện và kết quả

2.1. Rủi ro, vấn đề và giải pháp được xem xét kỹ lưỡng trong các giai đoạn lập kế hoạch (Giả định quan trọng về Đầu ra)

Có hai giả định quan trọng về Đầu ra được xác định trong PDM.

1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách quốc gia về lâm nghiệp.
2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học.

2.2. Rủi ro, vấn đề và giải pháp được xem xét kỹ lưỡng trong giai đoạn đầu thực hiện dự án

Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của Việt Nam về lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học.

Vấn đề nằm ngoài phạm vi kiểm soát của Dự án là khó khăn trong di chuyển do bùng phát dịch Covid-19, khiến cán bộ và đối tác thực hiện Dự án không thể di chuyển giữa Nhật Bản và Việt Nam cũng như giữa các tỉnh tại Việt Nam. Vấn đề này khiến quá trình thực hiện Dự án giai đoạn đầu bị chậm do phải lùi thời gian thực hiện khảo sát kinh tế - xã hội và lựa chọn chủ rừng mục tiêu tại bốn tỉnh trong Đầu ra 6.

2.3. Quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện

Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của Việt Nam về lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học.

Vấn đề duy nhất mà dự án gặp phải trong giai đoạn thực hiện là Chính phủ không có kế hoạch sửa đổi Luật Đa dạng sinh học trong khung thời gian thực hiện của dự án, trong khi Đầu ra 5 của dự án bao gồm Hoạt động 5-1 (Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12) và xây dựng dự thảo các văn bản pháp lý thực hiện Luật đa dạng sinh học sửa đổi). Sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận nội dung này và các bên đạt được ý kiến thống nhất trong hội nghị Ban chỉ đạo, Dự án quyết định không thực hiện hoạt động này.

3. Đánh giá kết quả quản lý rủi ro dự án

Mặc dù hai giả định chính nêu trên không bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện, Dự án đã quản lý hiệu quả hai vấn đề khác được liệt kê trong Phần 2.2 và 2.3.

- Về hạn chế di chuyển trong thời gian bùng phát dịch Covid-19, đặc biệt là năm 2021, dự án đã ưu tiên thực hiện các hoạt động trong Đầu ra từ 1-5 bởi những hoạt động này không yêu cầu đi công tác thực địa thường xuyên. Dự án bắt đầu

triển khai các hoạt động trong Đầu ra 6 sau khi Chính phủ dỡ bỏ quy định hạn chế đi lại trong nước từ năm 2022 và bắt kịp tiến độ theo kế hoạch ban đầu.

- Về vấn đề liên quan đến Luật Đa dạng sinh học, như đã đề cập trong Phần 2.3, sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận nội dung này và các bên đạt được ý kiến thống nhất trong hội nghị Ban chỉ đạo, Dự án quyết định không thực hiện hoạt động này.

4. Bài học kinh nghiệm

Một số bài học kinh nghiệm và khuyến nghị của Dự án:

Đầu ra 1

- Năm 2030 sẽ là một dấu mốc quan trọng vì tất cả chiến lược, kế hoạch, chương trình và dự án sẽ được điều chỉnh, xây dựng mới cho một hoặc hai thập kỷ tiếp theo. Để đảm bảo nội dung sửa đổi và cập nhật này mang tính chiến lược, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần chủ trì rà soát, đảm bảo sự tham gia, phối hợp của các nhà tài trợ chính.
- Năm năm tới sẽ là giai đoạn quan trọng để rà soát lại các chiến lược, kế hoạch, chương trình và đề án trọng điểm, và các nhà tài trợ, bao gồm JICA, sẽ cần cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để đảm bảo bài học kinh nghiệm quan trọng được phản ánh, tích hợp vào các chiến lược, kế hoạch, chương trình và dự án tiếp theo.

Đầu ra 2

- Trong những năm qua, Việt Nam đã thành lập Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (VFCO) và Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS) cùng xây dựng bộ tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật. Với nền tảng quan trọng này, Việt Nam cần tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết để mở rộng phạm vi triển khai chứng nhận FM/CoC trong nước.
- Đặc biệt, số lượng chủ rừng là nông hộ nhỏ tại Việt Nam rất lớn. Họ nên được hỗ trợ để đảm bảo quyền lợi và không bị phát triển tụt hậu. Việt Nam cần tăng cường, thúc đẩy thành lập các hợp tác xã lâm nghiệp và chứng chỉ rừng theo nhóm cho nông hộ nhỏ.
- Đồng thời, cần đảm bảo tính tương đồng giữa các chương trình chứng chỉ rừng như VFSC và FSC với yêu cầu của EUDR, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của EUDR trong trường hợp cần thực hiện biện pháp bổ sung ngoài yêu cầu của những chương trình chứng chỉ rừng này. Việt Nam cần xây dựng năng lực cho chủ rừng trong lĩnh vực này.

Đầu ra 3

- NRAP được xây dựng đến năm 2030. Đến thời điểm này, định hướng xây dựng NRAP riêng hay lồng ghép NRAP vào một chương trình khác (ví dụ: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững) từ năm 2031 hiện chưa rõ. NRAP là một chương trình đặc thù, không được phân bổ ngân sách riêng như các chương trình khác. Thay vào đó, NRAP dự kiến sẽ được thực hiện bằng cách khai thác ngân

sách của các chương trình khác, bao gồm Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, chương trình giảm nghèo/phát triển nông thôn. Do đó, NRAP nên được lồng ghép vào một chương trình có phân bổ ngân sách thường xuyên trong tương lai. Việt Nam cần đảm bảo quá trình này được thực hiện nhất quán để hỗ trợ vận hành các trụ cột chính của REDD+, bao gồm chính sách REDD+, FREL/FRL, NFMS/MRV và SIS/SoI.

- Chính phủ đang chuẩn bị vận hành thị trường carbon nội địa từ năm 2028. Ngoài ra, Chính phủ cũng đang tạo ra nhu cầu về tín chỉ carbon bằng cách xác định giới hạn phát thải khí nhà kính cho các ngành trọng điểm và chuẩn bị vận hành thị trường carbon để đáp ứng nhu cầu đó. Việt Nam cần đảm bảo thiết lập, vận hành thị trường tín chỉ carbon chất lượng, hiệu quả cho giao dịch trong nước, tiến tới giao dịch quốc tế trong tương lai. REDD+ sẽ đóng vai trò quan trọng trong cung cấp tín chỉ carbon cho thị trường này, đồng thời duy trì, đảm bảo và tăng cường hơn nữa các chức năng sinh thái và môi trường của rừng.
- Đặc biệt, hệ thống đăng ký giảm phát thải vẫn chưa được hoàn thiện và là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cần phải hoàn thành trước khi thiết lập thị trường carbon trong nước.
- Đồng thời, Việt Nam cần cải thiện liên tục công tác thu thập, quản lý dữ liệu ngành lâm nghiệp, bao gồm Chương trình điều tra đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc (NFIMAP), Dự án Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc (NFIS) và vận hành TDDBR trong hệ thống TDDBR quốc gia và MRV. Cải tiến phương pháp luận, nâng cấp hệ thống và ứng dụng cũng như xây dựng năng lực cho người dùng là những yêu cầu quan trọng nhất.
- Về thông tin bảo đảm an toàn, Chính phủ đã thiết lập Hệ thống Thông tin bảo đảm an toàn (SIS) và nộp Báo cáo tóm tắt đảm bảo an toàn REDD+ (SoI) đầu tiên lên UNFCCC vào năm 2018. Tuy nhiên, báo cáo tóm tắt đảm bảo an toàn chưa được cập nhật thêm từ thời điểm đó. Việt Nam sẽ cần thực hiện giám sát và nộp báo cáo tóm tắt đảm bảo an toàn thường xuyên, đảm bảo tuân thủ các biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thực hiện REDD+.
- Để khuyến khích, đảm bảo đầu tư từ khu vực tư nhân Nhật Bản trong tương lai, cần thiết kế cơ chế, tiêu chuẩn JCM-REDD+ tương thích với thị trường carbon trong nước, từ đó giảm đáng kể chi phí tiếp cận thị trường của các công ty Nhật Bản.

Đầu ra 4

- Cục LN&KL cần đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tài chính để đảm bảo vận hành hệ thống TDDBR. Năng lực quản lý hệ thống hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu, do đó, hệ thống nên được quản lý thông qua một đơn vị cung cấp dịch vụ có đủ năng lực vận hành, bảo trì hệ thống.

Đầu ra 5

- Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học (NBDS) đã được xây dựng với sự hỗ trợ từ một dự án hợp tác kỹ thuật trước đây của JICA. Dự án SNRM2 đã hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật và định mức chi phí về điều tra,

báo cáo đa dạng sinh học. Các bên liên quan cần thực hiện điều tra, báo cáo đa dạng sinh học theo đúng quy định, đồng thời dữ liệu điều tra cần được đưa vào NBDS và hỗ trợ lập kế hoạch, ra quyết định trong thời gian tới. Để thực hiện điều đó, Chính phủ có thể tăng cường thêm hỗ trợ kỹ thuật.

- Tổng hợp, phân tích dữ liệu trong NBDS theo thời gian sẽ hỗ trợ giám sát đồng lợi ích của REDD+.

Đầu ra 6

- Luật Lâm nghiệp yêu cầu tất cả chủ rừng là tổ chức phải xây dựng, thực hiện phương án QLRBV. Tính đến thời điểm xây dựng báo cáo này, khoảng 73% chủ rừng là tổ chức đã xây dựng phương án QLRBV. Để đạt được mục tiêu 100% chủ rừng là tổ chức xây dựng, thực hiện phương án QLRBV, Chính phủ cần tiếp cận, tăng cường hỗ trợ cho những chủ rừng còn lại, bao gồm xây dựng năng lực.
- Đồng thời, tình hình thực hiện và bài học kinh nghiệm cần được rà soát, đánh giá, tổng hợp để thúc đẩy thực hiện các phương án QLRBV đã phê duyệt.
- Luật không yêu cầu (nhưng khuyến khích) chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng xây dựng, thực hiện phương án QLRBV. Tuy nhiên, những chủ rừng này quản lý khoảng 30% diện tích rừng trên cả nước, trong khi 20% diện tích rừng chưa giao có thể được quản lý bởi các nông hộ nhỏ. Do đó, cần xác định các phương thức quản lý rừng bền vững khả thi đối với nhóm đối tượng này.
- Quy trình xây dựng phương án QLRBV hiện nay yêu cầu thời gian và kinh phí thực hiện, trong khi năng lực kỹ thuật của nông hộ nhỏ lại hạn chế. Vì vậy, quy trình, thủ tục, phương pháp xây dựng phương án cần được xây dựng đơn giản, trên cơ sở năng lực kỹ thuật và tài chính của nhóm đối tượng này.

5. Hiệu quả tổng thể

Mục tiêu cụ thể và tất cả chỉ số đầu ra đều được hoàn thành đầy đủ trong phạm vi ngân sách, thời gian thực hiện. Ngoài ra, dự án còn mở rộng hỗ trợ cho các hoạt động bổ sung ngoài kế hoạch theo đề nghị của cơ quan đối tác và đơn vị thực hiện, nhờ đó Dự án đã huy động thành công (hoặc dự kiến sẽ huy động) hơn 12,2 tỷ Yên ngân sách bổ sung, như được trình bày chi tiết trong phần dưới đây. Do đó, hiệu quả tổng thể của dự án được đánh giá ở mức **CAO**.

6. Tính bổ sung

Dự án đã huy động thành công (hoặc dự kiến sẽ huy động) hơn 12,2 tỷ Yên ngân sách bổ sung, bao gồm:

- 11,6 tỷ Yên tương đương từ Quỹ GCF (dự kiến)
- 500 triệu Yên từ Chương trình Phát triển Kinh tế và Xã hội (ESDP) (trước đây là chương trình tài trợ phi dự án)
- Khoảng 100 triệu Yên từ Chương trình viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở (GGP)

- Khoảng 10 triệu Yên từ JIFPRO (chương trình trồng rừng của doanh nghiệp⁶ và chương trình ứng dụng kiến thức⁷)

IV. Thực hiện mục tiêu tổng quát sau khi hoàn thành dự án

1. Khả năng thực hiện Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu tổng quát và chỉ số thực hiện tương ứng:

Mục tiêu tổng quát:	Tăng cường năng lực quốc gia để phát huy tối đa lợi ích từ các hệ sinh thái rừng thông qua việc thúc đẩy quản lý rừng bền vững, REDD+ và bảo tồn đa dạng sinh học góp phần nâng cao sinh kế cho người dân địa phương và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.
Chỉ số thực hiện:	Phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt cho toàn bộ chủ rừng là tổ chức tại Việt Nam, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 27 của Luật Lâm nghiệp.

Theo thông tin từ Cục LN&KL, tính đến tháng 12/2025, khoảng 73% chủ rừng là tổ chức đã được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, chiếm khoảng 90% diện tích rừng do nhóm chủ rừng này quản lý. Với chủ rừng là tổ chức nhà nước, khoảng 83,5% đã được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, chiếm 92,7% diện tích rừng do nhóm chủ rừng này quản lý.

2. Kế hoạch hoạt động và cấu trúc thực hiện của phía Việt Nam để thực hiện mục tiêu tổng quát

Theo điểm a, khoản 1, Điều 27, Luật Lâm nghiệp:

Điều 27. Phương án quản lý rừng bền vững

1. Trách nhiệm xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững được quy định như sau:

a) Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững;

b) Khuyến khích chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

⁶ <https://www.tokiomokko.co.jp/news/archive/2024/202406.html>

⁷ <https://jifpro.or.jp/chiepro/building-a-sustainable-cinnamon-forest-management-model-through-the-composting-of-unused-cinnamon-branches-and-leaves/>

Hiện nay, 73% chủ rừng là tổ chức đã xây dựng, thực hiện phương án QLRBV (so với mục tiêu 100% chủ rừng). Để đạt được mục tiêu này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chuẩn bị, ban hành hướng dẫn/cẩm nang về xây dựng phương án QLRBV, với hỗ trợ kỹ thuật từ GIZ và JICA/SNRM2 trong khuôn khổ Hoạt động 6.6.

Cục LN&KL cần tiếp tục khuyến khích các chủ rừng còn lại xây dựng, thực hiện phương án QLRBV, đồng thời chia sẻ hướng dẫn/cẩm nang về xây dựng phương án QLRBV và nâng cao năng lực cần thiết trong quá trình này.

3. Khuyến nghị cho phía Việt Nam

Một số khuyến nghị chính bao gồm:

- Cục LN&KL cần nâng cao nhận thức, khuyến khích, xây dựng năng lực cho tất cả chủ rừng là tổ chức còn lại chưa có phương án QLRBV trong xây dựng, thực hiện phương án QLRBV.
- Cục LN&KL cần phổ biến tài liệu hướng dẫn/cẩm nang về xây dựng phương án QLRBV cho tất cả chủ rừng là tổ chức còn lại chưa có phương án QLRBV.
- Cục LN&KL hoặc bên liên quan (phụ trách quản lý ngân sách) cần phân bổ đủ ngân sách cho các chủ rừng là tổ chức còn lại chưa có phương án QLRBV để họ có thể xây dựng phương án QLRBV.
- Cục LN&KL hoặc bên liên quan (phụ trách quản lý ngân sách) cần phân bổ đủ ngân sách cho các chủ rừng là tổ chức để thực hiện phương án QLRBV.
- Cục LN&KL cần tiến hành rà soát, đánh giá định kỳ tiến độ xây dựng, thực hiện phương án QLRBV trong nước, tổng hợp vấn đề chính ảnh hưởng đến tiến độ và bài học kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, kế hoạch, tài liệu hướng dẫn và phân bổ ngân sách.
- Cục LN&KL cần xây dựng kế hoạch thực tế để đảm bảo chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng có thể lập kế hoạch, thực hiện quản lý rừng bền vững.

4. Kế hoạch theo dõi từ thời điểm kết thúc dự án đến thời điểm đánh giá hậu kỳ

Phòng Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ, Cục LN&KL cần thường xuyên theo dõi tiến độ xây dựng, thực hiện phương án QLRBV trên phạm vi toàn quốc.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Biên bản thảo luận (R/D)

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 2. Biên bản cuộc họp (M/M)

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 3. Ma trận thiết kế dự án (PDM)

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 4. Kế hoạch hoạt động tổng thể

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 5. Kế hoạch hoạt động năm

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 6. Báo cáo tiến độ 6 tháng 1 lần (từ 1-8)

Đính kèm file riêng (bản mềm).

Phụ lục 7. Ảnh hoạt động

Đầu ra 3 (REDD+)	
	
Hội thảo tham vấn vùng Tây Bắc về biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ tại tỉnh Sơn La	Hội thảo tham vấn cấp cơ sở về biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ tại tỉnh Bình Định
	
Hội thảo tham vấn vùng Đông Bắc về biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ tại tỉnh Lào Cai	Hội thảo tham vấn cấp trung ương về biện pháp đảm bảo an toàn REDD+ tại Hà Nội
Đầu ra 4 (Theo dõi diễn biến rừng)	
	
Tập huấn luyện giáo viên (Tuyên Quang)	Tập huấn luyện giáo viên (Lào cai)



Tập huấn tiểu giáo viên (Sơn La)



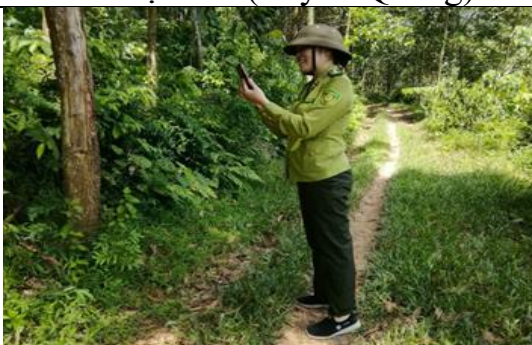
Tập huấn tiểu giáo viên (Hòa Bình)



Tập huấn mở rộng: Giảng viên nguồn tập huấn lại cho cán bộ kiểm lâm địa bàn (Tuyên Quang)



Tập huấn cho cán bộ quản lý cấp trung ương và vùng (Hà Nội)



Cán bộ kiểm lâm theo dõi diễn biến rừng (Lào cai)



Tập huấn cho cán bộ quản lý cấp tỉnh (phối hợp với FAO)

Đầu ra 5 (Bảo tồn đa dạng sinh học)	
	
Khảo sát đa dạng sinh học về động vật (tỉnh Hòa Bình)	Khảo sát đa dạng sinh học về động vật (tỉnh Hòa Bình)
	
Hội thảo về điều tra đa dạng sinh học (Hà Nội)	Hội thảo về điều tra đa dạng sinh học (Hà Nội)
	
Hội thảo về quản lý khu dự trữ sinh quyển (Kiên Giang)	Hội thảo về quản lý khu dự trữ sinh quyển (Kiên Giang)

Đầu ra 6 (Quản lý rừng bền vững)	
	
Tập huấn về quản lý rừng bền vững (Hòa Bình)	Tập huấn về quản lý rừng bền vững (Lào Cai)
	
Thăm hiện trường rừng trồng quế (Lào Cai)	Tập huấn trực tuyến về quản lý rừng bền vững (Sơn La)
	
Tập huấn về quản lý rừng bền vững (Tuyên Quang)	Hội thảo phối hợp về quản lý rừng bền vững

Đầu ra 6 (Quản lý rừng bền vững)	
	
Thử nghiệm làm phân hữu cơ: BQLDA tỉnh Lào Cai thăm hiện trường (Lào Cai)	Thí điểm sử dụng phân hữu cơ tại vườn ươm (Lào Cai)
	
Theo dõi hiệu quả sử dụng phân hữu cơ (Lào Cai)	Thu hoạch sản tại điểm sử dụng phân hữu cơ (Lào Cai)
	
Tập huấn sơ cấp cứu cho người dân trồng quế tại tỉnh Lào Cai	Nâng cao nhận thức về bảo vệ rừng tại tỉnh Tuyên Quang

Đầu ra 6 (Quản lý rừng bền vững)



Tập huấn kỹ thuật về canh tác quế tại tỉnh Lào Cai



Phát cây giống trồng rừng đặc dụng tại tỉnh Tuyên Quang

Khác



Tập huấn tại Nhật Bản về xây dựng chính sách QLRBV và chứng chỉ rừng



Hội nghị tổng kết Dự án năm 2023 tại tỉnh Sơn La

Phụ lục 8. Danh sách tập huấn tại Nhật Bản

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Tên học viên	Đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)
1	Quản lý rừng dựa trên hệ thống TDDBR JJ-FAST và công nghệ vệ tinh (202003218J001)	16	4/10/2021	19/10/2021	Nhật Bản (online)	Lê Hùng Anh (FIPI)	Cán bộ	0	1	0	0
2	Xây dựng chính sách về quản lý rừng bền vững	5	7/3/2022	11/3/2022	Nhật Bản (online)	Phạm Ngọc Hải (FIPI)	Cán bộ	0	1	0	0
3	Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	8	27/2/2023	6/3/2023	Fukuoka, Oita và Kumamoto, Nhật Bản	Nguyễn Văn Sơn (BQLDALN), Nguyễn Quốc Tuấn (BQLDALN), Mai Thị Hoàn (TQ), Cao Thị Thái Hà (TQ), Nguyễn Quang Vĩnh (LC), Nguyễn Hồng Anh (LC), Trần Văn Cường (HB), Mai Ngọc Toàn (HB), Phan Thị Thim (SL) và Cẩm Thị Huế (SL)	Cán bộ	0	10	5	1

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

4	Sử dụng bền vững tài nguyên rừng/tài nguyên thiên nhiên và tăng cường chuỗi giá trị trong nước	44	25/9/2024	8/11/2024	Tokyo, Sapporo, Nhật Bản	Lê Đức Thành (FIPI)	Cán bộ	0	1	0	0
5	Công nghệ viễn thám trong theo quản lý tài nguyên rừng	44	27/5/2025	10/7/2025	Hokkaido, Nhật Bản	Võ Đại Nguyên (VAFS)	Cán bộ	0	1	0	0
TỔNG CỘNG:								0	14	5	1

Phụ lục 9. Danh sách các lớp tập huấn trong nước

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
1	Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Hòa Bình	1	24/12/2021	24/12/2021	Khách sạn Hoa Đào	Chủ rừng	Người dân	8	5	2	10	Nguyễn Văn Thi, Trần Văn Hồ	QLRBV	HB
2	Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Tuyên Quang	1	25/12/2021	25/12/2021	Phòng họp CCKL	Chủ rừng	Cán bộ	5	19	7	10	Nguyễn Văn Thi, Trần Văn Hồ	QLRBV	TQ
3	Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Lào Cai	1	29/12/2021	29/12/2021	Khách sạn Đức Huy	Chủ rừng	Người dân	17	13	8	17	Nguyễn Văn Thi, Trần Văn Hồ	QLRBV	LC
4	Xây dựng phương án QLRBV tại tỉnh Sơn La	1	5/1/2022	5/1/2022	Khách sạn Sao Xanh 3	Chủ rừng	Kết hợp	3	9	4	3	Nguyễn Văn Thi, Trần Văn Hồ	QLRBV	SL
5	Tập huấn về Luật lâm nghiệp tại Sơn La	1	2/7/2022	2/7/2022	Công ty Phù Yên	Chủ rừng	Cán bộ	0	30	4	18	Phạm Ngọc Thành	QLRBV	SL
6	Tập huấn về trồng rừng tại Sơn La	1	3/7/2022	3/7/2022	Công ty Phù Yên	Chủ rừng	Cán bộ	0	30	4	18	Cao Đình Sơn	QLRBV	SL
7	Tập huấn về bảo vệ rừng tại Sơn La	1	4/7/2022	4/7/2022	Công ty Phù Yên	Chủ rừng	Cán bộ	0	30	4	18	Phạm Văn Hòa	QLRBV	SL
8	Tập huấn	1	5/7/2022	5/7/2022	Công ty	Chủ rừng	Cán	0	30	4	18	Phạm Văn Hòa	QLRBV	SL

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	phòng chống cháy rừng tại Sơn La				Phù Yên		bộ							
9	Tập huấn phát triển, quản lý vườn ươm tại Tuyên Quang	1	14/7/2022	14/7/2022	BQLRĐD Tân Trào	Chủ rừng	Cán bộ	0	15	2	6	Lê Thị Thanh Hà	QLRBV	TQ
10	Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Lào Cai	3	20/7/2022	22/7/2022	CCKL tỉnh Lào Cai	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	40	0	8	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	LC
11	Tập huấn ToT lần 1 về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Tuyên Quang	3	27/7/2022	29/7/2022	CCKL tỉnh Tuyên Quang	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	4	10	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	TQ
12	Tập huấn ToT cho Cục Kiểm lâm và CCKL vùng	3	13/4/2022	15/4/2022	CCKL tỉnh Hòa Bình	Cán bộ kiểm lâm	Trung ương và vùng	0	27	5	3	Nguyễn Văn Thanh, Bùi Thành Huế	TDDBR	HB
13	Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Sơn La	3	3/8/2022	5/8/2022	Thảo Nguyên resort, Mộc Châu, Sơn La	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	32	10	16	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	SL
14	Tập huấn về QLRBV và chứng chỉ	3	10/8/2022	12/8/2022	Khách sạn Royal Palace,	Chủ rừng và cán bộ kiểm lâm	Kết hợp	2	27	9	4	Hoàng Văn Tiệp, Nguyễn Văn Bích	QLRBV & CCR	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	rừng theo VFCS				Tuyên Quang									
15	Tập huấn ToT về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Hòa Bình	3	10/8/2022	12/8/2022	CCKL tỉnh Hòa Bình	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	0	9	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	HB
16	Tập huấn ToT lần 2 về ứng dụng di động FRMS tại tỉnh Tuyên Quang	3	24/8/2022	26/8/2022	CCKL tỉnh Tuyên Quang	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		25	7	8	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	TQ
17	Tập huấn ToT về hệ thống TDDBR	3	28/9/2022	30/9/2022	Khách sạn Sen, Hà Nội	Cán bộ CKL và CCKL vùng	CKL và CCKL vùng		23	2	0	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	HN
18	Hỗ trợ tổ chức tập huấn về Ứng dụng FRMS Desktop 4.0	3	14/12/2022	16/12/2022	Khách sạn Bắc Kinh, Nghệ An	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		35	9	2	Nguyễn Danh Thanh Hải (CKL), Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Huân (CCKL vùng 2)	TDDBR	Khác
19	Tập huấn chuẩn bị đất tại Hòa Bình	1	8/4/2023	8/4/2023	Nhà văn hóa thôn Cây Rường	Chủ rừng	Người dân	5	0	3	0	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
20	Kỹ thuật lâm sinh và sử dụng hóa chất	1	14/4/2023	14/4/2023	Nhà văn hóa thôn Cây	Chủ rừng	Người dân	5	0	1	0	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến	QLRBV	HB

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
					Rừng							nông Hòa Bình)		
21	Thăm quan học tập về chứng chỉ rừng tại tỉnh Tuyên Quang cho chủ rừng của tỉnh Hòa Bình	1	12/5/2023	12/5/2023	Phòng họp Hạt kiểm lâm Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Chủ rừng	Người dân	22	0	6	9	Bùi Đông Anh (Điều phối viên văn phòng đại diện phía Bắc, HTX Lâm nghiệp Thuận Nhiên)	CCR	TQ
22	Phối hợp với FAO tập huấn FRMS 4.0 tại tỉnh Lào Cai	2	24/5/2023	25/5/2023	Khách sạn Ngôi Sao, Lào Cai	Cán bộ kiểm lâm của 30 tỉnh phía Bắc (CCKL vùng 1, 2)	Tỉnh		70	8	2	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	Khác
23	Phối hợp với FAO tập huấn FRMS 4.0 tại tỉnh Đà Lạt	2	15/6/2023	16/6/2023	Khách sạn River Prince, Đà Lạt, Lâm Đồng	Cán bộ kiểm lâm của 30 tỉnh phía Nam (CCKL vùng 3, 4)	Tỉnh		75	11	2	Nguyễn Văn Thanh, Phạm Tuấn Anh	TDDBR	Khác
24	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Lào Cai	3	5/7/2023	7/7/2023	CCKL tỉnh Lào Cai	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	1	7	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	LC
25	Tập huấn ToT	3	18/7/2023	20/7/2023	CCKL	Cán bộ	Tỉnh	0	29	6	11	Phạm Tuấn	TDDBR	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Tuyên Quang				tỉnh Tuyên Quang	kiểm lâm và huyện						Anh		
26	Tập huấn chuẩn bị đất tại Hòa Bình	1	28/7/2023	28/7/2023	Nhà văn hóa thôn Cây Rường	Chủ rừng	Người dân	9	0	4	0	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
27	Tập huấn thiết bị di động FRMS phục vụ quản lý rừng và TDDBR tại huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	1	2/8/2023	2/8/2023	BQLRĐD Tân Trào/HKL Sơn Dương	Hạt Kiểm lâm	Huyện	0	25	1	5	3 giảng viên đã tham gia tập huấn TOT FRMS 4.0; Chuyên gia hỗ trợ: Phạm Tuấn Anh	TDDBR	TQ
28	Kỹ thuật lâm sinh và sử dụng hóa chất tại Hòa Bình	1	7/8/2023	7/8/2023	Nhà văn hóa thôn Cây Rường	Chủ rừng	Người dân	9	0	3	0	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
29	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Sơn La	3	8/8/2023	10/8/2023	Khách sạn Galaxy Grand, tỉnh Sơn La	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	6	15	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	SL
30	Tuyên truyền, phổ biến pháp	1	18/8/2023	18/8/2023	Công ty Phù Yên	Chủ rừng	Cán bộ	0	24	1	18	Phạm Ngọc Thành	QLRBV	SL

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	luật, quy định về bảo vệ và phát triển rừng tại Sơn La													
31	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0 trong TDDBR tại tỉnh Hòa Bình	3	22/8/2023	24/8/2023	CCKL tỉnh Hòa Bình	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	2	10	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	HB
32	Tập huấn về làm phân hữu cơ từ bã quế	2	27/8/2023	28/8/2023	Xã Vĩnh Yên	HTX Vĩnh Yên	Người dân	12	0	4	8	JIFPRO/JAFTA	QLRBV	LC
33	Tập huấn theo dõi quy trình ủ phân tại Lào Cai	1	21/9/2023	21/9/2023	Xã Vĩnh Yên	Chủ rừng - HTX Vĩnh Yên	Người dân	5	0	2	5	JIFPRO/JAFTA	QLRBV	LC
34	Tập huấn TOT cấp trung ương và cấp vùng về FRMS 4.0 trong TDDB tại Hà Nội	3	29/9/2023	29/9/2023	Khách sạn CWD, Hà Nội	Cán bộ kiểm lâm	Trung ương và vùng	0	18	1	0	Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Văn Thanh	TDDBR	HN
35	Tập huấn theo dõi quy trình ủ phân tại Lào Cai	2	10/10/2023	11/10/2023	Xã Vĩnh Yên	HTX Vĩnh Yên	Người dân					JIFPRO/JAFTA		
36	Tập huấn về	1	25/10/2023	25/10/2023	Xã An	Chủ rừng	Người	39	0	9	9	Nguyễn Tiến	QLRBV	HB

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	phòng chống cháy rừng tại Hòa Bình				Bình		dân					Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)		
37	Tập huấn kỹ thuật trồng quế cho chủ rừng	1	1/11/2023	1/11/2023	Xã Vĩnh Yên	HTX Vĩnh Yên	Chủ rừng	22	12	16	22	Đặng Thịnh Triều (JIFPRO)	QLRBV	LC
38	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	23/11/2023	23/11/2023	Bản Khuân Đào, xã Trung Yên	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	3	24	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
39	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	24/11/2023	24/11/2023	Bản Hoàng Lâu, xã Trung Yên	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	3	26	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
40	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	28/11/2023	28/11/2023	Bản Khuân Mán, xã Lương Thiện	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	2	29	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
41	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại	0,5	29/11/2023	29/11/2023	Bản Đồng Quan, xã Lương Thiện	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	2	34	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	Tuyên Quang													
42	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	30/11/2023	30/11/2023	Bản Niềng, xã Minh Thanh	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	3	26	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
43	Tập huấn kỹ thuật tĩa thưa, chuyển đổi rừng trồng Keo lai gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn tại Hòa Bình	1	30/11/2023	30/11/2023	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng	Người dân	40	0	12	9	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
44	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	14/12/2023	14/12/2023	Bản Mỏ Ché, xã Tân Trào	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	2	34	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
45	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	15/12/2023	15/12/2023	Bản Lũng Búng, xã Tân Trào	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	2	36	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
46	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo	0,5	19/12/2023	19/12/2023	Bản Tân Lập, xã Tân Trào	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	2	39	51	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang													
47	Tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng tại Tuyên Quang	0,5	20/12/2023	20/12/2023	Bản Ao Búc, xã Trung Yên	BQLRĐD Tân Trào	Người dân	50	3	31	50	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
48	Tập huấn kỹ thuật sau trồng rừng quế	1	10/1/2024	10/1/2024	UBND xã Vĩnh Yên	HTX Vĩnh Yên	Người dân	17	3	11	18	Đặng Thịnh Triều (JIFPRO)	QLRBV	LC
49	Tập huấn sơ cấp cứu	1	12/3/2024	12/3/2024	UBND xã Vĩnh Yên	HTX Vĩnh Yên	Người dân	50	5	23	49	Nguyễn Thị Lộc, CRS Vina	QLRBV	LC
50	Thăm quan học tập mô hình trồng quế theo UEBT tại Yên Bái cho chủ rừng của tỉnh Lào Cai	2	18/3/2024	19/3/2024	Huyện Trấn Yên và Văn Yên, tỉnh Yên Bái	HTX Vĩnh Yên	Người dân	18	6	11	18	Vinasamex & Hương Gia vị Sơn Hà	CCR	LC
51	Tập huấn chuẩn bị địa điểm trồng rừng tại Hòa Bình	1	17/4/2024	17/4/2024	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng	Người dân	13		9	2	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
52	Tập huấn về an toàn lao động trong sản xuất lâm nghiệp	1	17/4/2024	17/4/2024	Nhà văn hóa thôn Khuổi Phường, xã Vĩnh Yên, Bảo Yên	HTX Vĩnh Yên	Người dân	48	8	26	51	Trần Đăng Khoa, Phòng Sử dụng rừng, CCKL Lào Cai	QLRBV	LC
53	Tập huấn trồng, chăm sóc rừng trồng tại Hòa Bình	1	25/4/2024	25/4/2024	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng	Người dân	13		5	2	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
54	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho BQLRPH Na Hang	1	14/5/2024	14/5/2024	BQLRPH Na Hang	Chủ rừng, hạt kiểm lâm, KLDB	Cán bộ		31	9	22	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
55	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Tuyên Quang	4	22/5/2024	25/5/2024	CCKL tỉnh Tuyên Quang	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	6	15	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	TQ
56	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Lào	4	28/5/2024	31/5/2024	CCKL tỉnh Lào Cai	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	1	12	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	Cai													
57	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	2	3/6/2024	4/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình	Cán bộ HKL Lâm Bình	Huyện	0	16	1	15	ToT: Phan Duy Thanh, Ninh Văn Toàn - HKL Lâm Bình	TDDBR	TQ
58	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2	5/6/2024	6/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Na Hang	Cán bộ HKL Na Hang	Huyện	0	24	2	21	ToT: Bùi Anh Thu, Ma Văn Huân - HKL Na Hang	TDDBR	TQ
59	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	2	10/6/2024	11/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Chiêm Hóa	HKL Chiêm Hóa	Huyện	0	17	3	8	ToT: Đặng Ngọc Vinh, Ma Công Tin - HKL Chiêm Hóa	TDDBR	TQ
60	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại	2	12/6/2024	13/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Hàm Yên	Cán bộ HKL huyện Hàm Yên	Huyện	0	20	2	6	ToT: Nguyễn Thúy Hằng, Nguyễn Bảo Dũng- HKL huyện Hàm	TDDBR	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang											Yên		
61	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2	17/6/2024	18/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Yên Sơn	Cán bộ HKL huyện Yên Sơn	Huyện	0	20	1	6	ToT: Bùi Thị Hoài Thương, Lê Văn Thanh - HKL huyện Yên Sơn	TDDBR	TQ
62	Tập huấn về quản lý dịch hại tổng hợp trong canh tác quế theo hướng hữu cơ cho CCKL Lào Cai và HKL Bảo Yên	1	11/6/2024	11/6/2024	CCKL Lào Cai	Cán bộ CCKL và HKL Bảo Yên	Tỉnh và huyện	0	22	1	3	Lê Văn Bình	QLRBV	LC
63	Tập huấn và lập mô hình về quản lý dịch hại tổng hợp trong canh tác quế theo hướng hữu cơ cho HTX Vĩnh	2	12/6/2024	13/6/2024	UBND xã Vĩnh Yên và đội quế lập mô hình	Thành viên HTX Vĩnh Yên, cán bộ UBND xã Vĩnh Yên, HKL Bảo Yên	Người dân, cán bộ cấp huyện, xã	47	13	26	51	Lê Văn Bình	QLRBV	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	Yên và cán bộ kiểm lâm huyện Bảo Yên													
64	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	2	19/6/2024	20/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Sơn Dương	Cán bộ HKL Sơn Dương	Huyện	0	18	1	6	ToT: Nguyễn Mạnh Hùng, Trần Ngọc Sơn - HKL Sơn Dương	TDDBR	TQ
65	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại xã Sinh Long (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	18/6/2024	18/6/2024	UBND xã Sinh Long, BQLRPH Na Hang	Cán bộ xã, trưởng bản	Xã, bản	29	21	11	48	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
66	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại xã Năng Khả (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	19/6/2024	19/6/2024	UBND xã Năng Khả, BQLRPH Na Hang	Cán bộ xã, trưởng bản	Xã, bản	40	10	15	48	Nguyễn Văn Sơn, CCKL Tuyên Quang	QLRBV	TQ
67	Tập huấn tại chỗ về hệ	2	25/6/2024	26/6/2024	Hạt kiểm lâm thành	Cán bộ kiểm lâm	Huyện	0	22	1	4	ToT: Nguyễn Tiến Chiến	TDDBR	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Lào cai, tỉnh Lào Cai				Phố Lào Cai	TP Lào Cai, Sa Pa, Mường Khương						(HKL TP Lào cai), Trần Quang Điệp (HKL Mường Khương)		
68	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	2	27/6/2024	28/6/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bát Xát	Cán bộ HKL Bát Xát	Huyện	0	17	0	7	ToT: Nguyễn Viết Dũng, Lò Chòi Goạn, HKL Bát Xát	TDDBR	LC
69	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	2	1/7/2024	2/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bắc Hà	Cán bộ kiểm lâm Bắc Hà và Si Ma Cai	Huyện	0	21	2	5	ToT: Vàng Văn Cường (HKL Bắc Hà); Dương Văn Vinh (HKL Si Ma Cai)	TDDBR	LC
70	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	2	3/7/2024	5/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Bảo Yên	Cán bộ kiểm lâm Bảo Yên, Bảo Thắng	Huyện	0	22	1	5	ToT: Vũ Mạnh Cường; Vũ Anh Tuấn, HKL Bảo Yên	TDDBR	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
71	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	2	8/7/2024	9/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Văn Bàn	Cán bộ HKL Văn Bàn	Huyện	0	29	0	11	ToT: Trần Tùng Lâm; Đặng Ngọc Hoàn, HKL Văn Bàn	TDDBR	LC
72	Tập huấn ToT về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Hòa Bình	3	17/7/2024	19/7/2024	CCKL tỉnh Hòa Bình	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện	0	25	2	10	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	HB
73	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình	2	25/7/2024	26/7/2024	Hạt kiểm lâm huyện Tân Lạc	Cán bộ KLDB thuộc HKL TP Hòa Bình, Tân Lạc, Đà Bắc, Cao Phong, Mai Châu; Cán bộ KLDB thuộc KBTTN Ngọc	Huyện	0	25	3	16	ToT: Đinh Ngọc Tú; Nguyễn Văn Huyền, HKL Tân Lạc	TDDBR	HB

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
						Son, Thượng Tiến, Hang Kia-Pà Cò, Phu Canh								
74	Tập huấn về bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu cho hộ dân trồng quế tại xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	1	26/7/2024	26/7/2024	Hộ dân trồng quế, cán bộ UBND xã, cán bộ kiểm lâm xã Vĩnh Yên	Hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên	Xã, bản	33	6	10	37	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC
75	Tập huấn tại chỗ về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	2	1/8/2024	2/8/2024	Hạt kiểm lâm huyện Lạc Thủy	Cán bộ KLDB tại huyện Lạc Thủy, Yên Thủy, Lạc Sơn, Lương Sơn và Kim Bôi	Huyện	0	25	3	7	ToT: Vũ Trung Kiên; Hoàng Văn Sơn, HKL Lạc Thủy	TDDBR	HB
76	Tập huấn ToT về hệ thống	3	7/8/2024	9/8/2024	CCKL tỉnh Sơn	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và	0	25	7	14	Phạm Tuấn Anh	TDDBR	SL

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại tỉnh Sơn La				La		huyện							
77	Tập huấn tại chỗ lần 1 về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	2	19/8/2024	20/8/2024	CCKL tỉnh Sơn La	Cán bộ kiểm lâm	Huyện	0	22	1	14	ToT: Lương Vương Phong (HKL Bắc Yên)' Chu Vĩnh Hiệp (HKL Sốp Cộp)	TDDBR	SL
78	Tập huấn tại chỗ lần 2 về hệ thống FRMS 4.0.1 trong TDDBR tại thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	2	21/8/2024	22/8/2024	CCKL tỉnh Sơn La	Cán bộ kiểm lâm	Huyện	0	23	5	22	ToT: Lò Văn Thảo (HKL Thuận Châu); Lò Văn Thắng (HKL Quỳnh Nhai)	TDDBR	SL
79	Tập huấn về chứng chỉ rừng và thành lập, quản lý hợp tác xã/nhóm hộ chủ rừng	1	27/8/2024	27/8/2024	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng/Tổ hợp tác An Bình	Bản	32		8	3	Nguyễn Văn Thị, ĐHLN	QLRBV	HB
80	Tập huấn về trồng rừng theo hướng	1	28/8/2024	28/8/2024	Hội trường UBND xã	Hộ dân trồng quế xã Vĩnh	Xã, bản	34	6	20	39	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	hữu cơ theo yêu cầu của UEBT cho hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên				Vĩnh Yên & hiện trường	Yên								
81	Tập huấn về chăm sóc rừng trồng quế, khai thác theo hướng hữu cơ theo yêu cầu của UEBT cho hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên	1	29/8/2024	29/8/2024	Hội trường UBND xã Vĩnh Yên & hiện trường	Hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên	Xã, bản	34	6	20	39	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC
82	Tập huấn sử dụng thiết bị Flycam trong TDDBR rừng tại Lào Cai	2	24/10/2024	25/10/2024	CCKL Lào Cai	Cán bộ kiểm lâm cấp tỉnh, huyện	Tỉnh	0	25	2	6	Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Trường Chinh	TDDBR	LC
83	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Lũng Khiêng, xã Sinh Long (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	12/11/2024	12/11/2024	Hội trường bản Lũng Khiêng, xã Sinh Long	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	9	42	Bùi Anh Thư	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
84	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Ban La, xã Sinh Long (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	13/11/2024	13/11/2024	Hội trường bản Ban La, xã Sinh Long	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	12	42	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ
85	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Khuổi Phìn, xã Sinh Long (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	14/11/2024	14/11/2024	Hội trường bản Khuổi Phìn, xã Sinh Long	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	13	42	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ
86	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Thái Nguyên	2	10/10/2024	11/10/2024	CCKL Thái Nguyên	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		60	8		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	TN
87	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Bắc Giang	2	16/10/2024	17/10/2024	CCKL Bắc Giang	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		40	5		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	BG
88	Hỗ trợ khóa tập huấn về	2	21/10/2024	22/10/2024	CCKL Phú Yên	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và		30	6		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	PY

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	FRMS 4.0 cho tỉnh Phú Yên						huyện							
89	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Khánh Hòa	2	24/10/2024	25/10/2024	CCKL Khánh Hòa	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		30	4		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	KH
90	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Yên Bái	2	14/11/2024	15/11/2024	CCKL Yên Bái	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		35	3		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	YB
91	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Kiên Giang	2	21/11/2024	22/11/2024	CCKL Kiên Giang	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		35	5		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	KG
92	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Lâm Đồng	2	25/11/2024	26/11/2024	CCKL Lâm Đồng	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		35	2		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	LĐ
93	Hỗ trợ khóa tập huấn về FRMS 4.0 cho tỉnh Hà Tĩnh	2	28/11/2024	29/11/2024	CCKL Hà Tĩnh	Cán bộ kiểm lâm	Tỉnh và huyện		35	3		Phạm Tuấn Anh	TDDBR	HT
94	Tập huấn về quản lý rừng	1	3/12/2024	3/12/2024	Hội trường	BQLRPH Na Hang,	Bản	42	1	22	42	Bùi Anh Thư	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	bền vững cho tại bản Nam Dương, xã Sinh Long (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)				bản Nam Dương, xã Sinh Long	người dân								
95	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Na Noong, xã Năng Khả (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	4/12/2024	4/12/2024	Hội trường bản Na Noong, xã Năng Khả	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	31	42	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ
96	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Na Chang, xã Năng Khả (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	5/12/2024	5/12/2024	Hội trường bản Na Chang, xã Năng Khả	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	29	42	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ
97	Tập huấn về quản lý rừng	1	17/12/2024	17/12/2024	Hội trường	BQLRPH Na Hang,	Bản	42	1	23	36	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	bền vững cho tại bản Na Kham, xã Năng Khả (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)				bản Na Kham, xã Năng Khả	người dân								
98	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Na Reo, xã Năng Khả (trong khu vực của BQLRPH Na Hang)	1	18/12/2024	18/12/2024	Hội trường bản Na Reo, xã Năng Khả	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	28	34	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ
99	Tập huấn chuẩn bị địa điểm trồng rừng tại Hòa Bình	1	18/12/2024	18/12/2024	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng, Tổ hợp tác lâm nghiệp An Bình	Người dân	11		2	3	Nguyễn Tiến Định	QLRBV	HB
100	Tập huấn về quản lý rừng bền vững cho tại bản Na Mo, thị trấn Na Hang	1	19/12/2024	19/12/2024	Hội trường bản Na Mo, thị trấn Na Hang	BQLRPH Na Hang, người dân	Bản	42	1	36	42	Bùi Anh Thu	QLRBV	TQ

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	(trong khu vực của BQLRPH Na Hang)													
101	Tập huấn về truy xuất nguồn gốc cho HTX Vĩnh Yên	1	19/12/2024	19/12/2024	Hội trường UBND xã Vĩnh Yên	Thành viên, hộ liên kết của HTX Vĩnh Yên	Bản	23	4	15	26	Hạnh Liên UEBT	QLRBV	LC
102	Tập huấn lưu giữ hồ sơ cho ban quản lý và các thành viên chính của HTX Vĩnh Yên	1	12/1/2025	12/1/2025	Nhà văn hóa thôn Khuổi Phường, xã Vĩnh Yên, Bảo Yên	Ban quản lý và các thành viên chính của HTX Vĩnh Yên	Bản	29	4	17	32	Hoàng Thu Hương	QLRBV	LC
103	Tập huấn lưu giữ hồ sơ cho ban quản lý HTX Vĩnh Yên	1	13/1/2025	13/1/2025	Hội trường UBND xã Vĩnh Yên	Ban quản lý HTX Vĩnh Yên	Bản	12	3	8	14	Hoàng Thu Hương	QLRBV	LC
104	Tập huấn chăm sóc rừng trồng quế theo hướng hữu cơ cho hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên	1	5/2/2025	5/2/2025	Hội trường UBND xã Vĩnh Yên	Hộ dân trồng quế xã Vĩnh Yên	Bản	29	7	11	34	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC
105	Tập huấn lập	1	6/2/2025	6/2/2025	Hội	Ban quản		28	7	11	33	TS. Đặng Thịnh	QLRBV	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	mô trồng trồng xen cho ban quản lý HTX và các hộ dân mong muốn tham gia làm chứng nhận UEBT tại xã Vĩnh Yên				trường UBND xã Vĩnh Yên	lý và các hộ dân mong muốn tham gia làm chứng nhận UEBT tại xã Vĩnh Yên						Triều (SRI)		
106	Tập huấn trồng, chăm sóc rừng trồng tại Hòa Bình	1	18/2/2025	18/2/2025	Nhà văn hóa thôn Cây Rường, xã An Bình, huyện Lạc Thủy	Chủ rừng, Tổ hợp tác lâm nghiệp An Bình	Bản	9	0	2	3	Nguyễn Tiến Định (Trung tâm khuyến nông Hòa Bình)	QLRBV	HB
107	Tập huấn lưu giữ hồ sơ tại Lào Cai	1,5	27/5/2025	28/5/2025	Nhà văn hóa thôn Nậm Kỳ, Nậm Pẩu và UBND xã Vĩnh Yên	Hộ dân trồng quế	Người dân	93	0	29	93	Hoàng Thu Hương	QLRBV	LC
108	Tập huấn kỹ thuật lâm sinh (1) tại Lào Cai	0,5	29/7/2025	29/7/2025	Nhà văn hóa thôn Nậm Pẩu	Hộ dân trồng quế	Hộ dân trồng quế	34	0	7	34	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC
109	Tập huấn	2	14/8/2025	15/8/2025	Nhà văn	Hộ dân	Hộ	25	0	5	25	Hoàng Thu	QLRBV	LC

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Nội dung	Thời gian (ngày)	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Địa điểm	Đối tượng	Nhóm đối tượng	Học viên (người dân)	Học viên (cán bộ)	Học viên (nữ giới)	Học viên (người DTTS)	Giảng viên	Hoạt động	Địa điểm
	quyền của người lao động tại Lào Cai				hóa thôn Nậm Kỳ, Nậm Pẩu	trồng quế	dân trồng quế					Hương		
110	Tập huấn kỹ thuật lâm sinh (2) tại Lào Cai, bao gồm thiết lập mô hình trồng xen	0,5	11/9/2025	11/9/2025	Nhà văn hóa thôn Nậm Pẩu	Hộ dân trồng quế	Hộ dân trồng quế	19	0	11	19	TS. Đặng Thịnh Triều (SRI)	QLRBV	LC
	TỔNG							1751	1707	1067	2088			

Phụ lục 10. Danh mục báo cáo của dự án

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
1	REP2021-01EN	The selection of the project target forest owners for sustainable forest management planning in Hoa Binh Province	2021	12	Đặng Thịnh Triều	EN	QLRBV	6
2	REP2021-01VN	Lựa chọn chủ rừng tiềm năng để hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tại tỉnh Hòa Bình	2021	12	Đặng Thịnh Triều	VN	QLRBV	6
3	REP2021-02EN	The selection of the project target forest owners for sustainable forest management planning in Tuyen Quang Province	2021	12	Nguyễn Văn Bích	EN	QLRBV	6
4	REP2021-02VN	Lựa chọn chủ rừng tiềm năng để hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho tỉnh Tuyên Quang	2021	12	Nguyễn Văn Bích	VN	QLRBV	6
5	REP2021-03EN	The selection of the project target forest owners for sustainable forest management planning in Son La Province	2021	12	Triệu Thái Hưng	EN	QLRBV	6
6	REP2021-03VN	Lựa chọn chủ rừng tiềm năng để hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tại tỉnh Sơn La	2021	12	Triệu Thái Hưng	VN	QLRBV	6
7	REP2021-04EN	The selection of the project target forest owners for sustainable forest management planning in Lao Cai Province	2021	12	Nguyễn Văn Thịnh	EN	QLRBV	6
8	REP2021-04VN	Lựa chọn chủ rừng tiềm năng để hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tỉnh Lào Cai	2021	12	Nguyễn Văn Thịnh	VN	QLRBV	6
9	REP2022-01EN	Impact assessment of the Sustainable Forestry Development Program 2021-2025	2022	1	Hoàng Liên Sơn	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
10	REP2022-01VN	Đánh giá tác động của Chương trình Phát triển Lâm nghiệp Bền vững giai đoạn 2021-2025	2022	1	Hoàng Liên Sơn	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
11	REP2022-02EN	The feasibility study of the Sustainable Forestry Development Program for the period 2021-2025	2022	1	Hoàng Văn Thắng.	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
12	REP2022-02VN	Nghiên cứu khả thi về Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	2022	1	Hoàng Văn Thắng.	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
13	REP2022-02aVN	Nghiên cứu khả thi về Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (phụ lục)	2022	1	Hoàng Văn Thắng.	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
14	REP2022-03EN	The result of consultations on the feasibility study of the Sustainable Forestry Development Program 2021-2025	2022	1	Nguyễn Mạnh Hùng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
15	REP2022-03VN	Kết quả tham vấn về nghiên cứu khả thi Chương trình Phát triển	2022	1	Nguyễn	VN	Chính sách	1

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
		Lâm nghiệp Bền vững giai đoạn 2021-2025			Mạnh Hùng		lâm nghiệp	
16	REP2022-04EN	Mid-term review of the Decision 1288 on sustainable forest management and forest certification	2022	1	Trần Lâm Đồng & Lưu Cảnh Trung	EN	Chính sách lâm nghiệp	2
17	REP2022-04VN	Sơ kết 3 năm thực hiện Quyết định 1288/QĐ-TTg - Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng	2022	1	Trần Lâm Đồng & Lưu Cảnh Trung	VN	Chính sách lâm nghiệp	2
18	REP2022-05EN	The review of legal documents on forest management	2022	2	Đoàn Minh Tuấn	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
19	REP2022-05VN	Rà soát, đánh giá, đề xuất hoàn thiện pháp luật về lâm nghiệp	2022	2	Đoàn Minh Tuấn	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
20	REP2022-06EN	The review of the regulations on forest management and protection	2022	2	Vũ Thị Quyên	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
21	REP2022-06VN	Rà soát quy định về quản lý, bảo vệ rừng	2022	2	Vũ Thị Quyên	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
22	REP2022-07EN	The review of the regulations on forest development and use	2022	2	Nguyễn Toàn Thắng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
23	REP2022-07VN	Rà soát quy định về phát triển và sử dụng rừng	2022	2	Nguyễn Toàn Thắng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
24	REP2022-08EN	The review of the regulation on land and forest	2022	2	Phạm Thị Hương Lan	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
25	REP2022-08VN	Rà soát quy định về đất, rừng	2022	2	Phạm Thị Hương Lan	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
26	REP2022-09EN	The plant biodiversity survey in Vietnam	2022	1	Trần Đức Bình	EN	ĐDSH	5
27	REP2022-09VN	Tổng quan điều tra thực vật tại Việt Nam	2022	1	Trần Đức Bình	VN	ĐDSH	5
28	REP2022-10EN	The coral biodiversity survey in Vietnam	2022	1	Nguyễn Đăng Ngải	EN	ĐDSH	5
29	REP2022-10VN	Tổng quan điều tra san hô tại Việt Nam	2022	1	Nguyễn Đăng Ngải	VN	ĐDSH	5

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
30	REP2022-11EN	The mammal biodiversity survey in Vietnam	2022	1	Nguyễn Hải Hà	EN	ĐDSH	5
31	REP2022-11VN	Tổng quan điều tra đa dạng sinh học thú tại Việt Nam	2022	1	Nguyễn Hải Hà	VN	ĐDSH	5
32	REP2022-12EN	The bird biodiversity survey in Vietnam	2022	1	Nguyễn Vĩnh Thanh	EN	ĐDSH	5
33	REP2022-12VN	Tổng quan điều tra chim và chim nước di cư tại Việt Nam tại Việt Nam	2022	1	Nguyễn Vĩnh Thanh	VN	ĐDSH	5
34	REP2022-13EN	Proposal of economic and technical cost norms for plant and coral reef biodiversity surveys	2022	1	Tạ Thúy Lan	EN	ĐDSH	5
35	REP2022-13VN	Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra thực vật và rạn san hô	2022	1	Tạ Thúy Lan	VN	ĐDSH	5
36	REP2022-14EN	Proposal of economic and technical cost norms for mammals and bird biodiversity surveys	2022	1	Nguyễn Khánh Linh	EN	ĐDSH	5
37	REP2022-14VN	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra thú và rạn san hô	2022	1	Nguyễn Khánh Linh	VN	ĐDSH	5
38	REP2022-15EN	Proposal of a set of indicators and standardized cost for biodiversity reporting	2022	1	Hoàng Ngọc Khắc, Trần Linh Chi	EN	ĐDSH	5
39	REP2022-15VN	Đề xuất bộ chỉ tiêu và định mức lập báo cáo đa dạng sinh học	2022	1	Hoàng Ngọc Khắc, Trần Linh Chi	VN	ĐDSH	5
40	REP2022-16EN	Review and proposal on regulations/protocols on providing, exchanging, exploiting and sharing biodiversity information and data of the competent state agency in Vietnam	2022	1	Nguyễn Thị Minh Tâm, Đặng Văn Tòng	EN	ĐDSH	5
41	REP2022-16VN	Rà soát và đề xuất quy định về cung cấp, trao đổi, khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu đa dạng sinh học của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam	2022	1	Nguyễn Thị Minh Tâm, Đặng Văn Tòng	VN	ĐDSH	5
42	REP2022-17EN	The analysis of technical requirements for nurseries and seedling production under the VFCS SFM requirements	2022	3	Phạm Quang Tuyền	EN	QLRBV/CCR	2

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
43	REP2022-17VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Vườn Ươm Và Sản Xuất Cây Giống Lâm Nghiệp Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Phạm Quang Tuyền	VN	QLRBV/CCR	2
44	REP2022-18EN	The analysis of the technical requirements for forest planting, tending, maintenance, and protection under the VFCS SFM requirements	2022	3	Phan Minh Quang	EN	QLRBV/CCR	2
45	REP2022-18VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Trồng, Chăm Sóc, Nuôi Dưỡng và Bảo Vệ Rừng Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Phan Minh Quang	VN	QLRBV/CCR	2
46	REP2022-19EN	The analysis on technical requirements for landscape and biodiversity conservation under the VFCS SFM requirements	2022	3	Trần Cao Nguyên	EN	QLRBV/CCR	2
47	REP2022-19VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Bảo Vệ Đa Dạng Sinh Học Và Cảnh Quan Rừng Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Trần Cao Nguyên	VN	QLRBV/CCR	2
48	REP2022-20EN	The analysis of the technical requirements for management and use of chemicals and sastes under the VFCS SFM requirements	2022	3	Trần Hoàng Quý	EN	QLRBV/CCR	2
49	REP2022-20VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Quản Lý, Sử Dụng Hóa Chất Và Chất Thải Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Trần Hoàng Quý	VN	QLRBV/CCR	2
50	REP2022-21EN	The analysis of the technical requirements for low impact logging under the VFCS SFM requirements	2022	3	Ninh Việt Khương	EN	QLRBV/CCR	2
51	REP2022-21VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Khai Thác Gỗ Tác Động Thấp Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Ninh Việt Khương	VN	QLRBV/CCR	2
52	REP2022-22EN	The analysis of the technical requirements on the surveys and evaluations of planted and natural forests for smallholders in SFM planning and implementation under the VFCS SFM requirements	2022	3	Phạm Tiến Dũng	EN	QLRBV/CCR	2
53	REP2022-22VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Điều Tra, Đánh Giá Rừng Trồng Và Rừng Tự Nhiên Đối Với Các Chủ Rừng Nhỏ Trong Việc Lập Kế Hoạch Và Thực Hiện Quản Lý Rừng Bền Vững Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Phạm Tiến Dũng	VN	QLRBV/CCR	2

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
54	REP2022-23EN	The analysis of technical requirements for forest functional zoning for groups of smallholders under the VFCS SFM requirements	2022	3	Nguyễn Huy Hoàng	EN	QLRBV/CCR	2
55	REP2022-23VN	Phân Tích Yêu Cầu Kỹ Thuật Về Phân Vùng Chức Năng Rừng Cho Chủ Rừng Nhỏ Phù Hợp Với Yêu Cầu Quản Lý Rừng Bền Vững Của Hệ Thống Chứng Chỉ Rừng Quốc Gia (VFCS)	2022	3	Nguyễn Huy Hoàng	VN	QLRBV/CCR	2
56	REP2022-24EN	Training needs assessment for FM/CoC certification for forest owners and wood processing factories	2022	3	Trần Hồng Vân	EN	QLRBV/CCR	2
57	REP2022-24VN	Đánh Giá Nhu Cầu Đào Tạo Của Các Chủ Rừng Và Các Doanh Nghiệp Chế Biến Gỗ Trong Thực Hiện Chứng Chỉ Quản Lý Rừng Bền Vững Và Chuỗi Hành Trình Sản Phẩm	2022	3	Trần Hồng Vân	VN	QLRBV/CCR	2
58	REP2022-25EN	The summary and analysis of regulations and models of M&E related to the forestry sector	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
59	REP2022-25VN	Tóm tắt phân tích quy định và mô hình giám sát đánh giá liên quan đến vực lâm nghiệp đang được thực hiện hoặc thí điểm	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
60	REP2022-26EN	A set of the M&E indicators and process for Vietnam Forest Development Strategy 2021-2030 with a vision to 2050	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
61	REP2022-26VN	Bộ chỉ số và quá trình giám sát đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp việt nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
62	REP2022-27EN	The M&E guideline for Vietnam Forest Development Strategy 2021-2030 with a vision to 2050	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
63	REP2022-27VN	Hướng dẫn giám sát và đánh giá cho chiến lược phát triển lâm nghiệp việt nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
64	REP2022-28EN	The summary and reflection of opinions of relevant agencies on the M&E system for VFDS 2021-2030	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
65	REP2022-28VN	Tổng hợp giải trình tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của các cơ quan bộ chỉ số và quá trình giám sát đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp việt nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2022	3	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
66	REP2022-29EN	The review of Decree No. 01/2019/ND-CP on forest rangers and forest protection forces	2022	3	Hoàng Văn Sâm, Hà Công Tuấn, Nguyễn Thị	EN	Chính sách lâm nghiệp	1

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
					Tiến			
67	REP2022-29VN	Đánh Giá Việc Triển Khai Thực Hiện Nghị Định Số 01/2019/NĐ-CP Ngày 01 Tháng 01 Năm 2019 Về Kiểm Lâm Và Lực Lượng Bảo Vệ Rừng Chuyên Trách	2022	3	Hoàng Văn Sâm, Hà Công Tuấn, Nguyễn Thị Tiến	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
68	REP2022-30EN	The forest inventory survey for sustainable forest management plan for Tan Trao Special Use Forest Management Board in Tuyen Quang Province	2022	2	Hồ Trung Lương	EN	QLRBV	6
69	REP2022-30VN	Điều tra kiểm kê rừng phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào tại tỉnh Tuyên Quang	2022	2	Hồ Trung Lương	VN	QLRBV	6
70	REP2022-31EN	The fauna biodiversity survey for sustainable forest management plan for Tan Trao Special Use Forest Management Board in Tuyen Quang Province	2022	2	Nguyễn Đình Duy, Lý Ngọc Tú	EN	QLRBV	6
71	REP2022-31VN	Điều tra đa dạng động vật phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào tại tỉnh Tuyên Quang	2022	2	Nguyễn Đình Duy, Lý Ngọc Tú	VN	QLRBV	6
72	REP2022-32EN	The flora biodiversity survey for sustainable forest management plan for Tan Trao Special Use Forest Management Board in Tuyen Quang Province	2022	2	Hoàng Thanh Sơn, Hồ Trung Lương	EN	QLRBV	6
73	REP2022-32VN	Điều tra đa dạng thực vật phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào tại tỉnh Tuyên Quang	2022	2	Hoàng Thanh Sơn, Hồ Trung Lương	VN	QLRBV	6
74	REP2022-33EN	The forest inventory survey for sustainable forest management plan for Phu Yen Forestry One Member State Limited Liability Company in Son La Province	2022	2	Trần Hải Long	EN	QLRBV	6
75	REP2022-33VN	Điều tra kiểm kê rừng phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Phù Yên tại tỉnh Sơn La	2022	2	Trần Hải Long	VN	QLRBV	6
76	REP2022-34EN	The fauna biodiversity survey for sustainable forest management plan for Phu Yen Forestry One Member State Limited Liability	2022	2	Nguyễn Trường Sơn,	EN	QLRBV	6

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
		Company in Son La Province			Bùi Tuấn Hải			
77	REP2022-34VN	Điều tra đa dạng động vật phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Phù Yên tại tỉnh Sơn La	2022	2	Nguyễn Trường Sơn, Bùi Tuấn Hải	VN	QLRBV	6
78	REP2022-35EN	The flora biodiversity survey for sustainable forest management plan for Phu Yen Forestry One Member State Limited Liability Company in Son La Province	2022	2	Trịnh Ngọc Bon	EN	QLRBV	6
79	REP2022-35VN	Điều tra đa dạng thực vật phục vụ lập phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Phù Yên tại tỉnh Sơn La	2022	2	Trịnh Ngọc Bon	VN	QLRBV	6
80	REP2022-36EN	Drafting a sustainable forest management plan for An Binh Commune in Hoa Binh Province	2022	2	Đặng Thịnh Triều	EN	QLRBV	6
81	REP2022-36VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của xã An Bình tại tỉnh Hòa Bình	2022	2	Đặng Thịnh Triều	VN	QLRBV	6
82	REP2022-37EN	Drafting a sustainable forest management plan for Phu Yen Forestry One Member State Limited Liability Company in Son La Province	2022	2	Triệu Thái Hưng	EN	QLRBV	6
83	REP2022-37VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Nhà nước MTV Lâm nghiệp Phù Yên tại tỉnh Sơn La	2022	2	Triệu Thái Hưng	VN	QLRBV	6
84	REP2022-38EN	Drafting a sustainable forest management plan for Vinh Yen Agricultural Cooperative in Lao Cai Province	2022	2	Nguyễn Văn Thịnh	EN	QLRBV	6
85	REP2022-38VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên tại tỉnh Lào Cai	2022	2	Nguyễn Văn Thịnh	VN	QLRBV	6
86	REP2022-39EN	Drafting a sustainable forest management plan for Tan Trao Special Use Forest Management Board in Tuyen Quang Province	2022	2	Nguyễn Văn Bích	EN	QLRBV	6
87	REP2022-39VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng đặc dụng Tân Trào tại tỉnh Tuyên Quang	2022	2	Nguyễn Văn Bích	VN	QLRBV	6
88	REP2022-40EN	The forest inventory survey for sustainable forest management plan for An Binh Forestry Owner Group in Hoa Binh Province	2022	6	Dương Quang Trung	EN	QLRBV	6
89	REP2022-40VN	Điều tra kiểm kê rừng phục vụ lập Kế hoạch Quản lý rừng bền vững tại nhóm chủ rừng An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	2022	6	Dương Quang Trung	VN	QLRBV	6

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
90	REP2022-41EN	The fauna biodiversity survey for sustainable forest management plan for An Binh Forest Owner Group in Hoa Binh Province	2022	6	Phạm Thế Cường	EN	QLRBV	6
91	REP2022-41VN	Điều tra đa dạng động vật để lập kế hoạch quản lý rừng bền vững cho tổ hợp tác lâm nghiệp An Bình, tỉnh Hòa Bình	2022	6	Phạm Thế Cường	VN	QLRBV	6
92	REP2022-42EN	The flora biodiversity survey for sustainable forest management plan for An Binh Forest Owner Group in Hoa Binh Province	2022	6	Trịnh Ngọc Bon	EN	QLRBV	6
93	REP2022-42VN	Điều tra đa dạng sinh học thực vật hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho nhóm chủ rừng An Bình tại tỉnh Hòa Bình	2022	6	Trịnh Ngọc Bon	VN	QLRBV	6
94	REP2022-43EN	Drafting a sustainable forest management plan for An Binh Forest Owner Group in Hoa Binh Province	2022	7	Đặng Thịnh Triều	EN	QLRBV	6
95	REP2022-43VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Tổ hợp tác Lâm nghiệp An Bình tại tỉnh Hòa Bình	2022	7	Đặng Thịnh Triều	VN	QLRBV	6
96	REP2022-44EN	The forest inventory for sustainable management planning for Vinh Yen Agricultural Cooperative in Lao Cai Province	2022	9	Nguyễn Việt Cường	EN	QLRBV	6
97	REP2022-44VN	Điều tra kiểm kê rừng phục vụ lập Kế hoạch Quản lý rừng bền vững cho hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên tại tỉnh Lào Cai	2022	9	Nguyễn Việt Cường	VN	QLRBV	6
98	REP2022-45EN	The fauna biodiversity survey for sustainable forest management planning for Vinh Yen Agricultural Cooperative in Lao Cai Province	2022	9	Nguyễn Đình Duy	EN	QLRBV	6
99	REP2022-45VN	Điều tra đa dạng động vật để lập kế hoạch quản lý rừng bền vững cho hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên tỉnh Lào Cai	2022	9	Nguyễn Đình Duy	VN	QLRBV	6
100	REP2022-46EN	The flora biodiversity survey for sustainable forest management planning for Vinh Yen Agricultural Cooperative in Lao Cai Province	2022	9	Hoàng Thanh Sơn	EN	QLRBV	6
101	REP2022-46VN	Điều tra đa dạng sinh học thực vật hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững cho Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên tại tỉnh Lào Cai	2022	9	Hoàng Thanh Sơn	VN	QLRBV	6
102	REP2022-47EN	The drafting for sustainable forest management planning for Vinh Yen Agricultural Cooperative in Lao Cai Province	2022	10	Nguyễn Văn Thịnh	EN	QLRBV	6
103	REP2022-47VN	Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh Yên tại tỉnh Lào Cai	2022	10	Nguyễn Văn Thịnh	VN	QLRBV	6

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
104	REP2023-01EN	Final report on the development of a manual to guide the implentation of the monitoring and evaluation of the Vietnam Forestry Development Strategy for the period 2021-2030 with a vision to 2050	2023	1	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
105	REP2023-01VN	Báo cáo cuối cùng xây dựng sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số giám sát, đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2023	1	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
106	REP2023-02EN	A manual guiding the mornitoring and evaluation of the Vietnam Forestry Development Strategy for the 2021-2030 period with a vision to 2050	2023	1	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
107	REP2023-02VN	Sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ chỉ số giám sát, đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2023	1	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
108	REP2023-03EN	Initial Assessment of the Implementation of Vietnam Forestry Development Strategy for the Period of 2021-2030, with a Vision to 2050	2023	9	Nguyễn Văn Thịnh	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
109	REP2023-03VN	Đánh Giá Bước Đầu Thực Hiện Chiến Lược Phát Triển Lâm Nghiệp Giai Đoạn 2021-2030, Tầm Nhìn Đến Năm 2050	2023	9	Nguyễn Văn Thịnh	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
110	REP2023-04EN	A review of the implementation of VFDS 2006-2020 and the development of reference data for M&E of the implementation of VFDS 2021-2030 with a vision to 2050	2023	9	Nguyễn Quốc Dụng	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
111	REP2023-04VN	Báo cáo rà soát thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 và xây dựng dữ liệu tham chiếu các chỉ số giám sát đánh giá chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	2023	9	Nguyễn Quốc Dụng	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
112	REP2023-05EN	A review of the implementation of Circular No. 12/2022/TT-BNNPTNT with its proposed amentmends	2023	10	Lê Ngọc Hoàn	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
113	REP2023-05VN	Tổng hợp, rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất nội dung sửa đổi Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT	2023	10	Lê Ngọc Hoàn	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
114	REP2023-06EN	A review and synthesis of the contents in the decree on a number of investment policies in the forestry sector, new mechanisms, policies and regulations with proposed amendments to Circular No.	2023	10	Nguyễn Gia Kiêm	EN	Chính sách lâm nghiệp	1

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
		12/2022/TT-BNNPTNT						
115	REP2023-06VN	Rà soát, tổng hợp các nội dung, quy định tại nghị định về một số chính sách đầu tư trong lĩnh vực lâm nghiệp, các cơ chế, chính sách, quy định mới, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT	2023	10	Nguyễn Gia Kiêm	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
116	REP2023-07EN	Final report for proposing contents to adjust the draft process of biodiversity inventory and monitoring	2023	12	Nguyễn Vĩnh Thanh, Lê Anh Dũng	EN	ĐDSH	5
117	REP2023-07VN	Báo cáo cuối cùng đề xuất các nội dung điều chỉnh dự thảo quy trình kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học	2023	12	Nguyễn Vĩnh Thanh, Lê Anh Dũng	VN	ĐDSH	5
118	REP2024-01EN	Heavy metal contamination assessment of cinnamon plantations In Vinh Yen Commune, Bao Yen District, Lao Cai Province	2024	3	Đặng Thịnh Triều	EN	QLRBV	6
119	REP2024-01VN	Đánh giá tình trạng ô nhiễm kim loại nặng tại rừng quế ở xã Vĩnh Yên huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	2024	3	Đặng Thịnh Triều	VN	QLRBV	6
120	REP2024-02EN	Field investigation, identification, and organic prevention measures for major cinnamon pests and diseases	2024	6	Lê Văn Bình	EN	QLRBV	6
121	REP2024-02VN	Phương pháp điều tra ngoài hiện trường, cách nhận biết các loài sâu, bệnh và một số biện pháp phòng chống sâu, bệnh hại chính trên quế theo hướng hữu cơ	2024	6	Lê Văn Bình	VN	QLRBV	6
122	REP2024-03EN	Synthesis, review and proposal of contents related to projects on forest protection, biodiversity conservation, promotion of multi-use values of forests and development of forestry infrastructure for SFDP 2026-2030	2024	12	Lê Ngọc Hoàn	EN	Chính sách lâm nghiệp	1
123	REP2024-03VN	Tổng hợp, rà soát, đề xuất các nội dung nhóm dự án thành phần về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát huy giá trị đa dụng của rừng, phát triển cơ sở hạ tầng lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030	2024	12	Lê Ngọc Hoàn	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
124	REP2024-04EN	Synthesis, review and proposal of contents related to projects on forest development, enhancement of forest productivity and quality, sustainable forest management, and research and training on forestry sector management and monitoring for SFDP 2026-	2024	12	Nguyễn Hùng Cường	EN	Chính sách lâm nghiệp	1

Báo cáo hoàn thành Dự án Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

STT	Mã số	Tiêu đề	Năm	Tháng	Tác giả	Ngôn ngữ	Danh mục	Đầu ra
		2030						
125	REP2024-04VN	Tổng hợp, rà soát, đề xuất các nội dung nhóm dự án thành phần về phát triển rừng, nâng cao năng suất chất lượng rừng, quản lý rừng bền vững, nghiên cứu, đào tạo quản lý giám sát ngành lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030	2024	12	Nguyễn Hùng Cường	VN	Chính sách lâm nghiệp	1
126	REP2025-01EN	Cải thiện kỹ thuật lâm sinh trong canh tác quế tại Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	2025	3	Đặng Thịnh Triều	EN	QLRBV	6
127	REP2025-02EN	Cải thiện hệ thống lưu giữ hồ sơ trong sản xuất quế tại Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Yên theo tiêu chuẩn, yêu cầu của UEBT	2025	3	Hoàng Thị Thu Hương	EN	QLRBV	6
128	REP2025-03EN	Thiết kế hệ thống truy xuất nguồn gốc cho Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh Yên	2025	3	UEBT	EN	QLRBV	6
129	REP2025-04EN	Hỗ trợ kỹ thuật cho HTX Vĩnh Yên để đáp ứng yêu cầu của UEBT	2025	3	UEBT	EN	QLRBV	6
130	REP2025-05EN	Xây dựng năng lực cho HTX Vĩnh Yên và hộ dân liên kết về lưu giữ hồ sơ và đảm bảo quyền của người lao động theo tiêu chuẩn, yêu cầu của UEBT	2025	9	Hoàng Thị Thu Hương	EN	QLRBV	6
131	REP2025-06EN	SNRM2 Project purpose indicator assessment	2025	12	Lê Quang Trung	EN	Đánh giá	1
132	REP2025-06VN	Đánh giá mức độ hoàn thành chỉ số mục tiêu cụ thể của dự án	2025	12	Lê Quang Trung	VN	Đánh giá	1

Chú thích: EN là tài liệu tiếng Anh, VN là tài liệu tiếng Việt.

MA TRẬN THIẾT KẾ DỰ ÁN (PDM)

Phiên bản 3

Ngày 15/3/2023

Tên dự án: Dự án Tăng cường Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

Cơ quan thực hiện: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT)

Cơ quan phối hợp: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) và các bên liên quan.

Bên hưởng lợi trực tiếp: Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (BQLDALN)/Tổng cục Lâm nghiệp (TCLN)/Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Cục BTTN&ĐDSH), Sở NN&PTNT và chủ rừng/nhóm chủ rừng tại 4 tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai)

Bên hưởng lợi gián tiếp: Các cơ quan đối tác khác liên quan đến phát triển lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học và chế biến gỗ/lâm sản.

Địa điểm thực hiện: Hà Nội và 4 tỉnh (Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai).

Thời gian thực hiện: 2021 – 2025 (4 năm)

Tóm tắt	Chỉ số xác minh khách quan (OVI)	Phương tiện xác minh (MoV)	Giả định quan trọng	Thành quả	Ghi chú
Mục tiêu tổng quát Tăng cường năng lực quốc gia để phát huy tối đa lợi ích từ các hệ sinh thái rừng thông qua việc thúc đẩy quản lý rừng bền vững, REDD+ và bảo tồn đa dạng sinh học góp phần nâng cao sinh kế cho người dân địa phương và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.	Phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt cho toàn bộ chủ rừng là tổ chức tại Việt Nam, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 27 của Luật Lâm nghiệp.	Báo cáo và số liệu của cơ quan quản lý			
Mục tiêu cụ thể Tăng cường năng lực cho cơ quan trung ương, chính quyền địa phương và các chủ rừng để thúc đẩy thực hiện quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế thông qua hỗ trợ rà soát, xây dựng và thúc đẩy thực hiện các chính sách cũng như các biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.	Trước khi kết thúc dự án, phần lớn các bên liên quan chính, bao gồm Bộ NN&PTNT, TCLN, Cục Kiểm lâm, VPCCRQG, Cục BTTN&ĐDSH và các tỉnh cũng như các chủ rừng mục tiêu đều xác nhận rằng họ nhìn chung đã nâng cao được năng lực thực hiện QLRBV sau khi tham gia thực hiện dự án.	Báo cáo đánh giá độc lập			

Đầu ra						
Đầu ra 1 Các chính sách và giải pháp chính về lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (2017) được cập nhật và/hoặc thực hiện.	1. Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được phê duyệt; và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt,	1. Quyết định phê duyệt Bộ chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược PTLN Việt Nam giai đoạn 2021-2030; và Quyết định phê duyệt Chương trình PTLNBV giai đoạn 2021-2025.	1. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách quốc gia về lâm nghiệp.			
Đầu ra 2 Hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng và áp dụng.	2. Tối thiểu 08 tiêu chuẩn vận hành QLRBV được xây dựng và phê duyệt bởi VPCCRQG với sự hỗ trợ của dự án trước khi kết thúc dự án.	2. Văn bản phê duyệt của cơ quan quản lý	2. Không có những thay đổi đáng kể trong chính sách quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học.			
Đầu ra 3 Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+, bao gồm cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài, được thúc đẩy.	3. Đề xuất chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Việt Nam được trình lên GCF trước khi kết thúc dự án.	3. Văn bản xác nhận của GCF về việc đã nhận được Đề xuất chi trả				
Đầu ra 4 Hệ thống Theo dõi diễn biến rừng cải tiến được tăng cường áp dụng.	4. Hệ thống TDDBR được vận hành; trên 50% số xã có rừng tại 04 tỉnh mục tiêu sử dụng hệ thống TDDBR cải tiến, bao gồm ứng dụng di động (tính trung bình tại 04 tỉnh này); và hệ thống này được vận hành một phần tại ít nhất 16 tỉnh khác trước khi kết thúc dự án.	4. Biên bản bàn giao hệ thống TDDBR cho Cục Kiểm lâm; và báo cáo từ các Chi cục kiểm lâm				
Đầu ra 5 Các chính sách và giải pháp chính thúc đẩy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.	5. Tối thiểu 3 bộ tài liệu hướng dẫn về điều tra đa dạng sinh học được xây dựng và chính thức ban hành trước khi kết thúc dự án.	5. Văn bản phê duyệt của Bộ Tài nguyên và Môi trường				
Đầu ra 6 Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu (Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai).	6. Ít nhất 01 phương án QLRBV được xây dựng, phê duyệt và thực hiện tại từng tỉnh mục tiêu với sự hỗ trợ của dự án, trước thời điểm dự án kết thúc.	6. Các phương án QLRBV được phê duyệt chính thức và hồ sơ/báo cáo thực hiện				

Hoạt động	Đầu vào		Điều kiện tiên đề
Hợp phần 1 (Hỗ trợ xây dựng, hoàn thiện các chính sách về lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học)	PHÍA NHẬT BẢN	PHÍA VIỆT NAM	
[Đầu ra 1] Các chính sách và giải pháp chính về lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (2017) được cập nhật và/hoặc thực hiện.	Chuyên gia - Cố vấn trưởng - Các chuyên gia QLRBV/bảo tồn ĐDSH - Điều phối viên hành chính - Tư vấn QLRBV và TDDBR - Cán bộ/tư vấn trong nước	Cán bộ dự án - Ban Quản lý DA TƯ (Giám đốc DA, Phó Giám đốc DA và cán bộ DA) - Cán bộ Ban Quản lý DA tỉnh - Các cán bộ đối tác từ Bộ NN-PTNT - Các cán bộ đối tác từ Bộ TN-MT	1. Bộ Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho BQLDATW (Ban quản lý các DALN) và Tổng cục LN.
1-1 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.		Văn phòng và cơ sở vật chất - Các văn phòng DA (Hà Nội và 4 tỉnh) - Các cơ sở vật chất và thiết bị khác	2. Sở Nông nghiệp và PTNT bố trí đủ cán bộ và kinh phí cần thiết cho Ban quản lý DA cấp tỉnh.
1-1-1 Hỗ trợ xây dựng các chỉ số giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.	Thiết bị và máy móc - Phương tiện đi lại - Thiết bị cần thiết cho các hoạt động dự án		
1-1-2 Hỗ trợ giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.			
1-2 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.	Đào tạo - Đào tạo ở Nhật Bản - Đào tạo ở các nước thứ ba - Đào tạo ở Việt Nam	Chi phí vận hành DA - Ngân sách cho nhân sự đối tác thực hiện các hoạt động DA (bao gồm cả vé máy bay, đi lại trong nước, công tác phí và chi phí lưu trú...). - Chi phí vận hành các trang thiết bị văn phòng và thông tin liên lạc. - Chi phí đăng ký, bảo dưỡng, bảo hiểm và nhiên liệu phương tiện. - Các chi phí cần thiết khác.	3. Không có thay đổi đáng kể trong chính sách của Việt Nam về lâm nghiệp và bảo tồn đa dạng sinh học.
1-2-1 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.	Chi phí vận hành dự án - Chi phí cho các hoạt động dự án (chia sẻ chi phí với phía Việt Nam) - Các chi phí cần thiết khác		
1-2-2 Hỗ trợ giám sát, đánh giá các dự án đầu tư thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.			
1-2-3 Hỗ trợ giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và tác động của Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.			
1-3 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực lâm nghiệp.			
[Đầu ra 2] Hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững của Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng và áp dụng.			
2-1 Hỗ trợ thúc đẩy vận hành hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế.			
2-1-1 Hỗ trợ xây dựng, điều chỉnh, cập nhật các văn bản pháp lý, chính sách, kỹ thuật để vận hành hệ thống cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc gia.			
2-1-2 Hỗ trợ xây dựng năng lực các bên liên quan để vận hành hệ thống cấp chứng chỉ rừng bền vững quốc gia.			

[Đầu ra 3] Chương trình Hành động Quốc gia về REDD+, bao gồm cơ hội tiếp cận các nguồn tài chính bên ngoài, được thúc đẩy.
3-1 Hỗ trợ thúc đẩy Chương trình hành động quốc gia về REDD+, bao gồm hỗ trợ tiếp cận nguồn chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+ của Quỹ Khí hậu xanh (GCF) và các nguồn tài chính khác.
[Đầu ra 4] Hệ thống theo dõi diễn biến rừng cải tiến được tăng cường áp dụng.
4-1 Hỗ trợ cải thiện hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng.
4-2 Nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng cho các cơ quan cấp trung ương và địa phương.
[Đầu ra 5] Các chính sách và giải pháp chính thức đầy bảo tồn đa dạng sinh học được cập nhật và/hoặc thực hiện.
5-1 Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12) và xây dựng dự thảo các văn bản pháp lý thực hiện Luật đa dạng sinh học sửa đổi.
5-1-1 Hỗ trợ thực hiện đánh giá tác động chính sách Luật đa dạng sinh học (20/2008/QH12).
5-1-2 Hỗ trợ điều chỉnh Luật đa dạng sinh học và các văn bản pháp lý liên quan.
5-2 Hỗ trợ cải thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học và tăng cường năng lực điều tra, quan trắc và lập báo cáo đa dạng sinh học.
5-2-1 Hỗ trợ cải thiện hệ thống NBDS và nâng cao năng lực thu thập dữ liệu về đa dạng sinh học để lưu vào NBDS.
5-2-2 Hỗ trợ tổ chức tập huấn và xây dựng hướng dẫn để nâng cao điều tra, quan trắc và lập báo cáo đa dạng sinh học của các bên liên quan.

5-3 Hỗ trợ tăng cường mạng lưới các khu dự trữ sinh quyển quốc gia và quốc tế (bao gồm nhân rộng mô hình Hệ thống quản lý hợp tác được xây dựng tại Khu dự trữ sinh quyển LangBiang).
5-3-1 Hỗ trợ tổ chức các hội thảo quốc gia để chia sẻ kiến thức và cách thức quản lý hiệu quả các khu DTSQ.
5-3-2 Hỗ trợ xây dựng nghị định về quản lý các khu DTSQ tại Việt Nam.
5-3-3 Hỗ trợ kết nối các khu DTSQ quốc gia và quốc tế.
5-4 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học.
Hợp phần 2 (Quản lý rừng bền vững)
[Đầu ra 6] Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai.
6-1 Xác định (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu để hỗ trợ thực hiện quản lý rừng bền vững.
6-1-1 Xây dựng tiêu chí lựa chọn chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu.
6-1-2 Lựa chọn chủ rừng/nhóm chủ rừng theo các tiêu chí trong mục 6-1-1.
6-2 Hỗ trợ tăng cường kiến thức về quản lý rừng bền vững cho Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng.
6-2-1 Xây dựng chương trình tập huấn/hội thảo cho Sở NN&PTNT và các chủ rừng/nhóm chủ rừng.
6-2-2 Tổ chức tập huấn/hội thảo theo chương trình xây dựng theo mục 6-2-1.

6-3 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.			
6-3-1 Chuẩn bị lộ trình xây dựng phương án QLRBV cho chủ rừng/nhóm chủ rừng mục tiêu.			
6-3-2 Xây dựng và trình phê duyệt phương án QLRBV dựa trên lộ trình tại mục 6-3-1.			
6-4 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu thực hiện các hoạt động theo phương án quản lý rừng bền vững.			
6-4-1 Xác định các lĩnh vực/nhóm hoạt động cần dự án hỗ trợ.			
6-4-2 Thực hiện các hoạt động dựa trên phương án QLRBV đã được phê duyệt.			
6-5 Hỗ trợ giám sát tiến độ thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững.			
6-6 Hỗ trợ đánh giá và tổng hợp những phương pháp thực hiện tốt và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án vào quá trình xây dựng chính sách và đề xuất nhân rộng mô hình.			

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Phiên bản 4
Ngày 27/2/2025

Tên dự án: Dự án Tăng cường Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (SNRM2)

Thời gian thực hiện: 2021 – 2025 (4 năm)

Đầu vào	Năm NTCVN	2021				2022				2023				2024				2025				Ghi chú	Giám sát	
		I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV		Vấn đề	Giải pháp
Chuyên gia																								
Cố vấn trưởng	KH																							
	TT																							
Chuyên gia QLRBV	KH																							
	TT																							
Chuyên gia ĐDSH / ĐPV hành chính	KH																							
	TT																							
Tư vấn về QLRBV và TDDBR	KH																							
	TT																							
Cán bộ/tư vấn trong nước	KH																							
	TT																							
Trang thiết bị																								
Ô tô (cho Lào Cai và Tuyên Quang)	KH																							
	TT																							
Thiết bị văn phòng (máy tính, máy in, ...)	KH																							
	TT																							
Trang thiết bị khác (nếu cần)	KH																							
	TT																							
Tập huấn tại Nhật Bản																								
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																							
	TT																							
Đào tạo trong nước/nước thứ ba																								
Đào tạo cho các cán bộ đối tác	KH																							
	TT																							

Hoạt động		Năm	2021				2022				2023				2024				2025				Chịu trách nhiệm		Thành quả	Vấn đề & Giải pháp	
Tiểu hoạt động		NTCVN	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	Nhật Bản	Việt Nam				
HỢP PHẦN 1																											
[Đầu ra 1] Các chính sách và giải pháp chính về lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp (2017) được cập nhật và/hoặc thực hiện.																											
1-1 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.																											
1-1-1 Hỗ trợ xây dựng các chỉ số giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									
1-1-2 Hỗ trợ giám sát thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									
1-2 Hỗ trợ xây dựng và/hoặc giám sát thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.																											
1-2-1 Hỗ trợ xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									
1-2-2 Hỗ trợ giám sát, đánh giá các dự án đầu tư thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									
1-2-3 Hỗ trợ giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và tác động của Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									
1-3 Hỗ trợ thực hiện các vấn đề mới khác trong lĩnh vực lâm nghiệp.		KH																					Chuyên gia dài hạn	TCLN			
		TT																									

[illegible]

[illegible]

HỢP PHẦN 2																												
[Đầu ra 6] Quản lý rừng bền vững theo các tiêu chuẩn quốc gia và/hoặc quốc tế được thúc đẩy tại các tỉnh mục tiêu Hòa Bình, Sơn La, Tuyên Quang và Lào Cai.																												
6-1 Xác định (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu để hỗ trợ thực hiện quản lý rừng bền vững.																												
6-1-1 Xây dựng tiêu chí lựa chọn chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-1-2 Lựa chọn chủ rừng/nhóm chủ rừng theo các tiêu chí trong mục 6-1-1.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-2 Hỗ trợ tăng cường kiến thức về quản lý rừng bền vững cho Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh và (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng.																												
6-2-1 Xây dựng chương trình tập huấn/hội thảo cho Sở NN&PTNT và các chủ rừng/nhóm chủ rừng.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-2-2 Tổ chức tập huấn/hội thảo theo chương trình xây dựng theo mục 6-2-1.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-3 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu xây dựng phương án quản lý rừng bền vững.																												
6-3-1 Chuẩn bị lộ trình xây dựng phương án QLRBV cho chủ rừng/nhóm chủ rừng mục tiêu.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-3-2 Xây dựng và trình phê duyệt phương án QLRBV dựa trên lộ trình tại mục 6-3-1.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-4 Hỗ trợ (các) chủ rừng và/hoặc nhóm chủ rừng mục tiêu thực hiện các hoạt động theo phương án quản lý rừng bền vững.																												
6-4-1 Xác định các lĩnh vực/nhóm hoạt động cần dự án hỗ trợ.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											
6-4-2 Thực hiện các hoạt động dựa trên phương án QLRBV đã được phê duyệt.	KH																							Chuyên gia dài hạn/ngắn hạn	Sở NN&PTNT			
	TT																											

